

BÁCH KHOA

SỐ 62 — NGÀY 1-8-1959

Trong số này :

- HOÀNG-MINH-TUYNH Văn đề viện trợ các nước chậm tiến.
- SONG-AN CƯ-SĨ Nước Thái-Lan.
- PHẠM-HOÀNG Trí thức và Sĩ phu.
- PHẠM-HOÀNG-HỘ Sự bảo tồn thiên nhiên.
- HUYNH-ĐỆ Quân nhân phạm pháp.
- PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH { Kiêm ái của Mặc-Tử và Bác ái của Ki-tô-giáo.
- (dịch)
- ĐOÀN-THÊM Quốc hồn quốc túy.
- NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA Phương-pháp phân-định từ loại.
- TÂN-FONG-HIẾB Bạch-Thái-Bưởi.
- TRẦN-VĂN-KHÊ Hát tuồng.
- TRẦN-NGUYỄN ANH-CA Tôi đóng phim bên Anh.
- NGUYỄN-PHỦ Diễm-sách : Người yêu tôi khóc (thơ Thế-Viên).
- THANH-LĂNG { Ý kiến về truyện ngắn
- CÔ LINH-BẢO { Việt và ngoại quốc.
- THẾ-PHONG
- PHAN-LẠC-TUYỂN Mưa qua phòng tuyến cũ (thơ).
- PHAN-DU Con ngựa hai chân (truyện ngắn).
- XUÂN-HIẾN Tinh-túy (thơ).
- NGUYỄN Đám dân bị nạn (truyện dịch).
- HUY-TRÂM Về quê em (thơ).
- VŨ-HẠNH Ông rừng (truyện ngắn).
- HOÀNG-KHANH Bàn tay (thơ).
- VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) Khói lửa kinh-thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "Eau de Vie cu" 40° và 50°
— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Tửu"
— Rượu Tàu "Tích-Thọ-Tửu"

SI-RÔ "Verigoud":

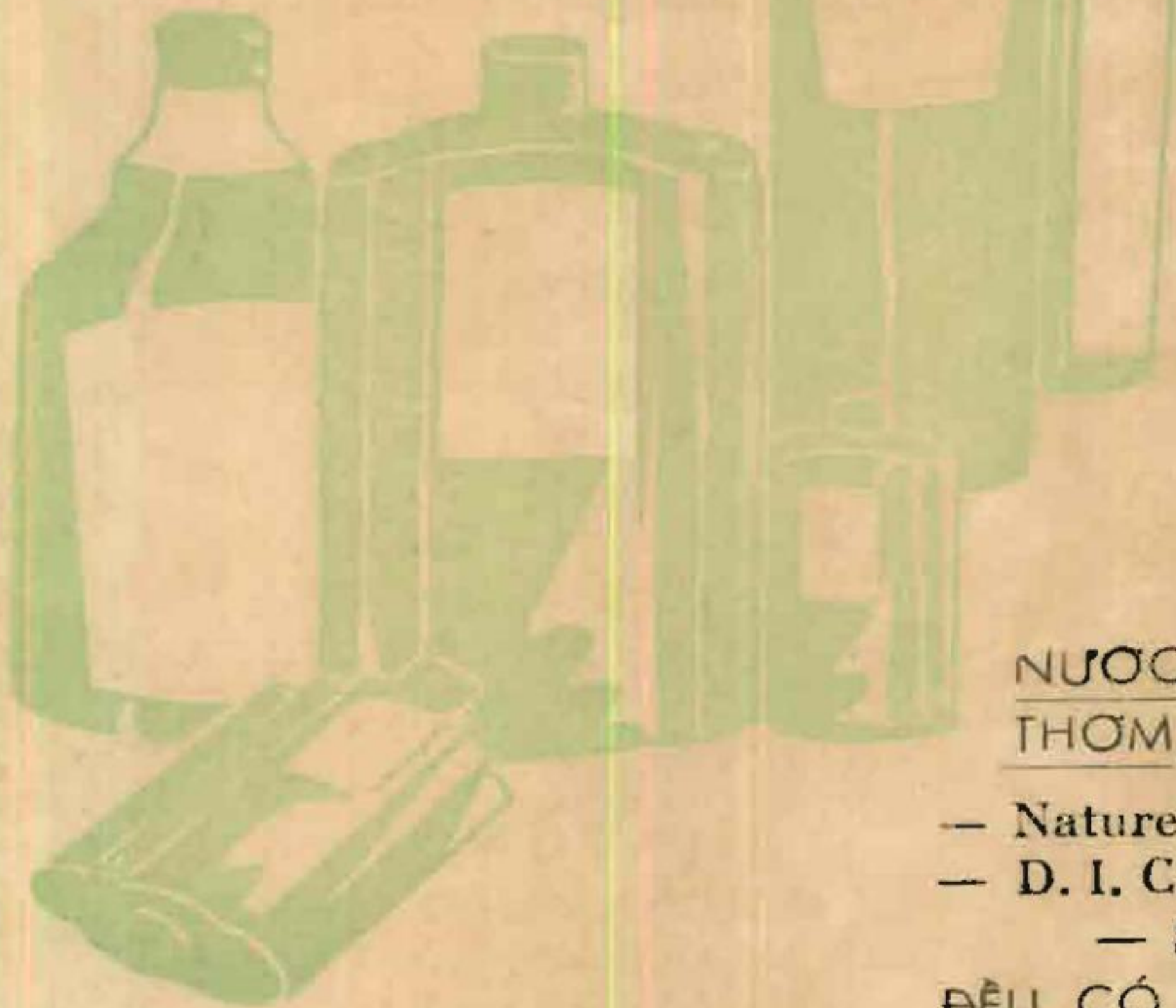
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "Distarome"

DISTILLERIES

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Ben Bạch-Đặng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIỀU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

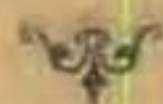
Xin hiến Quý khách
Giá du-ngọan đặc-biệt
(có giá-trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG (*khứ hồi*):

\$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT (*khứ hồi*):

\$ 570 — mỗi người



XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẠC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

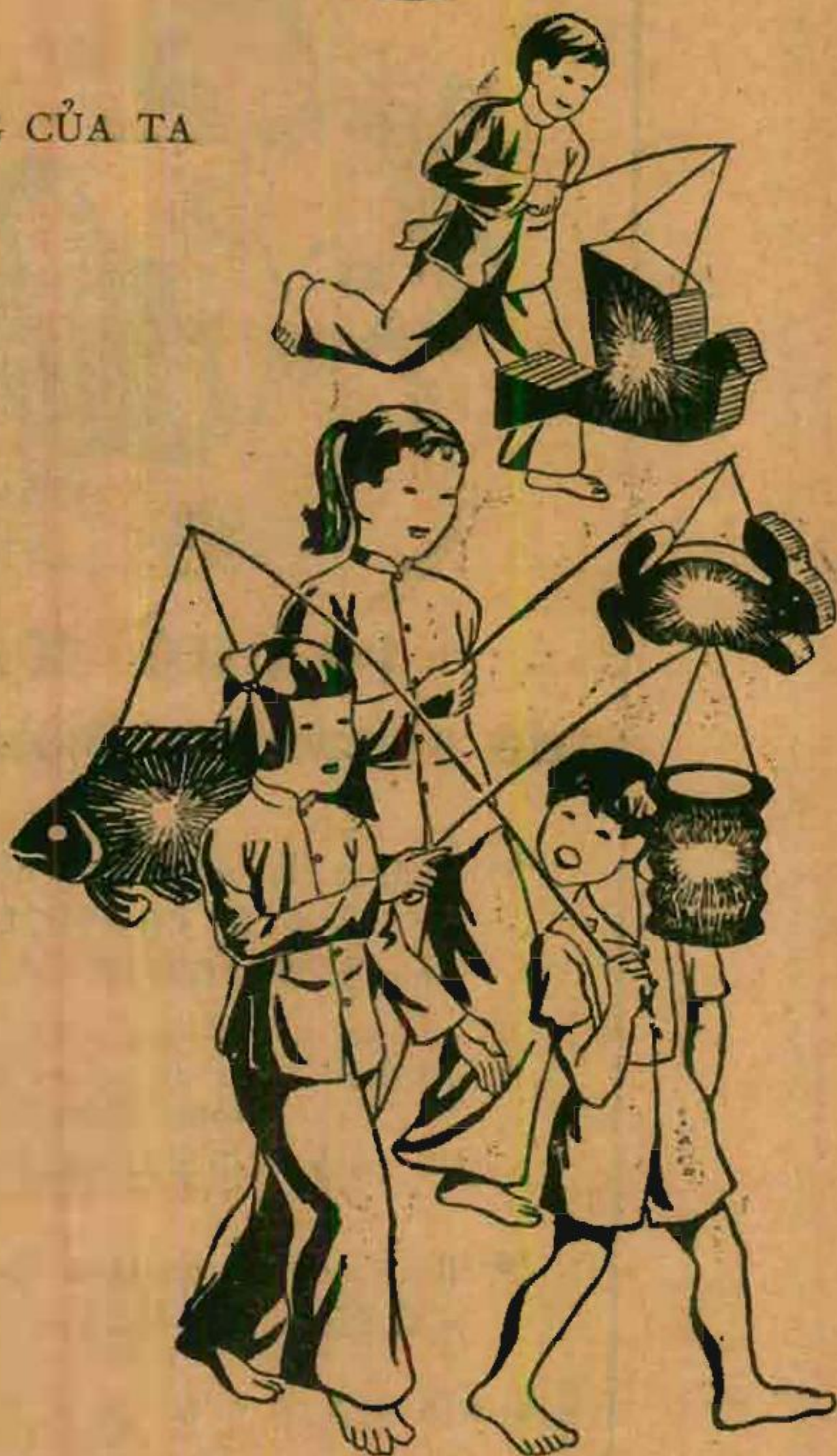
Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

CÓ DẦU TRONG ĐỜI SỐNG CỦA TA

Đối với chúng ta Tết Trung-Thu là một ngày lễ của cả người lớn lẫn trẻ em. Nhất là đối với trẻ em thì thật là một ngày đầy thích-thú.

Đêm Trung-Thu dưới ánh trăng rằm, con em chúng ta nô đùa ca hát, tay cầm đèn lồng đủ màu đủ kiểu. Có ai biết đâu dầu đã đóng một vai trò trọng yếu trong ngày ấy, để đem lại sự vui vẻ cho mọi người chúng ta.

Dầu góp một phần quan trọng vào đời sống của ta.



HÃNG DẦU STANVAC
Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi

STANDARD-VACUUM OIL COMPANY VÀ CÁC SẢN-PHẨM MOBILGAS, MOBIL OIL, MOBIL DIESEL V.V..



10.000 Kms de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez-vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coûtera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

*DE PLUS EN PLUS de possibilités vous
sont offertes pour le même prix.*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées



Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités.

Whisky **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & C^o
MONOPOLE** »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ V (từ số 49 đến số 60) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 - 60 : 5 tập : 525 đ.

•

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tín LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

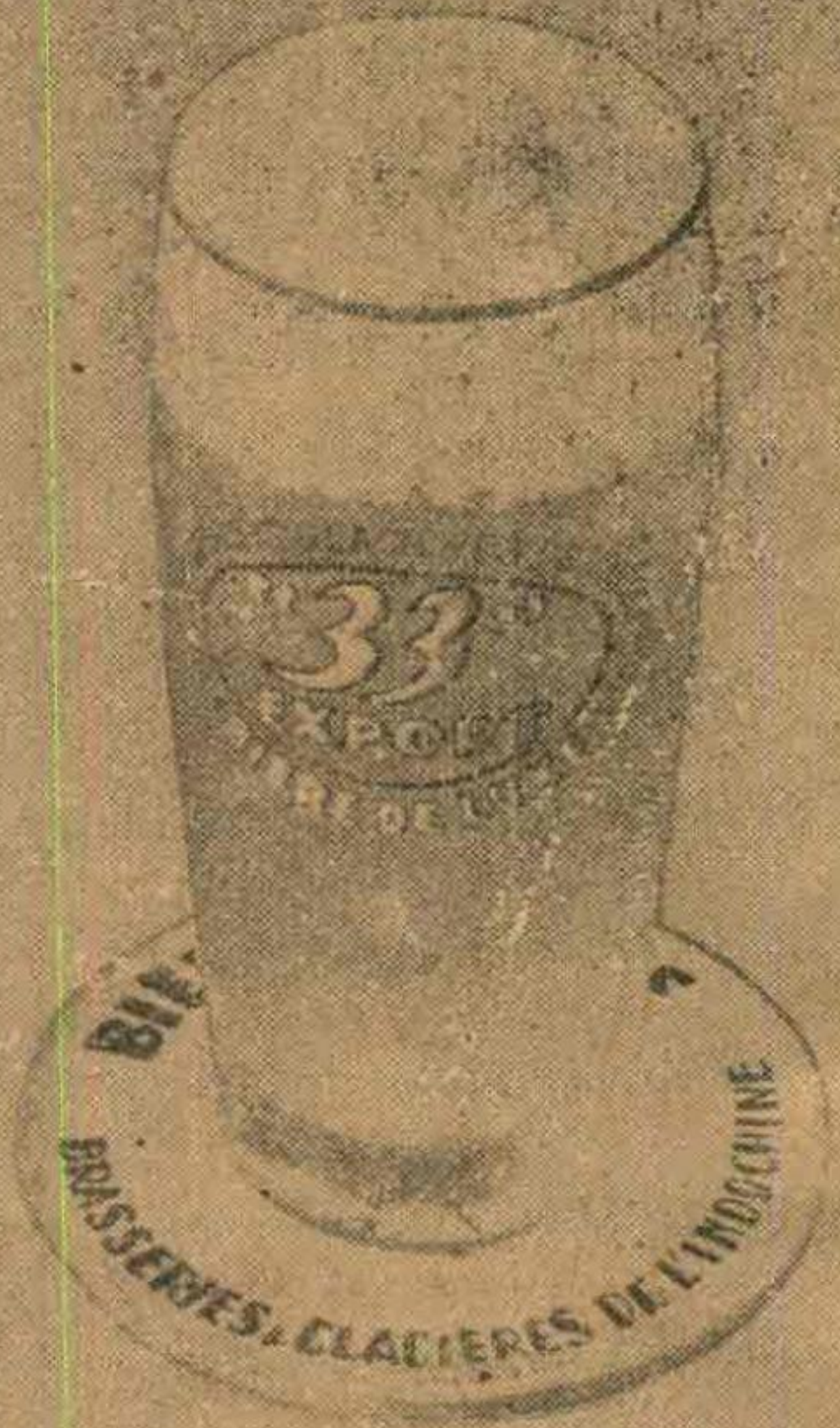
Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
 - GLAXO (Anh-Quốc)
 - LILLY (Huê-Kỳ)
 - SQUIBB (Huê-Kỳ)
 - PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)
 - SCHERING (Huê-Kỳ)
 - AMBRINE (Pháp-Quốc)
 - DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
 - DON BAXTER (Huê-Kỳ)
 - ỒNG CHÍCH
 - KIM CHÍCH
- và
- « IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE
« MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ỉa mửa kiết lỵ, kiết dâm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICHIDE « MUS » (Trị mắc cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bảo chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐỦ : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm



BÁCH - KHOA

Số 62 — Ngày 1 - 8 - 1959

	Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Văn-đề viện-trợ các nước chậm tiến</i> 3
SONG-AN CU-SI	<i>Nước Thái-Lan</i> 10
PHẠM-HOÀNG	<i>Trí-thức và Sĩ-phu</i> 16
PHẠM-HOÀNG-HỘ	<i>Sự bảo tồn thiên-nhiên</i> 17
HUYNH-ĐỆ	<i>Quản-nhân phạm pháp</i> 21
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	<i>Kiểm-ái của Mặc-Tử và Bào-ái của Ki-lô-giáo</i> 29
ĐOÀN-THÊM	<i>Quốc hồn quốc túy</i> 34
NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA	<i>Phương-pháp phân-dịnh từ loại</i> . 44
TÂN-FONG-HIỆP	<i>Bạch-Thái-Bưởi</i> 47
TRẦN-VĂN-KHÊ	<i>Hát tuồng</i> 57
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	<i>Tôi đóng phim bên Anh</i> 65
NGUYỄN-PHÚ	<i>Điểm-sách : Người yêu tôi khóc (thơ Thế-Viên)</i> 73
THANH-LĂNG, CỎ LINH-BẢO THẾ-PHONG	<i>Ý kiến về truyện ngắn Việt và ngoại-quốc</i> 79
PHAN-LẠC-TUYẾN	<i>Mưa qua phòng tuyến cũ (thơ)</i> . 83
PHAN-DU	<i>Con ngựa hai chân (truyện ngắn)</i> 84
XUÂN-HIỆN	<i>Tinh túy (thơ)</i> 89
NGUYỄN	<i>Đám dân tị nạn (truyện dịch)</i> . . 93
HUY-TRÂM	<i>Về quê em (thơ)</i> 97
VŨ-HẠNH	<i>Ở ong rừng (truyện ngắn)</i> 98
HOÀNG-KHANH	<i>Băn tay (thơ)</i> 104
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	<i>Khởi lửa Kinh-thành</i> 105

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

ĐOÀN-THÊM	: Thử giải-quyết vấn-đề giải-trí.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	: Một chiến-công của đốc-binh Phạm-Hữu-Tâm.
VÕ-PHIẾN	: Nghĩ về cá-tính văn-học miền Nam.
CÔ-LIÊU	: Thanh-niên và mặc-cảm thời-đại.
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	: Văn-đề thuốc giả (Placebos).
P. I. N.	: Những sự sai lạc ngày nay.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC	: Tiểu-thuyết, truyện ngắn, tản truyện.
NGUYỄN-THIỆU-NGUYỄN	: Đặc-tính của tiểu-thuyết.
NGUYỄN-TỬ-QUANG	: Thử tìm xuất-xứ bài Vọng-cổ.
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	: Tôi đóng phim tại Pháp.
TRẦN-VĂN-KHÊ	: Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng khúc số 9.
NGUYỄN	: Trong đồng hoang (truyện dịch).
MỘNG-TUYẾT	: Đốt sách (ký-sự).
VÕ-PHIẾN	: Thác đồ sau nhà (truyện ngắn).
THẦM-THỆ-HÀ	
Pierre - Kèn DARIVILLE	: Ý-kiến về truyện ngắn.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

VẤN-ĐỀ VIỆN-TRỢ

các nước chậm tiến đối
với Thế - giới hiện nay

★ HOÀNG-MINH-TUYNH

II

Trời không cho riêng ai giàu, ý trời muốn ký thác những kẻ nghèo cho người ấy ; Trời không cho riêng ai sang, ý trời muốn ký thác những kẻ hèn cho người ấy.

SỪ ĐIỂN

Tình-cảnh nhân-loại hiện nay, mặc dù vì lệ-thuộc vào không-gian, đã đề phân tán mất nhiều tài-nguyên, và mặc dù vì lệ-thuộc vào thời-gian đã đề cho nhóm này tiến mau hơn nhóm khác trong phương-thuật khai-thác thiên-nhiên, vẫn phải cố gắng làm sao bảo-tồn được mỗi tình huynh-đệ nó qui nhất được các dân-tộc trong thế-giới, ngăn chặn được sự trốn tránh trách-nhiệm gây ra bởi lòng ích-kỷ và buộc mọi người phải thực-hành cái nghĩa tương-trợ. Đó là một viễn-tượng lý-tưởng, không thể coi như một giấc mơ đẹp, mà phải coi là một nghĩa-vụ chân chính, nghĩa vụ mệnh-mông và phức-tạp vô cùng, nghĩa-vụ khiến ta phải tự hỏi: phải làm sao bây giờ ?

— Phải làm sao bây giờ ?

Có người nghĩ không cần phải băn-khoăn cho lắm làm gì, cứ việc đề cho mọi sự diễn biến một cách tự nhiên. Cứ đề cho một thứ chủ-nghĩa tự-động, nó phổ-biến tiến-bộ kỹ-thuật, theo vết dấu loang như chủ-nghĩa tư-bản xưa kia, rút cuộc, đã làm lợi cho hết mọi người.

Cứ đề cho một thứ Lịch-sử luôn luôn chiến-thắng, nó đưa xã-hội không giai-cấp, kinh-tế theo kế-hoạch tới khắp mọi nơi, và mọi vấn-đề sẽ được giải-quyết tốt đẹp. Hai phương-thức mâu-thuẫn nhau, nhưng cũng có ý muốn làm yên lòng mọi người thuộc phạm-vi ảnh hưởng của mình.

★

**Viện-trợ theo chủ-nghĩa
tư-bản tự-do**

Theo lý-thuyết của chủ-nghĩa tư-bản cổ điển, thì tiết-kiệm do ở lợi-tức và tiền công mà ra có thể đầu tư thành những phương-tiện sản-xuất mới và đến lượt nó cũng sinh ra tiền công, lợi-tức và tiết-kiệm. Các nước kém mở mang đều là những nước cần thu-dụng loại đầu tư trên. Loại đầu tư này sẽ sản ra ở đó đồ tiêu-thụ mới, sinh ra ở đó lợi-tức mới, làm ra ở đó tiết-kiệm mới, và khiến tiết-kiệm « nhập-cảng » trở thành tiết-kiệm « bản xứ ». Thật là có lợi cho người « bản xứ », và tất nhiên cũng có lợi cho những nước « xuất-cảng » được tiền tiết-kiệm của mình.

Cái lược đồ quá giản-dị của chủ-nghĩa tư - bản đó hình như không được hưởng ứng lắm. Lý do là sự lựa chọn kỹ-nghệ hoặc công-nghiệp của người đầu tư nhiều khi không phù hợp với nhu yếu thiết-thực và chân-chính của nền kinh-tế các nước chậm tiến. Nhà tư - bản khi bỏ tiền chỉ nghĩ đến gì làm ra được nhiều tiền nhất, chứ không tính đến cái gì xét ra là cần kíp nhất. Họ có thể thâu được kết quả, nhiều khi khả - quan cho họ và phần nào cho nước họ đầu tư, nhưng thường họ khó có thể góp cho nước ấy phát-triển toàn bộ kinh-tế một cách điều hòa.

Ngoài ra, còn có điều này là vốn của tư-nhân không thể đem đầu tư ở những nơi thiếu một hạ-tầng cơ-sở kinh-tế (như đường xá, dò giang, cầu cống, hải-cảng). Cơ-sở này chỉ có thể do chính-phủ địa-phương đảm nhận và xây cất bằng vốn của một nước giám-hộ sẵn lòng chịu hy-sinh hoặc của một tổ-chức quốc-tế đứng làm

trung-gian thâu nhận phần đóng góp của những xứ giàu. Sự tương trợ này là điều cần thiết, phái kinh-tế cổ-diễn lại cho là không quan-trọng.

Sau nữa, kinh - nghiệm hai mươi năm gần đây chứng tỏ vốn của các nhà tư-bản ít chịu đi vào sinh lợi tại các nước chậm tiến. Đó là vì vốn của họ đặt tại các nước kỹ-nghệ hóa sinh lợi nhiều hơn và nhất là vì họ sợ các nước chậm tiến, nhưng độc-lập về chính-trị, có thể xâm-phạm đến « an-ninh » đến « sinh mạng » của vốn bằng nhiều cách, như quốc-hữu hóa, kiểm-sát hối-đoái v.v... Những năm gần đây, vốn của tư-nhân Mỹ nếu có xuất-ngoại thì thường đi thẳng tới các xí-nghiệp dầu lửa mà đa số thiết-lập tại các khu vực ít dân-cư và là nơi mà các royalties (1) ít giúp vào sự mở mang. Xem vậy đủ rõ, ta không thể trông cậy vào những hiệu năng quá xưa của chủ-nghĩa tư-bản tự-do để đi tới chỗ giúp đỡ các nước chậm tiến về kinh - tế, được phát-triển mau lẹ, kịp người.

Lý-thuyết của Ken-xơ (Keynes), một kinh-tế gia nổi tiếng, cũng không đem lại kết quả gì hơn trong việc giải-quyết vấn-đề đầu tư hải-ngoại của các nước giàu mạnh. Lý-thuyết ấy chủ-trương ngược với lý-thuyết tư-bản chủ-nghĩa, cho rằng đầu tư không những không nhất thiết phải dùng đến tiết kiệm, mà còn làm nảy ra tiết kiệm. Chỉ việc tài trợ các cuộc đầu tư bằng cách lạm phát là lợi tức phát-sinh và có cơ tăng bội. Người ta cho chủ-trương của Ken-xơ không phải ở đâu cũng có thể thực - hiện được. Chính nước Anh và nước Đức, trong cuộc phục-hưng quốc-gia của họ, đã dùng đường lối khác với đường

(1) Tiền tô, tô kim.

lỗi của Ken-xơ. Đường lối ấy, nếu đem áp-dụng vào các nước kém mở mang càng có thể gây ra nguy-hiêm. Chúng ta cần phải rõ một điều là lý-thuyết của Ken-xơ do kinh-tế tư-bản chủ nghĩa tiến-bộ phát xuất ra tại những nước sẵn có tư-bản để không, cần phải đem dùng ; nó không thể áp-dụng được tại những nơi mà tư-bản còn đang ở trong thời kỳ kết-tụ.

Ngần ấy chứng minh tường đã đủ tỏ rõ không thể trông cậy vào những phương-pháp của tư-bản chủ-nghĩa hầu giúp-dỡ các nước kém mở mang. Tại những nơi này, điều cần là phải có một định hướng rõ-rệt trong nội-bộ, một kế hoạch thiết-thực nắm vững được các nhu-cầu chủ yếu của nhân-dân và biết tùy theo hoàn-cảnh mà sử-dụng các phương-tiện cần thiết để đối phó kịp thời. Ngoài ra, ngoại viện tại các nơi đó phải đi tới chỗ giảm bớt hỗn loạn và không nên để cho nó biến các nơi đó thành những chỗ kiếm lời một cách quá trắng trợn.



Viện trợ theo chủ-nghĩa

Mác — Lê Nin

Chủ-nghĩa Mác — Lê nin, trước sự thất-thể và bất-lực của chủ-nghĩa tư-bản tự do, được nhiều người coi là một chiếc đũa tiên có khả-năng biến thế-giới thành một thiên đường. Áo-tưởng ấy càng mê-ly, mãnh-liệt, vì người ta tuyên-truyền nó với dụng ý để cho đệ-tam thế giới coi nó như một cái gì tất nhiên, hết sức đơn giản, và đồng thời cũng có thâm ý buộc đệ-tam thế-giới phải lựa chọn dứt khoát một trong hai khối, Đông hay Tây.

Trước hết, còn gì phải lẽ cho bằng đem toàn thể nền kinh-tế quốc-gia đặt dưới một

kế-hoạch hợp-ly ! Đó há chẳng phải là cách chắc chắn làm cho sự mở mang kinh-tế được điều hòa ? Đó há chẳng phải là cách tránh, không để sự mở mang kinh-tế biến thành dịp kiếm lời cho một bọn người ích kỷ gây thiệt hại cho lợi ích chung ? Đó há chẳng phải là cách làm tiêu trừ sự vẩn vơ và sự bất quân, sự chậm trễ và sự bế tắc, phát sinh do bởi nỗ lực không được phối trí ? Nắm giữ trong tay tất cả yếu tố của phần-vinh như nhân-công, khí-cụ, tín-dụng, tiền-tệ, giáo-dục, uy-quyền, và được mặc sức sử-dụng, đó há chẳng phải là hoàn cảnh và địa vị của một vị thần lửa Po-rô-mê-tê (Prométhée) mới, có năng-lực giải-thoát con người khỏi ách nô-lệ của nhu-cầu ?

Cộng-sản thực-hiện được một cơ cấu như thế vì Cộng-sản với kế-hoạch toàn-lộ là một ; nói đến Cộng-sản thì phải nói đến kế-hoạch toàn-bộ, và nói đến kế-hoạch toàn-bộ tức là nói đến Cộng-sản.

Nếu hiệu-năng của kế-hoạch được đúng như đã dự tính, thì các khu-vực kém mở mang, một khi trở thành các nước dân-chủ nhân-dân sẽ được thấy mở ra trước mắt họ con đường tiến bộ vật-chất có thể đưa tới hạnh-phúc chân thực. Con người sẽ hồn-nhiên đứng trước một thế quân-blah đã hình-thành từ trước, thế quân-bình mà hầu như lịch-sử đã sửa soạn, sắp đặt và được coi là giải-pháp chung-quyết vậy.

Ta không lạ gì nếu thấy phần lớn hạng trí-thức của đệ-tam thế-giới bị viễn-tượng trên thời-miên mê-hoặc, khó bề thức-tỉnh.

Những dân-tộc nhờ được thiên-nhiên ưu-đãi hoặc được văn-minh tiến bộ hơn người nếu ngay từ bây giờ không nỗ lực giúp đỡ các dân-tộc khác những phương-tiện sinh-hoạt xứng đáng với kẻ làm người để họ mở mang mày mặt, có thể ngày kia phải tỉnh ngộ một cách đau đớn... (Những nỗ lực của các quốc-gia được thiên-nhiên ưu-đãi đối với công cuộc giúp đỡ các nước kém may mắn khác) đã phô bày được một phương-diện trong đức bác-ái của Chúa Ki-tô, đức bác-ái đã được tô điểm bằng cuộc đời và cái chết Ngài và chính Ngài đã nói sẽ lấy đó làm dấu hiệu để phân biệt kẻ nào thật là môn-đệ Ngài.

ĐỨC GIÁO-TÔNG PIÔ XII

Song thực-tế đã chứng tỏ kế-hoạch của cộng-sản thực-hiện không phải dễ dàng và thường vấp phải những chống-đối nghiêm-trọng, khiến năng-xuất phải giảm sút. Đó là bởi tại cộng-sản phải thực-hiện từng kế-hoạch bộ-phận trong toàn kế-hoạch chung, những khuyết-diểm, khi thực-hiện kế-hoạch thu hẹp, có ảnh-hưởng đến toàn bộ rất nhiều. Ngoài ra, vì phải lo đến việc cung-ứng tư-liệu sản-xuất nhiều hơn, và vì phải bắt buộc dân-chúng tiêu-thụ dưới mức trung-bình, chế-độ kinh-tế cộng-sản tự nhiên bị mất thế quân-bình gây ra bởi khuynh-hướng lạm-phát. Nhất là kế-hoạch kinh-tế toàn-bộ chỉ có thể thực-hiện, khi nào sung công được toàn-thể dân-chúng, cùng với hồn, xác và tay chân, trí não của họ, ném vào một chế-độ lao-công cưỡng-bách, giáo-hóa nhất luật, giải trí chỉ-huy, tư-tưởng áp bức mà thôi.

Một số lãnh-tụ các nước chậm tiến hình như có khuynh-hướng mô-phỏng chế-độ kinh-tế này và không ngần ngại gọi sự việc bằng chính tên của nó. Ông Xê-cu Tu-rê (Sékou Touré) nguyên-thủ xứ Ghi-nê (Guinée) đã từng tuyên-bố: « Nước

Pháp đã có máy chém thì xứ Ghi-nê sẽ có trụ cọc. Chúng tôi là chính-phủ Phi-châu thứ nhất dám thiết-lập chế-độ lao-công cưỡng-bách trên đất nước chúng tôi. Chúng tôi không sợ gì mà không gọi chính tên nó ra cho mọi người biết (1). »

Những nỗ-lực vô nhân-đạo, mà nhà cầm-quyền bắt nhân-dân phải chịu đó, không thể nào không đi ngược lại với mục-dích nâng-cao nhân-phẩm mà người ta đã nhằm khi nâng-cao mức sống; và dù gọi cách áp-chế ấy bằng danh-từ nào, như « đầu tư lao-công » « đầu tư nhân-mạng » đi nữa, thì thực-chất của nó vẫn chỉ là lao công cưỡng-bách mà thôi. Nhân-loại cần phải lên án những phương-pháp nhục-mạ nhân-loại này, mặc dù có áp-dụng với mục-dích cao cả nào và mặc dù kẻ cầm cái roi, có bàn tay da trắng hay bàn tay da đen cũng vậy.

Tiến-bộ không thể chối cãi của nước Nga thu lượm được — tiến-bộ được khoa trương quá đáng bằng một lối tuyên-truyền

(1) Báo Thế-giới (Le Monde), 7 tháng 11 năm 1957.

kiên-trì — quả có làm cho dư-luận những nước chậm tiến phải kinh - ngạc — Song người ta không nghĩ đến rằng nước Nga là một nước gồm chứa những tài-nguyên lớn lao và là một địa-lục bao la. Nước ấy đã thành-công trong công cuộc kỹ-ngệ hóa xứ sở, nhưng đã phải mua bằng bao nhiêu đau khổ, bao nhiêu xương máu của nhân-dân. Hy-vọng của những nước chậm tiến, muốn tiến mau được như Nga, thật mỏng manh vô cùng : đất nghèo, người ít, lãnh-thò lại eo hẹp.

Ta có thể kết-luận rằng cả hai thần-dược, thần-dược của chủ-nghĩa tư-bản cộng-diễn hay canh-tân hay thần-dược của chủ-nghĩa mác-xít do Lê-nin và Xi-ta-lin duyệt lại, phần lớn đều tỏ ra vô-hiệu, bất-lực trước vấn-đề giúp đỡ nền kinh-tế các nước chậm tiến. Điều hòa một cách tự nhiên, theo chủ-trương kinh-tế tự-động hay điều-hòa theo chủ-trương kế-hoạch toàn-bộ thi-hành bằng một bàn tay sắt bọc nhung chẳng nữa, chưa hẳn đã dễ đạt tới chỗ làm cho « kẻ đói được ăn, kẻ trần được mặc ».



Viện trợ theo chủ-nghĩa Thực-dân

Bây giờ ta thử xét tới chủ-nghĩa thực-dân, là chủ-nghĩa đã bị lên án kịch-liệt từ trước đến nay. Nói chủ-nghĩa thực-dân cũng là một hình-thức tương-trợ, có thể làm cho nhiều người ngạc nhiên, vì thường ai cũng quan-niệm đó là một chủ-nghĩa người bóc lột người, hay nước này bóc lột nước khác ; quan-hệ « chính-quốc — thuộc-địa » chỉ có thể là quan-hệ giữa kẻ chinh-phục và kẻ nô-lệ.

Từ ba thế-kỷ nay, các nước Âu-châu được trang-bị về kinh-tế đầy đủ hơn đã triển-dương cuộc chinh-phục, về chính-trị và do đấy về kinh-tế, của họ ra những nước kém mở mang và chậm tiến trên bước đường tiến-bộ vật-chất. Thực-dân thuộc-địa với thực-dân chủ-nghĩa là những danh-từ gồm chứa không biết bao nhiêu căm hờn, bao nhiêu thành-kiến, ở cả hai bên thống-trị và bị-trị. Ở đây chúng ta không xét về những « ý định » là thứ có thể hóa đen, hóa trắng tùy theo quan-điểm của mỗi người, chúng ta chỉ xét nguyên về những « kết quả » hai bên đã thu lượm được mà thôi.

Chế-độ thuộc-địa thật ra có giúp đỡ gì cho các nước kém mở mang không ? Chế-độ ấy có thành công trong việc thúc đẩy các nước này tiến tới chỗ được hạnh-phúc hơn không ? Ta thấy nhiều người phủ nhận. Vậy ta thử xét vấn-đề một cách gần gũi hơn, không phải xét về viết lại lịch-sử quá khứ mà về coi xem một thứ viện-trợ theo kiểu này liệu có nên để nó tồn tại, kéo dài trong những xứ hiện nay không còn là thuộc-địa nữa chẳng ?

Ở trên, chúng tôi đã nói tới những khuyết-điểm trong các cuộc kinh-doanh của chủ-nghĩa tư-bản tại thuộc-địa. Đó là những cuộc kinh-doanh thiếu sự hợp-lý. Người ta chỉ lo tìm kiếm nguyên-liệu tại thuộc-địa và tìm cách biến thuộc-địa thành một nơi tiêu thụ hóa-phẩm. Người ta du-nhập một vài kỹ-ngệ lớn lao không lợi ích gì cho kinh-tế địa-phương. Người ta làm suy sụp một nền nông-nghiệp tự-liệu mưa-sinh để làm lợi cho sự trồng trọt các cây dùng trong kỹ-ngệ. Đó là những khuyết-điểm ta phải công-nhận, mặc dù những khuyết-điểm ấy không hẳn có mục-đích

hạ thấp hay nô-dịch hóa nền kinh-tế của thuộc địa.

Các công-cuộc mở mang của chế-độ thuộc địa, có thể coi là những công cuộc giúp đỡ chân chính cho thuộc địa không, mặc dù những công cuộc giúp đỡ vẫn thường làm vì quyền lợi của chính quốc hơn là vì quyền lợi của thuộc địa như bảo vệ an ninh, duy trì công-lý chẳng hạn ? Người ta bảo những công cuộc này chỉ có lợi cho người thống-trị để đặt ách thống-trị, nhưng thật ra đó cũng là những cuộc đầu tư bất-dộng-sản thuộc vào công-sản của thuộc-địa và thuộc vào khoản chi gọi là khoản chi về chủ-quyền; nó vẫn còn, khi chế-độ thực-dân đã chấm dứt.

Đó là chưa nói đến những hạ-tầng cơ sở kinh-tế thường thiết-lập bằng tiền của chính-quốc, những gánh nặng không lợi lộc gì trong việc trang bị cho một dân-tộc về vệ-sinh về giáo-dục.

Tất cả những phí tổn gây ra bởi các công cuộc mở mang trên, thực sự hiện đang đè trĩu trên đầu nhiều chính-quốc, đến nỗi ông G. Myrdal, một nhà kinh-tế học Thụy-điển, đã nói một câu bày tỏ hết nỗi buồn nản của các chính-quốc này : « Tình-trạng ngày nay đã làm cho chế-độ thuộc-địa mất hết lợi-lộc và khiến nó trở thành một « cùn nợ » mỗi ngày một trở thành gánh nặng cho các chính-quốc ». Có lẽ lắm, và chính vì vậy mà Hòa-lan đã chịu rút lui khỏi Nam-dương, và có nhiều nước khác cũng đang muốn theo gương Hòa-lan cho được « tạnh nợ ».

Tuy nhiên, đối với những nước chưa « trút được nợ », cuộc giúp đỡ các thuộc-địa phải thế nào ? — Cổ nhiên các nước ấy không có quyền bỏ rơi, thấy kẻ một cách vô trách-nhiệm. Ngẫu-nhĩ của lịch-

sử đã đề cho chính-quốc và thuộc-địa gặp nhau trong một buổi nào, thì chính-quốc vẫn có bổn-phận phải cố gắng tiếp-tục, mở-mang tinh-luyện các công cuộc viện-trợ còn dang dang-dờ, để góp phần vào công-cuộc tương-trợ cần-thiết của toàn-thế-thế-giới hiện nay.

Cuộc viện-trợ song phương giữa chính quốc và thuộc-quốc hay nguyên thuộc-quốc thường hay làm phát sinh ra nhiều hiềm-nghĩ, oán-hận.

Điều ấy tưởng chẳng cần phải giấu giếm. Những phản-ứng trên cũng thấy xuất hiện tại những nơi có viện-trợ của Mỹ-quốc mà người ta thường kêu trách là có xu-hướng chống Cộng-sản quá rõ rệt và có mục-dịch tạo lập một chủ-nghĩa đế-quốc kinh-tế. Nhưng dù sao, người ta cũng không nên nhãng quên một điều không thể không làm được, là cần phải tự bảo-vệ trước sự tấn công không ngừng của Cộng-sản. Cách viện-trợ đa phương thực hiện bằng các cơ-quan quốc-tế, đã đành là điều đáng chuộng hơn, nhưng ta vẫn phải nên lợi dụng hoàn cảnh có sẵn và không nên coi rẻ sự quan-trọng của những quan-hệ văn-hóa đã thiết-lập giữa các nước từ lâu đời, giữa các nước đã có dịp sống chung với nhau hàng mấy thế-hệ.

Viện-trợ quốc-tế

Đoàn thể kẻ giàu khắp các nơi trong thế-giới được sống sung-túc là đoàn-thể trái-chủ, đoàn-thể mắc nợ đối với đám đông dân nghèo, nên ngoại trừ viện-trợ theo chủ-nghĩa Mác Lê-nin và sau hai loại viện-trợ không chắc chắn đem lại những kết-quả hữu-hiệu là viện-trợ tư-bản chủ-nghĩa và viện-trợ thực-dân chủ-nghĩa, viện-trợ quốc-tế có lẽ là viện-trợ thích-nghĩ, hợp-cách hơn hết.

Công cuộc giúp đỡ này đã khởi-sự từ sau khi chiến-tranh kết liễu, do ba cơ-quan phụ-trách là : Tổ-chức lương thực và canh-nông quốc-tế (Food and agriculture organization, F.A.O.), Ngân hàng trùng-tu và phát-triển quốc-tế (Banque internationale de reconstruction et de développement, B.I.R.D.), Phòng viện-trợ kỹ-thuật Liên-Hiệp-Quốc. Phương-tiện hoạt-động của các cơ-quan này gồm có việc cho vay để cải-tiến nông-công-nghiệp, phái các chuyên-viên đi hướng-dẫn các ngành kinh-tế của các nước chậm tiến tiến tới chỗ triển-khai.

Công cuộc viện-trợ này có thể đã đem lại nhiều kết-quả thiết-thực và khả-quan. Song cứ theo như qui mô hiện nay, công cuộc viện-trợ liệu đã đáp ứng đầy đủ đòi hỏi của những nhu-cầu cấp bách nhất chưa ? Và công cuộc viện-trợ khi tăng-gia thêm nữa, liệu có phương hại gì lắm đến các nước viện-trợ không ? Theo một dự tính đáng tin cậy thì nếu lợi-tức quốc-gia hàng năm của các nước Tây-phương tăng lên 2% và lấy 2% của lợi tức ấy giúp cho các nước chậm tiến, người ta sẽ có thể giúp cho họ khoản tiền trên dưới 8 ngàn triệu đô-la mỗi năm, số tiền không xa lắm với số tiền 13 ngàn triệu mà các nhà chuyên môn Liên-Hiệp-Quốc đã tính và cho là cần thiết để thực-hiện những công cuộc mở mang tại các nước này. Những con số trên dù đúng hay không, cũng cho ta thấy các nước viện trợ còn phải nỗ-lực hơn nữa, nỗ-lực hơn trước rất nhiều mới được. Dự-luận hoàn-cầu tương phải ý-thức điều trên đây.

Ngoài ra, việc phái chuyên-viên cần phải tăng-cường và tạo thành một sở viện-trợ quốc-tế dân-dụng. Không phải chỉ cứ việc đầu-tư là có thể khiến một nước phát-triển ngay được. Còn cần phải thích-ứng các cơ

cấu cở xưa của nước này với những nhu-cầu hiện-dại lành mạnh. Công việc này thật ra và trước hết là công việc của các bậc lãnh-đạo quốc-gia tại các nước chậm tiến; nhưng các nhà chuyên-môn hướng-dẫn có thể giúp đỡ các vị ấy một tay đắc lực và không thể thiếu trong cuộc đổi mới xứ-sở. Phàm người yêu nghề, thường làm công việc mình một cách mê say. Các nhà chuyên-viên ngoại-quốc khi tới giúp việc cho một quốc-gia không phải quốc-gia mình thường khi sinh lòng yêu mến quốc-gia ấy một cách nồng-nhiệt, chỉ vì đã tận-tâm hy-sinh, đem huyết-hãn của mình cống-hiến cho quốc-gia ấy.

Đó thật là những nghĩa-vụ bao-la và cấp-bách, nhân-loại cần phải ý-thức một cách sâu-dộn. Người ta hy-vọng rằng nghĩa-vụ này sẽ làm biến tan các mối oán-cừu và các khoản tiền chi tiêu, trong việc sắm sửa những khí-giới giết người, sẽ được dùng để tạo lập những công cuộc cứu người.

Một chuyên-viên ngoại-quốc, nhân lúc « trà dư tửu-hậu », có nói một câu khôi hài hóm hỉnh. Ông nguyên là một chuyên-viên quốc-tế về canh-nông, ông cho câu nói hay nhất trong Phúc-Âm là câu sau này : « Một cây xấu không thể sinh trái tốt ». Có người đối đáp lại ông rằng, câu « Các con hãy thương yêu lẫn nhau », là câu có thể coi làm căn-bản sâu xa nhất cho hành-động của cơ-quan quốc-tế đã phái ông đi. Chính người Ki-tô-giáo, hơn hết mọi người khác, cần phải hiểu rằng uy-quyền và an-ninh của trần-thế sẽ tự nó sụp đổ thảm hại, nếu không chịu để cho tinh-thần bác-ái của Chúa Ki-tô thấm-nhuần, hầu thi-hành nghĩa-vụ giải-phóng anh em của những người đã tự nhận là môn-đệ ngài.

HOÀNG-MINH-TUYNH

NƯỚC THÁI-LAN

★ SONG-AN CƯ-SĨ

NƯỚC Thái-lan là nước duy-nhứt của miền Đông-Nam-Á được cái may mắn là suốt cả lịch-sử không hề bị ngoại-bang đô-hộ. Tài-nguyên phong-phú, phong-cảnh hữu-tình, thồ-khí nhiệt-đới nhưng dịu-hiền. Mức sống của nhân-dân khá cao vì lảnh-thồ tương đối quá rộng lớn so với một số dân-cư không quá 23 triệu. Người Thái không hề bị nạn đói kém bao giờ.

Đầu thế-kỷ này, Thái-lan đã nhờ hai ảnh-hưởng đế-quốc tương-phân Anh và Pháp, nên có thể giữ vững chủ-quyền nội-bộ, và lảnh-thồ không bị cắt xén vĩnh-viễn, đúng như cái tên khá đẹp đã chứng tỏ : Thái-lan hay Muờng-Thái, nước của một dân-tộc tự-do.

Ngày nay, trong lúc Cộng-sản đang cố bành-trướng thế-lực tại miền Đông-Nam-Á thì Thái-lan đã mạnh-dạn tuyên-bố lập-trường chống Cộng và tham-dự vào tổ-chức phòng-thủ Đông-Nam-Á Seato thành-lập vào tháng 8 năm 1955, trụ-sở đóng tại kinh-đô Thái-lan : Vọng-các. Một nhân-vật Thái ô. Pote Sarasin được bầu làm Tổng-thư-ký cho cơ-quan ấy ngày 1-7-57.

Các bạn thử tưởng tượng ra một miếng ba sườn mà chiếc xương là dãy núi Tenasserim chạy dài xuống bán đảo Kra. Miếng thịt nạc thọc vào ngang hông nước Lào,

nằm dài theo con sông Cửu-long tức là cao-nguyên Khorat. Hai dãy núi Đẩu-khẩu và Phnom Dangrek là biên-giới thiên-nhiên giữa Thái-lan và Cam-bốt.

Nước Thái xưa kia gọi là Xiêm-la rộng bằng nước Pháp hay Tây-ban-nha (200.000 cs vuông), sông ngòi khá nhiều với những trận lụt hữu-ích cho nhà nông. Lớn hơn cả là con sông Ménam Chao Phraya xuyên qua Vọng-các, một Hồng-hà của nước Thái-lan, thi-vị đoan-trang đã chứng-kiến cuộc nam-tiến oai-hùng của một dân-tộc di-cư từ Vân-nam (Nan-Chao) trước sức bạo-tàn của quân Mông-Cồ.

Dòng sông đỏ ối lững lờ trôi mang theo trong lòng nhiều thân gỗ trắc to lớn—nguồn lợi thiên-nhiên của Thái-lan—những túp lều mái lợp lá dừa khô chơ-vơ trên chiếc bè nửa im-lìm, la liệt từng đoàn thuyền con mui tôn, những chiếc độc-mộc quý-phái thoa thon như thân-hình các Nàng-Sao có đôi mắt mơ huyền, những chiếc ghe nan lượn đi lượn lại như mắc-cửi theo nhịp chèo của mấy cô lái sắc-sở trong bộ cánh màu sắc lộng-lẫy huy-hoàng...

Lảnh-thồ Thái-lan còn thừa-thãi đất đai phì-nhiều một thứ đất màu máu mịn-màng đang nhẫn-nại nằm chờ những bàn tay cần-cù đến khai-thác, dưới lớp cỏ cây hoang-dại.

Một tay thiện-xạ Thái — một thi-sĩ — tên là Manas Masaputr đã từng len-lỏi qua rừng sâu bụi rậm từ lúc còn tấm bé đã nói :

« Hỡi khách tha-phương, ta muốn mách cho nhà ngươi biết vẻ đẹp thâm-trầm của cái xứ Ngọc người Vàng này. Đây là chốn thiên-đường của Trần-giới. Phía bắc là những cánh rừng Trắc bao la, kho gỗ quý vô-tận. Phía Nam là một bờ biển bằng phẳng trắng phau như mạ bạc. Phía Tây hùng-vĩ là giang-sơn của lũ cạp găm, trần thần. Chính giữa là cánh-đồng bát ngát, chiếc long-sàng quang-lục của dòng Menam yêu dấu. Có ai đã từng thấy hàng nghìn con cá sấu nằm phơi mình trên bãi cát. Có ai đã bắt gặp những con nai lớn, to hơn Lò mòng. Có ai đã đi săn một thứ thú rừng khó kiếm như giống banteng.

Cái đẹp của nước tôi đâu phải ở nơi những ngôi chùa vàng chiếu rạng, cái đẹp của nước tôi đâu phải ở nơi đáng-diệu uyên-chuyên của các cô vũ-nữ mỹ-miêu. Cái đẹp của nước tôi là tánh chất man dại, hùng-vĩ của những khu rừng dày đặc, của những rạch nước ngoằn-ngoèo đầy dừa rủ bóng, của những người dân quê vô tư vô lự sống tự-do, sống thanh-bình giữa Thiên-nhiên... « dưới bóng Đức Từ-Bi ».

Dân-tộc Thái-lan từ Vân-nam di-cư xuống miền đồng-bằng phì-nhiều của sông Ménam, vì không muốn sống dưới nanh vuốt của lũ giặc Mông-Cồ. Phần đông họ là nông-dân sống trong những «muban» (xóm) nhỏ chen-chúc quanh một ngôi chùa cổ-kính. Dân Thái theo Phật-giáo nguyên-thủy từ Tích-lan truyền sang. Mỗi sáng, các vị sai đi khất-thực trông xa như đàn

bướm vàng trong nắng sớm. Tất cả phái Thái nam phải qua một thời-gian vô chùa làm sai, ăn chay học kệ thụ-giới và tham-thiền. Sau ba tháng sống kham-khở nếu người nào không thể tiếp-tục tu-hành liền được trả về nhà, sống lại cuộc đời phàm-tục.

Phương-châm xử-thể của người dân Thái là nhẫn-nhịn và không say - sưa. Nhưng họ cũng biết chút ít võ-ngệ đề tự-vệ. Cách đánh võ của người Thái rất giản-dị, nhưng cũng có nhiều ngón độc-hiêm, đặc-biệt nhất là ngón « sọt cặm-lăng » tương-tự như thế «hồi-mã-thương» của ta. Ngày nay, tuy nhiều người còn bị kết-liếu cuộc đời bằng những ngọn song-phi, nhưng cá h đấu-võ đã bớt dã-man hơn hồi trước. Họ kể lại xưa kia các võ - sư thường dùng bao tay bằng vải ngâm keo dính trộn lẫn với mảnh chai nghiền nát để đánh cho địch-thủ trầy da mau chết.

Dân mỗi làng thường chia ra hai phe chống đối nhau. Một phe mang tên là « cày » (gà), một phe mang tên là « pẹt » (vịt) hay nói một cách văn-hoa, phe văn-minh tân-tiến, và phe thủ-cựu. Phe vịt rất bi-quan yếm-thế. Phe gà lại thí-h các sự cải-cách khoa-học như máy cày, thuốc pénicilline chẳng hạn... Phe gà chế giễu phe vịt bằng câu thơ châm-biếm như sau : « Ai ơi chớ lấy vịt cồ, Rước buồn mua túi chết khô có ngày ! ! »

Người dân chỉ thích cảnh thanh-bình. Ba năm sau cuộc đảo-chính đầu tiên, 70% dân - chúng thôn - quê chưa hay biết rằng chánh-phủ đã thay đổi. Ngày nay, chính-trị đối với họ hầy còn là những tiếng xa lạ. Đối với họ chỉ cần biết ông Phu-Gnay-Ban (Lý-trưởng) hoặc ông Kamnan (Chánh-Tổng)

hay ông Sarawat (Phó-Tổng) là quá rồi. Họ ít khi rời khỏi muban (làng) thỉnh-thoảng mới lên tằm-bôn (tổng). Còn cái amphor (quận) xa lắc xa lơ họa hoằn có việc quan-trọng mới phải đến hầu. Duy họ chắc chắn là quốc-vương Phoomiphol và bà Hoàng - hậu tuyệt - sắc vẫn sống bình - yên trong đền vàng điện-ngọc.

Sưu-thuế rất hạ tại Thái-lan. Nông-sản đã giúp cho họ một đời sống khá đầy đủ, ấm no. Về lúa, Thái-lan là một cái vựa thóc. Thuốc lá, dừa, mía, được trồng trọt khắp nơi. Trên rừng thì có đủ thứ gỗ quý như trắc, căm-xe, cao-su v.v... Thái-lan còn có các mỏ thiếc, mỏ Wolfram, nhưng đều do người Anh khai-thác.

Thành-phố đáng kể của nước Thái-lan là kinh-dô Vọng-Các, một thành-phố rộng lớn, tuyệt-tác. Dân số trên hai triệu, ở dọc theo bờ sông Ménam. Đây là đô-thành của hơn 300 kiềng chùa óng-ánh dưới trời với mái ngói xanh vàng đỏ. Đây là những con rạch ngoằn-ngoè thay thế những hẻm gọi là klongs. Thuyền-taxi đi lại nườm nượp, tiếng máy nổ rền trời như tiếng cyclo máy bên ta. Đặc-biệt mỗi sáng, trai gái ra sông tắm rửa mình chỉ có chiếc samrong mong-manh.

Vọng-các là một ngã-từ quốc-tế. Năm nay Vọng-các được 175 tuổi, già hơn cả Saigon, Singapour, Hong - kong... Các đường hàng-không liên-quốc đều xuyên qua Vọng-Các. Từ Nhật, Mỹ, Phi-lật-tân, Nam-Dương, Úc-Châu các phi-cơ dân-sự cũng như quân-sự đáp xuống phi-trường Vọng-Các...

Từ xưa đến nay (từ thế-kỷ thứ XIII) Thái-lan chưa hề bị nạn ngoại-xâm trừ hai lần Miến-diện tràn qua tạm chiếm một ít

đất-đai trong vòng độ hai năm, rồi đến 1941, Nhật-bản chỉ lướt qua để đi xuống hải-cảng Singapour. Thái-lan vẫn áp-dụng một đường lối ngoại-giao duy - nhất là gây sự mâu-thuẫn giữa hai lực-lượng đối-lập : như Anh và Pháp chẳng hạn. Nhưng hiện nay cùng chung biên-giới với Trung-Cộng ở miền Bắc nên tình-hình có vẻ khản-trương hơn. Nước Lào là một lưới đất mong-manh không có địa-thế hiểm-trở để chặn đứng mọi cuộc tấn-công. Nước Căm-bốt với chính-sách trung-lập đã trở nên một ông láng giềng cứng-cổ, chỉ làm theo ý nghĩ của mình. Biên-giới Mã-lai nặc mùi cách-mạng. Miến-diện lạnh-nhạt đang mãi tìm một đường lối chính-trị thích-hợp. Dân chúng gồm có nhiều phần-tử ngoại-quốc. Huế-kiểu đứng đầu sò với con số 3 triệu người. Vọng - các có thể nói là một Chợ-lớn thứ hai.

Nhưng lý-do khiến cho Cộng-sản không thể bành-trướng thế-lực tại Thái-lan được là vì Thái-lan không bao giờ là một thuộc-địa. Vấn đề địa-chủ và tá-diễn, địa-tô và bóc-lột không gây ra mâu-thuẫn nào cả. Dân Thái-lan sùng bái đạo Phật, lại tin-tưởng vào nền quân-chủ. Giữa các cường-quốc Tây-phương và Thái-lan không có những sự xích-mịch sâu đậm. Cứ xem con số người bị câu-lưu vì tội theo Cộng-sản từ 1932 đến 1950 thì đủ hiểu. Vốn vẹn có 975 người. Những phương-pháp bảo-vệ an-ninh quốc-gia ấy đồng thời cũng là những phương-pháp hữu-hiệu để loại-trừ địch-thủ chính-trị hầu củng-cố địa-vị của kẻ lên voi.

Cho đến ngày 24 tháng 6 năm 1932, Thái-lan là một nước quân-chủ chuyên-chế. Như các bạn đã thấy trong cuốn phim « Le Roi et Moi » phóng-tác theo cuốn

« Anna et le Roi de Siam », vua Siam có một quyền-lực vô-biên. Năm 186^a, quốc-vương Chulalongkorn lên ngôi lúc mới 12 tuổi. Với vị vua này đã thi-hành nhiều cải cách lớn lao, song thành-kiến xưa cũ vẫn tồn-tại. Như dân chúng không bao giờ được chạm vào mình của Đức Vua. Cho nên Hoàng-hậu đành chịu chết đuối mà không ai dám nhào xuống vớt vì sợ bị tội phạm-thượng!

Năm 1932, nhiều sĩ-quan trẻ tuổi đi du-học về thấy tình-hình trong nước quá lạc-hậu bèn nổi dậy đảo-chính. Cuộc đảo-chính này không đổ máu. Kết quả là chính-phủ được cải-tổ theo một đường lối dân-chủ hơn. Ông Pridi Phanomyong vạch ra một chương-trình cải-tiến triệt-đề và xã-hội-hóa chế-độ. Nhưng ông ta bị nghi là thân Cộng nên đành phải bỏ trốn ra nước ngoài, mãi đến năm 1935 mới trở về.

Trong khoảng thời-gian từ 1932 đến 1950, với một đường lối chính-trị mơ-hồ và sự tồn-tại của nền quân-chủ, hai phe đối-lập « tự-do » và « bảo-thủ » đã luân-phiên gây ra 11 cuộc đảo-chính, ban-hành 5 bản hiến-pháp khác nhau, 20 nội các thi nhau đổ. Chánh-quyền như một trái bóng tròn khi thì rơi vào tay lục-quân, khi thì rơi vào tay hải-quân. Nhưng những cuộc đảo-chính ở Thái-lan rất độc-đáo. Đó chỉ là những cuộc thao-diễn quân-sự không nạn-nhân. Dân-chúng mãi-mãi gọi đùa là « những cuộc tập-trận hằng niên của lục và hải-quân ». Duy chỉ cuộc đảo-chính tháng 6 năm 1951 là có rất nhiều thương-dân tử-nạn vì bị kẹt giữa hai lần dạn.

Bản hiến-pháp năm 1932 do ô. Pridi Phanomyong thảo ra. Bản Hiến-pháp ngày

10-12 do hội-đồng các Phya Manopakorn, Luang Pradist, Phya Deb Vidura, Phya Baisai và Phya Naroebsri. Năm 1946, Pridi lại đưa ra một bản Hiến-pháp khác nhưng đến 8-11-1947, Phibul Songgram lên nắm chính-quyền lại thay-thế bằng một bản Hiến-pháp mới nữa được thi-hành vào năm 1949, bản Hiến-pháp này gồm có 11 chương 188 tiết. Bản hiến-pháp cuối cùng gồm có 123 tiết 9 chương phụ qui-định một nền quân-chủ lập-hiến được quốc-hội chấp-thuận vào năm 1951. Một danh-từ mới được đặt ra để gọi Hiến-pháp. Đó là chữ Radthatthamanun.

Được bầu-cử vào Quốc-hội các đảng-viên của các đảng kể sau :

— Seri Managkhasila (SMP) lãnh-tụ Phibul Songgram, Tướng Phao

— Prachatipat (Dân-chủ) l. t. Khuang Aphaiwong và Yai Switajata

— Seri Prachatipatai (Dân-chủ Tự-do) l. t. Meth Ratanaprasit, Tổng - thư - ký : Charabut Ruangsuan

— Thammatipat (Hữu-phái) l. t. Đại-úy Piam Bunyachote T.t.k ; Luang Wek-shalikanon

— Sethakorn (Kinh-tế) l. t. Thap Chotinuchit và Khaeu Norapati (thiên-tả)

— Chat Niyom (Quốc - gia) l. t. Net Punwiwana và Paisan Chartbut

— Kabuamaken Hyde Park (Tự - do Ngôn-luận) l. t. Pethai Chotinuchit và Chuan Ratanawaraha

— Pak Issara (Độc - lập) l. t. Ket Wongkasai và Rerngyot Thongroj.

Chính sự cò-xát với nền văn-minh Âu-Mỹ đã khiến những sinh-viên các viện Đại - học Thái - lan như Chulalongkorn (1917) xuất-dương sang Luân-đôn, Ba-lê

nhận thấy vai-trò của mình trong công-cuộc cách-mạng xứ-sở. Tuy-nhiên các cuộc đảo-chính chỉ có ý-nghĩa của một vụ bàn-giao, với tiếng súng làm bối-cảnh, những quyền-lợi kinh-tế giữa những nhóm người có đặc-quyền chính-trị và các tướng-lãnh của Hải-Lục Không-quân. Đó là những cơn bão-tổ chỉ làm xáo-động mặt nước của con sông Ménam dịu-hiền, nhưng đáy sâu của nó vẫn yên-tĩnh « xừ-xừ » cùng tuế-nguyệt.

Ở Thái-lan ai ai cũng biết tên tuổi của hai sinh-viên đã từng du-học tại Ba-lê khi về nước đã điều-khiển cuộc cách-mạng năm 1932. Đó là hai nhân-vật hiện-dại của Thái-lan : Phibul và Pridi. Phibul là một người có biệt-tài tổ-chức, và rất thực-tế. Pridi, trái lại là một lý-thuyết-gia thâm-thúy. Phibul trở nên một quân-nhân thích bạo-lực, Pridi vẫn là một văn-nhân mưu-sĩ. Sau khi cuộc cách-mạng thành-công hai nhân-vật trở thành những trụ-cột của chính-phủ. Họ thay nhau làm Thủ-tướng, triệt-đề phụng-sự quốc-gia và dân-tộc Thái-lan. Họ là những lãnh-tụ có uy-tín và biểu-tượng cho đời sống mới trong xứ-sở họ.

Năm 1941, Anh-quốc tỏ ra bất-lực không thể tiếp tay Thái-lan để chống lại quân-đội Thiên-Hoàng lúc đó đang tràn xuống miền Đông-Nam-Á. Xoay thế cờ, Phibul trở lại kết-liên với Nhật-bản và tuyên-chiến với Mỹ-quốc. Quân-đội Nhật không bỏ lỡ cơ-hội dùng Thái-lan làm căn-cứ để đánh thẳng xuống Singapore và vượt qua Miến-điện.

Nhưng Pridi lại dự-đoán Phe Trục sẽ thất trận và mặc dầu thấy Anh-Mỹ đều lùi bước trước sức tấn-công như vũ-phu báo của quân-đội Phù-tang, Pridi quyết theo phe Đồng-Minh, chống lại Nhật. Pridi tổ-chức tại Thái-lan một hệ-thống

kháng địch, phá rối ngấm-ngấm và trong khi Phibul yên-hưởng đời sống nuông-chiêu, thì Pridi lại lao-đao, lận-đận vào sanh ra tử, phong-ba bão táp chồng-chất lên đầu. Nhưng Đồng-Minh hân-học với Phibul bao nhiêu thì quý-trọng Pridi bấy nhiêu. Phibul mất hết tín-nhiệm, và Pridi là một vị anh-hùng cứu-quốc. Tuy-nhiên Phibul vẫn được lục-quân tôn-sùng và Pridi chỉ được Hải-quân ủng-hộ.

Năm 1949, Pridi bị đánh ngã trong một cơn máu lửa. Con người kiên-chí có tài-ba ấy, cựu-khoa-trưởng của một viện Đại-Học danh tiếng, lại trở về bí-mật để hoạt-động chống-đối. Người ta đang chờ ngày về của Pridi, vị lãnh-tụ ít may-mắn mà kiên-chí đó.

Phibul cảm thấy cái họa Cộng-sản đang lấp-ló tại ngưỡng cửa Thái-lan, thay đổi đường lối chính-trị, bắt tay trở lại với Huê-kỳ ký-kết với nước này một bản thỏa-hiệp giá-trị như một hiệp-ước đồng-minh. Kề ra con người ấy mới tài tình, đổi thù làm bạn, và luôn luôn giữ thế chủ-động. Lý-do chính là vì Phibul được dân-chúng ủng-hộ triệt-đề.

Trong lúc đó, Pridi lưu-vong trên đất khách, từ Bắc-kinh đã lên tiếng kêu gọi dân Thái nổi dậy chống « đế-quốc-Mỹ » vào tháng 8 năm 1954. Pridi đã đòi bạn — mà ông ta đã tận-tụy ủng-hộ hầu như bất-chấp tất cả — ra thù,...

Nhưng một nhân-vật thứ ba mới vừa bước vào làng chính-trị nước Thái. Đó là Đại-Tướng Phao, một lão-tướng tóc hoa râm, nhưng lạnh lẹn, cương-quyết, khôn-khéo và hăng-hái chống Cộng. Chiến-thuật « bạch huyết-cầu » được đem ra áp-dụng. Ông phong-tòa biên-giới để kiểm-soát cho dễ và bài-trừ mọi sự xâm-

nhập lén - lút. Trong nước, ông cho tay sai trà-trộn len-lỏi vào những tờ-chức thân - cộng tại Vọng - Các, kết - hợp từng tiểu-tổ và một ngày nào đó cho thám-tử đi bắt sạch. Ông Phao trước kia quyền-hạn rất rộng lớn : Giám-đốc Công-An, đệ-nhi phòng, Vệ-binh, Phó thủ-tướng, Thứ-trưởng bộ nội - vụ, Tổng - thư - ký đảng « Đảo-Chánh », còn nhiều chức-vụ kiêm-nhiệm khác kể ra không xiết.

Dân chúng chờ đợi lúc « trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết » thì một nhân - vật khác bỗng nhảy lên nắm chính-quyền.

Đó là Thống-chế Thannarat với một đường lối triệt-đề chống Cộng và sự xích-mịch giữa Thái-lan và Cam-bốt khởi đầu (1-11-1958).

Nhưng các vụ xích-mịch đều được dàn xếp ôn-thỏa và biên-giới Miên - Thái đã được mở cửa lại.

Đường lối chống Cộng của Thái bắt nguồn từ năm 1950. Sau cuộc hội-đàm giữa Thống - chế Phibul và ông Philip Jessup, Đại - sứ Huê - Kỳ tại Bangkok. Tháng 4 năm 1950, Thái - lan nhận được 10 triệu đô - la do Mỹ viện - trợ về quân-trang quân-dụng. Hai ngày sau trận chiến-tranh Cao-ly (25-6-1950) mở màn, Thái

quyết-định gửi sang Nam-Hàn 2.000 binh-sĩ để giúp Liên - Hiệp - Quốc, và một số chiến-thuyền và gạo. Ngày 19-9 cùng năm, Ngân-hàng Quốc-tế giúp 25 triệu 400 nghìn đô-la đường rầy xe lửa, và dụng-cụ hải-cảng và dẫn-thủy Liên-Hiệp-Quốc giúp 338 nghìn đô-la vào các công-cuộc cứu-tế tại Thái-lan. Tại hội-nghị Bandung tháng 4 năm 1955, Thái-lan công-kích kịch-liệt tham-vọng đế-quốc của Trung-Cộng. Đồng-thời, Thái-lan đề-nghị liên kết ba quốc-gia Lào - Miên - Thái vào một mặt trận chống Cộng chung, căn-cứ trên tôn-giáo.

Nhưng cái nguy cơ trong tương-lai của nước Thái-lan không phải ở nơi 50.000 Việt-kiều mà họ thường khùng-bổ, nghi-ky, và tập-trung hay dọa trục - xuất, mà chính ở nơi 3 triệu Huê-kiều, 1 phần 7 của tổng-số dân Thái-lan. Nếu khối « căn-cù không mất gốc của các chú con Trời này » bắt tay vào chính-tị cũng như họ đã nắm giữ quyền-lợi kinh - tế thì chưa biết tương-lai sẽ ra sao, nhất là về hướng Bắc Trung-Cộng lại nằm cận-kề, và chính cũng từ cái biên-giới mong-manh ấy, dân-tộc Thái - lan đã di-cư xuống miền Nam, miền của giống Bạch-Tượng hiền-lành và chất-phác.

SONG AN CƯ-SĨ

Danh ngôn, danh lý

BAO DUNG, ĐỘ LƯỢNG

- ★ Người dưới có oán-hận người trên, thường khi không phải bởi tại người trên đòi hỏi người dưới phải làm một công việc khó khăn hay nguy-hiểm, mà bởi tại người trên đã ra lệnh một cách trịch-thượng khinh-bĩ hay quá thản-nhiên. Khi người trên ra lệnh cho người dưới một cách nhân-đạo mà lại biết chia xẻ cuộc sống với họ, thường được họ yêu mến và giúp việc tận tình, không biết quản công.
- ★ Cử-động thận-trọng không sợ-xuất với ai; dung mạo đoan-trang không thất-sắc với ai; ngôn-ngữ cẩn-thận không sảy miệng với ai (Lễ-ký).

thác mắC

TRÍ-THỨC và SĨ-PHU

THẾ nào là trí-thức? Định-nghĩa trí-thức thật khó khăn. Thông thường, người ta vẫn hiểu trí-thức là hạng người tra chuộng tình-thần và tư-tưởng. Hiểu như vậy thì trí-thức có nghĩa rất đẹp. Song những năm gần đây hình như một số người có học vấn mà dị-hợm, kiêu-căng; có thông-minh mà biếng nhác, ỷ lại; có lễ-nhị mà hèn-nhát, ích-kỷ, đã không đóng nổi vai trò của mình đối với lịch-sử, đã không thi-hành phận sự của mình đối với quốc-dân. Danh-từ trí-thức, do đấy, đã mất cái nghĩa cao quý của nó.

Sĩ-phu — là trí-thức ngày xưa — với nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, đã đóng xong vai trò của họ và đã đi vào dĩ-vãng; khuyết điểm, ưu điểm, của họ thuộc phạm-vi phê-phán của sử-gia, nhưng ít nhất thái-độ và hành-vi của họ đã duy-trì được « nhân-tâm thế-đạo », đã gây được uy-tín lớn lao cho họ trước những thế-hệ đến sau.

Gương của cò-nhân, đối với hiện-tại, có thể chói sáng, rõ ràng. Tuy nhiên, trước vạn-vật vẫn biến-chuyển, thời-thế đã đổi thay, nhu-cầu thêm cấp-bách, tình người hoá phức-tạp, ta phải công-nhận một điều: cuộc sống đời xưa không còn là cuộc sống đời nay, nhân-loại phải sống nên phải tiến không ngừng.

Nhận định trên, khiến ta tự hỏi: nếu cứ y theo thái-độ và hành-vi của sĩ-phu ngày trước thì liệu trí-thức ngày nay có thể đóng nổi vai trò của mình đối với lịch-sử và thi-hành phận sự của mình đối với quốc-dân không? Và nếu ngày trước có giá-trị riêng của nó thì phải chăng giá-trị ấy chỉ đáng quý đối với ngày nay khi nào nó giúp cho ngày nay phát-triển, khai-phóng, tiến-bộ về vật-chất và tinh-thần, nghĩa là giúp cho quốc-gia được hưng-thịnh hầu đóng góp phần mình vào công cuộc gây dựng hạnh-phúc chân-thực cho toàn-thể nhân-loại?

PHẠM-HOÀNG

KỶ TỐI: Vai trò của trí-thức,

SỰ BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

★ PHẠM-HOÀNG-HỘ

- Thiên-nhiên cần được bảo-vệ, không phải chỉ vì đó là một sự sống còn cho nhân-loại. Bảo-vệ thiên-nhiên là một cử-chỉ cao-quí của loài người nhìn-nhận rằng cây cỏ, cầm-thú, cũng như ta, đều có quyền sống.

TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI

(Tiếp theo B. K. số 61)

Trồng cây

Cây cỏ là yếu tố chánh để duy trì ẩm ướt và tránh không cho khí hậu của một vùng khô đi. Nơi nào mà không có cây cỏ thì nơi ấy khô khan.

Không có cây cỏ nước mưa rơi xuống thấm liền và chảy sâu xuống đất, hay chảy trên mặt thành những ngòi nước, sông rạch rồi ra biển.

Khi có cây, trái lại, nước rất lâu trở về biển. M. Law đo thấy rằng với cây thông, 40% nước mưa bị lá và cành giữ lại; 30% do rễ hút đi. Chỉ còn cỡ 15-30% nước trở ra sông mà thôi.

Nước do lá, nhánh giữ bốc thành hơi và trở lại trong không khí. Hơi nước này cho ra mây khác, do đó mưa khác. Thế nước mưa không phải chỉ do hơi nước ở bề đem vào mà thôi, mà một số lớn do nước đã bốc hơi trên lục địa. Người ta phỏng rằng trong 100cm nước mưa rơi trên một vùng nào, chỉ có 20cm do biển mà thôi, 80% còn lại do nước của cây nhà ra.

Thế thì nước khi từ biển vào sâu trong lục địa đã phải đi ngang qua cây cỏ nhiều lần. Nước khi rơi xuống samac trở về biển rất mau, còn khi rơi vào rừng nó bị kèm hãm ở đấy rất lâu. Chính nhờ các cây mà sự du hành của nước trên lục địa được kéo dài ra. Không có nó, hơi nước cất từ biển sẽ mau trở lại biển. Có lẽ đó là điều mà nước ao ước.

Nước non nặng một lời thề

Nước đi đi mãi chẳng về cùng non.

Nhớ lời thề hải minh sơn...

Song đó không phải là điều tốt cho sự sinh tồn của sinh vật.

Các cây cỏ không những chỉ giữ lấy nước mà thôi. Chúng hút nước của không khí do hiện tượng sương đọng. Thật thế, ban đêm các lá mau mất nhiệt lượng hơn đất vì phát quang (rayonnement) vì màu lá sậm hơn. Nhiệt độ thấp hơn, nước đọng lại ở trên lá.

Nước này quan hệ cho cây cỏ hơn nước mưa.

Xem thế ta thấy ảnh hưởng tốt của cây cỏ trong sự bảo tồn ẩm ướt và khí hậu. Khí hậu của một nơi suy đồi luôn luôn vì cây cỏ của nơi ấy biến đi. Người ta thường kể thí dụ của Yphanho xưa kia đầy cây cỏ và phì nhiêu, nay khô khan nghèo nàn chỉ vì đã phá rừng. Ở miền Bắc của Châu Phi, khí hậu đã mau trở nên khô khan từ khi vùng ấy bị người Ả rập sang chiếm và phá rừng một cách dữ dội.

Ngoài ra cây cỏ còn rất có ích trong sự bảo tồn đất trồng trọt.

A. Robyns đã kể ra tất cả ảnh hưởng tốt của cây cỏ :

1) Cây cỏ giữ đất chắc. Rễ cây chẳng chịt níu đất không lở ; quanh rễ, đất bị quăn không rã và trôi đi. Ảnh hưởng này đã được áp dụng từ lâu trong sự kềm giữ các đồi cát, cát cồn, cù lao.

2) Cây cỏ chống lại sự mòn đất. Có chúng, gió không cuốn bụi, cát đi. Khi mưa xuống nơi không cây cỏ, nước xoáy đất rất mạnh rồi vì nước chảy không có gì cản trở nên cuốn theo rất nhiều đất. Khi có cây cỏ, mưa rơi vào lá, lá cản sức mạnh (énergie cinétique) của giọt mưa, và nước mưa hết xoáy đất được ; khi chảy trên mặt đất, nước còn bị các mảnh vụn và rễ cây ngăn cản nữa.

Ở Mỹ, người ta đo thấy rằng đất trần (đất cày) mòn 500 hay 1000 lần mau hơn đất có thảm xanh (cỏ) và 5000 lần mau hơn đồng cỏ (W. Robyns).

3) Cây cỏ làm giàu đất trồng trọt vì chúng tạo ra phân mùn. Các lá, các nhánh các cây chết, rơi dưới đất, mục ra và làm ra một thứ đất mùn căn bản của đất trồng trọt được.

Cây giữ một khí hậu địa phương (quanh cây, rừng microclimat) ở đất điều hòa. Sự điều hòa ấy tránh cho đá không nóng quá và lạnh quá mà mau hư. Và sự điều hòa ấy cần thiết cho các sinh vật làm đất phì nhiêu. Chúng giữ độ ẩm ở một mực.

Cây và rễ của chúng làm sộp đất và làm tơi lớp đất trồng trọt được.

Cây cỏ đem lại những muối cần cho sự trồng trọt. Các muối ấy thường bị nước mưa lôi cuốn và chôn ở dưới sâu. Nhiều cây với rễ sâu của chúng hút các muối ấy lên thân và thân hoàn chúng lại đất sau khi chết. Ảnh hưởng ấy đã được công nhận từ lâu với phương pháp trồng đất hư canh (culture en jachères). Phương pháp ấy là cho đất nghỉ một vài năm, bằng cách để cho cỏ mọc hoang. Ngoài việc cỏ hút muối bỏ lên, cây cỏ còn đem lại đất mùn cần thiết.

Sau rốt, nhiều cây như họ đậu, họ Eleagnacées, Thiến tuế, Cycadacées, làm đất thêm phì nhiêu vì nốt rễ cây của chúng hút chất đạm tự do của không khí làm sinh chất ; sau khi chết, chất đạm (Nitrogène) ấy thấm vào đất.



Muốn cho các công việc trên thành tựu, ta không thể nào không giáo dục quần chúng. Ta không thể nào tránh nạn làm đơ cảnh đẹp, đốt rừng, giết thú hiếm, dù bằng cách cấm hay phạt nặng, Phạt nặng lắm lúc chỉ gây tathán. Nhiều người cho rằng rừng mênh mông, đốt một chút ít để cày cho họ sống thì có là bao ; thú hằng hà sa số, bắn một vài chục con có hư hại gì ? Giữ rừng, thú để cho ai !

Trái lại ở các nước văn minh, không ai cấm đoán, song họ không phá hoại cây cỏ, thú cầm. Tại sao? Tại họ ý thức được ích lợi của sự bảo vệ thiên nhiên, xem như chính vườn, nhà của họ.

Tôi còn nhớ lúc nhỏ, tôi đọc một bài đọc ngắn nhưng rành rề, nói về nguyên nhân của lụt, cho rằng đó là vì dân phá rừng. Từ đấy tôi rất sợ sự phá rừng. Những bài giảng như thế giải thích cho trẻ em sự hữu ích của rừng, của cây cỏ, minh họa các thú mang tiếng như chim cú, diều, tập cho trẻ em yêu thiên nhiên, yêu loài vật, có ảnh hưởng hơn các sự trừng phạt bằng tiền hay tù. Vì thế nên, trừ nước Anh là nơi mà tình yêu thiên nhiên đã đi đến cực độ (hái một đóa hoa hoang cũng bị chỉ trích, và thả một con chuột vào chuồng trăn cũng phải ra tòa) nên khỏi phải bảo vệ ở nhiều nước khác sự bảo vệ thiên nhiên được ghi vào chương trình trung học.

Viết đến đây, bạn tôi đưa cho tôi xem trong một nguyệt san Âu một chuyện về con hải ly (castor) như sau:

« Cách đây không bao lâu, một nghiệp chủ ở Bắc Mỹ thấy rằng có ai chặn đường nước chảy qua đất mình. Ông vui mừng tìm được thủ phạm: đó là một cặp hải ly. Ông để chúng yên để xem chúng làm việc. Sau mười lăm hôm, đập do con hải ly đắp làm ngập cả sân cỏ, và nước bắt đầu ngập đường vào nhà. Khi nước tràn vào hầm nhà, ông hết nổighận với hai khách trên nĩa.

Nhưng ông không nổi bắn chúng, vì cho rằng chúng có cử chỉ như là người. Và ông cho sờ Thủy lâm hay.

« Họ bắt cặp hải ly ấy và thả ở núi bên cạnh để chúng tha hồ đắp đập. »

Đoạn ấy làm cho tôi suy nghĩ. Dân tộc ta có tiếng là có một văn minh tinh vi và hoàn hảo. Song tại sao ta ít thấy có người yêu loài vật đến thế. Phản ứng thông thường của ta trước con hải ly phá vườn là « tru di tam tộc » nó. Phản ứng của người trong chuyện trên đây biết bao khôn ngoan, và cao quý. Mà hành động cao quý là một cử chỉ mà người có học tất không thể thiếu được.



Xưa kia khi thấy rằng các văn minh luôn luôn tàn, người ta cho là nó cũng như loài người hết lớn đến già đi, và đó là một sự không thể tránh được.

Nay áp dụng phương pháp khoa học, tìm hiểu các nguyên nhân của sự việc ấy, chúng ta thấy rằng đó là một sự có thể tránh được. Và một văn minh có thể trường cửu.

Nhưng thiên nhiên cần được bảo vệ, không phải chỉ vì đó là một sự sống còn cho nhân loại mà thôi; bảo vệ thiên nhiên là một cử chỉ cao quý của loài người nhìn nhận rằng cây cỏ, thú cầm, cũng như ta, đều có quyền sống.

Trước khi dừng bút tôi xin cảm ơn Asia Foundation đã có nhã ý giúp tôi nhiều phương tiện, để đi dự hội nghị của Hiệp hội Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên và Tài nguyên tại Hylạp.

SOLUỘC SÁCH THAMKHẢO

ALLEN S. W.

Conserving natural resources
Mc Graw Hill edit, 1955

BENNETT H. H.

Elements of Soil conservation
Mc Graw Hill edit, 1955

BLACK J. D.

Biological conservation
Mc Graw Hill edit, 1954

A. CHEVALIER

a) La décadence du sol et de la végétation en Afrique occidentale française et la protection de la nature.

Rev. Int. de Bot. app. et d'Agr. trop.
1950 (333-334) 349-353

b) Programme de reboisement et lutte contre la sécheresse et d'aménagement agraire en Afrique occidentale française.

C. R. Ac. Sc. 1950 : 230 (23)
1991-1994

c) La protection de la nature et les parcs-réserves de l'Afrique occidentale française.

C. R. Ac. Sc. 1950 : 230 (25)
2140-2142

F. EVRARD

Biogéographie indochinoise et réserves naturelles.

Bull. Soc. Biog. 1933 (81) 52-55

FLASSON R.

L'Homme contre l'animal, Paris 1957

HEIM R.

Destruction et protection de la nature
Paris 1952

L. LAVAUDEN

Le déboisement et la végétation de Madagascar.

Rev. Bot. App. et Agr. tropic.
1931 (76) : 817-824

G. PETIT

L'organisation des réserves naturelles à Madagascar

Rev. Bot. App. 1928 (80) 272-274

ROBYNS W.

Le rôle de la couverture végétale pour la conservation de la nature.

Rev. Quest. Sco., Belg.
1957 18, 481-96

J. TROCHAIN

La protection des plantes et des réserves naturelles en Grande Bretagne et dans les dominions anglais.

Rev. Bot. App. et Ag. trop.
1931 (120-121) 770-775

U. I. P. N.

(Hiệp hội Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên)

— Conférence technique internationale pour la protection de la nature.

Proc. verb. et rapp. Paris 1950

— Etat de la protection de la nature dans le monde en 1950

Bruxelles 1951

— Id. Addendum Bruxelles 1954

— Réunion technique de l'U.I.P.N., Caracas 1952

Bruxelles 1954

— Cinquième assemblée générale de l'U.I.P.N., Edinburgh, 1956

Bruxelles 1957

— Equilibres instables, commentaire de film fixe

Bruxelles 1956

— Introduction d'espèces exotiques

Bruxelles 1957

— Protéger aujourd'hui le monde de demain

Bruxelles 1958

WARLAW W.

La détérioration des sols des forêts tropicales

Rev. Bot. appl. et tropicales
1930 (105) : 317-320

QUÂN-NHÂN PHẠM PHÁP

✧ HUYNH-ĐỆ

MỘT số người quan niệm rằng quân nhân là những phần tử vô kỷ luật, ý thể quyền, hà hiếp dân chúng, và khinh thường luật pháp. Họ tặng cho quân nhân một danh từ chung là « ba gai », đồng âm của tiếng Pháp « pagaille » nghĩa là hỗn độn, rối trật tự.

Sở dĩ có quan niệm nói trên là vì nhiều khi xảy ra những tai nạn lưu thông do quân xa gây nên, hay quân nhân vào xem hát không lấy vé, hoặc ẩu đả. Thỉnh thoảng lại nghe vụ quân nhân giả mạo giấy tờ hay thâm lạm công quỹ. Do đó người ta đã vội vàng tổng quát hóa để cho rằng đa số quân nhân vô kỷ luật, ý quyền. Với thành kiến đó, người ta tránh giao thiệp cùng quân nhân, và khi cần giao thiệp, người ta thường tỏ ra dè dặt, sợ sệt. Tai hại hơn nữa, có khi người thường dân phản ứng lại sự sợ sệt ấy, bằng những cử chỉ hay lời nói vượt quá ý tưởng mình, khiến sự bất bình thêm trầm trọng.

Thành kiến nói trên cần bị đánh đổ, vì nó dựa vào những suy luận sai lầm, hơn nữa nó gây trở ngại lớn cho tình thân thiện dân quân.

Thật ra kỷ luật là một điều kiện cần thiết cho sự sanh tồn của bất cứ tập đoàn

nào. Đối với Quân Đội, kỷ luật lại càng cần thiết hơn, và cần được tôn trọng triệt để, vì nhiệm vụ của Quân Đội khó khăn hơn, và nếu Quân Đội không làm tròn sứ mạng thì Quốc Gia phải chịu những ảnh hưởng nặng nề. Người ta đã nói một cách không quá đáng rằng kỷ luật là sức mạnh của Quân Đội.

Chính vì ai ai cũng nhìn nhận kỷ luật là điều kiện căn bản cho một Quân Đội hùng mạnh, nên mới đòi hỏi nơi quân nhân một tinh thần kỷ luật cứng rắn, và mọi sự uốn nắn mới bị phê phán gắt gao, như đã thấy trên. Không phải chỉ có quân xa gây tai nạn lưu thông, hay chỉ quân nhân mới phạm tội ẩu đả, giả mạo hoặc biển thủ. Trái lại số thường dân phạm pháp lớn hơn gấp bội ; nhưng đối với hạng trước, dư luận ít nghiêm khắc hơn là đối với quân nhân phạm pháp.

Sự nhận xét trên giải thích một phần nào thành kiến không tốt mà quân nhân là mục tiêu, nhưng thành kiến đó vẫn sai lầm, vì số chiến ghê rất nhỏ đối với tổng số của đoàn.

Hầu hết quân nhân đều thấm nhuần tinh thần kỷ luật, và hiểu rõ vai tuồng trọng yếu của mỗi người trong toàn thể. Ngay từ ngày nhập ngũ để làm bổn phận công dân, tân binh đã được đặt vào khuôn

khô kỹ luật. Theo một thời khóa biểu đã định, không những họ được đào tạo thân hình tráng kiện, năng lực chuyên môn đầy đủ, mà họ còn được un đúc một tinh thần sáng suốt để nhận thức mối liên lạc mật thiết, hơn thế, sự liên đới giữa mọi quân nhân, từ anh binh nhì đến vị thống tướng, trong nhiệm vụ chung của Quân Đội.

Nhờ đó họ đã quên cả những cử chỉ gắt gỏng nhỏ nhen của viên thượng sĩ đại đội, để tự do ưng thuận ép mình trong một khuôn khô kỹ luật mà họ hiểu rõ là tối cần, và để coi sự tôn trọng kỹ luật là một đức tánh căn bản của quân nhân.

Nhưng trong Quân Đội cũng như ngoài trường đời, sự dạy dỗ không đủ đem lại kết quả mong muốn nếu đồng thời không có sự trừng phạt để phân biệt những người tuân theo lời dạy với hạng kia.

Bởi lẽ đó, nhà cầm quyền đã tổ chức một hệ thống trừng phạt cho quân nhân phạm lỗi. Kỹ luật càng gắt gao, sự trừng phạt càng nặng nề. Vì vậy sự trừng phạt đối với quân nhân nặng hơn sự trừng phạt được áp dụng cho thường dân.

Chưa kể vi phạm hình luật có thể đem lại cho thủ phạm một sự bác đoạt tự do dài hạn hay sự tuyệt mạng, mọi vi phạm thể lệ trong Quân đội, chỉ thị tổng quát của nhà chức trách quân sự, hay mệnh lệnh của thượng cấp có thể làm cho quân nhân mất tự do (tù quân hay trọng cấm) cho đến 60 ngày, tùy theo chức vụ của cấp chỉ huy tuyên phạt.

Nhiều khi, như một vi phạm hình luật, quân nhân bị phạt kỹ luật trước, đoạn bị truy tố ra Tòa án Quân sự. Ngược lại, có khi quân nhân bị truy tố vì một vi phạm hình luật mà được Tòa án tha bổng, có

thể bị phạt kỹ luật vì hành động của y, tuy được Tòa án xét là không kết thành tội hình, lại bị thượng cấp xét là một vi phạm kỹ luật.

Nhưng trong một tổ chức châu đáo, nếu sự trừng phạt cần được áp dụng gắt gao, thì nó cũng phải được phân phát cách sáng suốt. Sự trừng phạt phải nghiêm minh mới chinh phục được kẻ phạm pháp, làm cho y thật lòng hối cải mà cũng làm cho bạn đồng đội lấy đó làm gương, hầu tránh sự phạm pháp trong tương lai.

Đối với các vi phạm kỹ luật, quyền trừng phạt thuộc cấp chỉ huy trực tiếp của người phạm lỗi, nhưng người bị phạt được quyền khiếu nại lên cấp trên xét lại. Vì hình phạt tương đối kém quan trọng nên quyền khiếu nại này cũng đủ bảo đảm một sự trừng phạt minh chánh.

Đối với những vi phạm quan trọng do hình luật ngăn cấm, quyền trừng phạt thuộc cơ quan tư pháp quân sự. Vậy tổ chức quân pháp nước ta có đủ khả năng để bảo đảm một sự trừng phạt nghiêm minh chăng? Đó là câu hỏi mà chúng ta tìm giải quyết trong bài này.

Tổ chức tư pháp quân sự cần dung hòa hai quyền lợi tương phản: quyền lợi của Quốc gia đòi hỏi sự trừng phạt gắt gao, nhanh chóng, hầu bảo vệ tinh thần kỷ luật của toàn đội, và quyền lợi của mỗi cá nhân được ước đoán là vô tội cho tới khi bị kết án. Sự dung hòa này bộc lộ trong việc tổ chức các Tòa án quân sự cũng như trong thủ tục tố tụng áp dụng trước Tòa này. Sau khi tuân hành mọi thủ tục luật định trong việc truy tố và xét đoán, nếu Tòa án đạt được thâm tín rằng quân nhân quả thật đã phạm tội mà y bị truy tố, thì sẽ ban cho y một hình phạt nghiêm khắc.

Vì vậy, trong phần thứ nhất, chúng ta sẽ xét các phương thể bình thường để thực hiện một sự trừng phạt công minh qua tổ chức và hoạt động của Tòa án quân sự. Sau đó chúng ta sẽ duyệt các trường hợp đặc biệt quyền lợi cá nhân của người phạm pháp phải chịu một phần hy sinh để thực hiện một sự trừng phạt nhanh chóng khác thường.



1.— Tổ chức Quân-pháp bình thường

Tại Việt-Nam, ngành tư pháp quân sự bắt đầu hoạt động vào năm 1951, khi Bộ Quân lực được ban hành bởi dụ số 8 ngày 14-5-1951.

Như bất cứ nền tư pháp nào, nền tư pháp quân sự phải tôn trọng một nguyên tắc căn bản là sự tự do cá nhân. Vì vậy dụ số 8 nói trên đã phân biệt cơ quan truy tố, cơ quan thẩm vấn và cơ quan xét xử.

A) Quyền truy tố.

Việc truy tầm những hành vi phạm pháp và đưa quân phạm ra Tòa-Án quân sự thuộc thẩm quyền Tổng-trưởng Bộ Quốc-phòng. Từ khi Tổng-thống-chế được thiết lập, quyền này chuyển sang Bộ-trưởng Bộ Quốc-phòng.

Là nhơn viên cao cấp của Chánh-phủ, vị này làm thế nào biết các hành động vi luật mà truy tố thủ phạm?

Trước hết, khi một phạm pháp xảy ra, đơn vị trưởng của thủ phạm có thể gửi đơn khởi tố đến Bộ-trưởng Quốc-phòng; nạn nhơn của vụ phạm pháp cũng có thể làm như vậy, và bất cứ ai đã chứng kiến nội vụ đều có thể gửi đơn cáo giác đến vị này.

Thêm nữa, trong công việc truy tầm các phạm pháp, Bộ-trưởng còn có một số viên chức tư pháp cảnh sát quân sự trợ lực. Các viên chức này, hành sự rải rác trên toàn lãnh thổ, được báo tin những phạm pháp một cách mau lẹ. Khi được báo tin, họ liền đến tận nơi, chứng kiến sự vi phạm, thu thập bằng chứng cùng tang vật và tìm ra kẻ phạm pháp. Xong họ lập biên bản các việc đã làm và chuyển đạt Bộ-trưởng thẩm định.

Viên chức tư pháp cảnh sát quân sự gồm có :

- các đơn vị trưởng.
- các Ủy-viên Chánh - phủ và các Dự-thẩm quân-sự.
- các sĩ quan Hiến-binh và các hạ sĩ-quan Hiến-binh giữ chức vụ Tiểu-đội-trưởng.

Ngoài ra, nếu không có viên chức tư pháp cảnh-sát quân-sự tại chỗ, thì viên chức tư-pháp cảnh-sát dân-sự (Biện-lý, Dự-thẩm, Thẩm-phán hòa giải, Thị-trưởng, Cảnh-sát-trưởng, v.v...) có quyền chứng kiến các hành động phạm pháp của quân-nhân.

Sau khi đã lập biên bản hợp pháp để chứng kiến, viên chức tư pháp cảnh sát có quyền bắt giữ bị can không?

Nếu thủ phạm bị gặp quả tang đang phạm một tội tiểu hình hay đại hình, tư pháp cảnh lại có quyền giữ y để giải đến Bộ-trưởng Quốc-phòng. Ngoài trường hợp vừa nói trên, cần phải có lệnh của thượng cấp thủ phạm thì mới bắt giữ y được.

Sau khi xét các biên bản phạm pháp, nếu quyết định truy tố thủ phạm, Bộ-trưởng Quốc-phòng áp dụng một trong hai thủ tục :

1) Đưa bị can ra xử thẳng trước Tòa-án quân sự ;

2) Truyền Dự-thăm quân sự mở cuộc thăm cứu.

1) *Lệnh xử thẳng.*— Thủ tục này chỉ được áp dụng khi nào sự phạm pháp là một tội tiểu hình, và đã được chứng kiến trong một cuộc điều tra sơ khởi tường tận rồi. Bộ-trưởng Quốc-phòng có quyền tổng giam bị can vào khám đường, khi ra lệnh xử thẳng. Như danh từ đã chỉ rõ, kẻ phạm pháp sẽ được trát đòi ngay đến trước Tòa để trả lời về tội mà y bị cáo, chớ không phải chịu Dự-thăm tra xét trước.

Thủ tục này nhanh chóng hơn, nhưng cũng có phần kém bảo đảm cho bị can hơn. Thật vậy, biên bản điều tra sơ khởi do tư pháp cảnh lại cấp dưới (tiểu đội trưởng hiến binh, cảnh-sát-trưởng) thiết lập chỉ có giá-trị tình báo, không có tính lực mạnh như vi bằng thăm vấn của Dự-thăm là một vị thẩm phán. Cuộc điều tra có khi cũng kém phần châu đáo hơn cuộc thăm vấn do Dự-thăm điều khiển.

Các sự kiện này là những trở ngại cho quyền biện luận của bị can trước Tòa. Tuy nhiên, trở ngại này có thể vượt qua vì, như ta sẽ thấy, Chánh-thăm Tòa-Án quân sự là một vị thẩm phán cao cấp, có đủ kinh nghiệm chuyên môn để giải phẫu nội vụ trong cuộc tranh luận công khai trước tòa và phân tách chọn giá trị của biên bản điều tra sơ khởi.

Nếu ta nhớ rằng lệnh xử thẳng chỉ được ban hành trong những vụ tiểu hình kém quan hệ, ta sẽ công nhận rằng quyền lợi của bị can cũng được tôn trọng đến một mực khả quan.

2) *Lệnh thăm cứu.*— Trong trường hợp quân nhân phạm tội đại hình, hoặc trong cuộc điều tra sơ khởi về một tội tiểu hình có nhiều điểm chưa minh bạch, hoặc Bộ-trưởng Quốc-phòng thấy cần phải truy tố ngay không đợi có cuộc điều tra sơ khởi, nhà chức trách cao cấp này ký một khởi tố lệnh, truyền cho Dự-thăm quân sự mở cuộc thăm cứu để tìm chọn lý, và chỉ định Ủy-viên Chánh-phủ cạnh Tòa-án quân sự theo dõi công việc ấy.

B) Công việc thăm cứu.

Khởi tố lệnh về mỗi vụ án, cùng với biên bản, tang vật hoặc tài liệu khác được gửi đến Ủy-viên Chánh-phủ Tòa-án quân sự nào có thẩm quyền địa hạt. Viên chức này lập một lệnh trạng gửi đến Dự-thăm quân sự yêu cầu thăm cứu nội vụ.

Đến đây, ta gặp lại hai nhân vật đã được liệt kê chức vụ trong bản danh sách viên chức tư pháp cảnh-sát quân sự.

Ngoài nhiệm vụ truy tầm các phạm nhân, hai nhân vật này giữ một vai tưởng trọng yếu trong sự hoạt động của tòa án quân sự. Hai vị này là sĩ quan ngạch quân pháp được tuyển trong số những người có bằng đại học luật khoa.

Ủy-viên Chánh-phủ đại diện Công-tố tại Tòa-án quân sự. Nhiệm vụ này tương đương với nhiệm vụ của Biện-ly tại Tòa tiểu hình hay đại hình, chỉ khác một điểm là Biện-ly có quyền khởi động công tố còn Ủy-viên Chánh-phủ thì không.

Ủy-viên Chánh-phủ trông nom việc tiến hành các thủ tục trước Tòa-án quân sự, và sự hoạt động của Tòa về phương diện hành chánh. Về mặt quân kỷ, vị này là cấp chỉ huy của dự thăm quân sự,

phó ủy-viên chánh-phủ, lục sự và thừa phát lại.

Dự-thăm quân-sự phụ-trách việc thăm cứu. Nhiệm vụ của viên chức này là thi hành mọi biện pháp xét ra cần thiết để tìm chơn lý. Trong khi hành sự, vị này có một lục sự phụ tá. Mọi hành vi thăm cứu đều được ghi vào vi bằng. Khác với biên bản điều tra của Cảnh-sát hay Hiến-binh chỉ có tín lực tương đối, và có thể bị đánh đổ bởi mọi bằng chứng trái ngược, vi bằng của Dự-thăm thiết lập để chứng nhận hành vi thăm cứu chỉ có thể bị đánh đổ theo một thủ tục khó khăn. Bao giờ không bị tố cáo là giả mạo và không bị Tòa-án nhìn nhận là giả mạo, thì vi bằng của Dự-thăm có một tín lực tuyệt đối, và Tòa-án sẽ căn cứ vào đó để kết án hay tha bổng một bị can.

Để bảo đảm quyền lợi của bị can, nhà làm luật đã dự định trong giai đoạn thăm cứu của Dự-thăm Quân-sự, nhiều thể thức gắt gao hơn trước Dự-thăm dân-sự.

Khi một khởi tố lệnh đã được Bộ Trưởng Quốc Phòng ban hành, bị can được đặt thuộc quyền xử lý của Dự-thăm Quân-sự. Nếu bị can đã bị thượng cấp giam tại đơn vị, y sẽ được giải đến khám đường nơi Tòa án quân sự đặt trụ sở. Dự-thăm Quân-sự phải hỏi cung bị can trong vòng 24 giờ kể từ khi y được giải đến khám đường. Nếu y đã bị giam nơi đây từ trước, thì Dự-thăm phải hỏi cung y trong vòng 24 giờ sau khi nhận được khởi tố lệnh. Hỏi cung lần đầu xong, Dự-thăm có thể cho bị can được tại ngoại hậu tra, sau khi hỏi ý kiến của Ủy viên Chánh phủ.

Trái lại, nếu bị can được tại ngoại từ trước, Dự-thăm xuất phát đòi y đến và sau

khi hỏi cung, tùy trường hợp, Dự-Thăm tổng giam y vào khám đường hay cho y được tiếp tục hưởng tự do.

Trong khi hỏi cung lần đầu, Dự-thăm quân sự kiểm soát căn cước bị can, cho y biết rõ tội mà y bị truy tố và ghi nhận lời khai của y, nhưng được ép buộc y phải khai ngay lúc đó, mà phải báo cho y biết là y có quyền không khai lời gì hết.

Nhà làm luật có ý đề cho bị can đủ thì giờ suy nghĩ một cách bình tĩnh hầu tìm phương thế bào chữa tội mình cho có hiệu quả. Hơn thế nữa, nhà làm luật còn giúp cho bị can có một người cố vấn pháp lý.

Dự-thăm Quân-sự phải cho bị can biết y có quyền chọn một trạng sư để biện hộ cho y; nếu bị can không tự mình chọn lấy thì Dự-thăm quân sự phải xin Luật sư đoàn chỉ định một người biện hộ cho y.

Từ đó về sau, mỗi lần Dự-thăm quân sự hỏi cung bị can, hoặc cho y đối chất với kẻ khác, đều phải mời biện hộ viên đến chứng kiến, và phải đề hồ sơ cho vị này xem một ngày trước. Tuy nhiên bị can có thể được hỏi cung hay đối chất trong lúc biện hộ viên vắng mặt, nếu bị can ưng thuận, nhưng sự ưng thuận này phải được phát biểu minh bạch và được ghi vào vi bằng.

Quyền của bị can được tự do cung khai hay không khi trình diện lần đầu trước Dự-Thăm, quyền được trạng sư bình vực ngay ở giai đoạn thăm cứu là những đặc điểm mà Bộ Quân luật dành cho phạm nhân thuộc thẩm quyền Tòa án quân sự. Dự-thăm dân sự, trái lại, không bó buộc phải cho bị can biết y có quyền không cung khai, và cũng không bó buộc phải xin cho bị can một biện hộ viên (trừ một ít trường hợp đặc biệt).

Hơn nữa, nếu Dự-thẩm quân sự không thi hành hai điểm vừa nói trên, hoặc hỏi cung bị can mà không báo trước cho trạng sư biết, hoặc không đề hồ sơ cho trạng sư xem trước, thì mọi hành vi sẽ làm kể từ đó đều bị coi là vô hiệu.

Đồng thời với nhiệm vụ thấu thập bằng chứng, Dự-thẩm là một cơ quan tài phán.

Ngay trong lúc đang thẩm cứu, Dự-thẩm đã phải ban hành nhiều án lệnh, như là truyền trả lại một vật đã bị tịch thu, cho một bị can được tại ngoại hầu tra, phán định về thẩm quyền v...v...

Khi đã thi hành mọi biện pháp thẩm cứu, Dự-thẩm giải quyết nội vụ bằng một án lệnh sau cùng, hoặc miễn tố cho bị can nếu xét không đủ bằng cứ y có phạm tội, hoặc đưa y ra Tòa án quân sự nếu xét y có phạm tội, và tội này thuộc loại tiểu hình. Trong trường hợp Dự-thẩm thấy có bằng cứ bị can phạm tội đại hình, vị này truyền gọi hồ sơ đến Phòng luận tội Tòa Thượng thẩm quân hạt để thẩm xét. Trước khi tuyên mọi án lệnh, Dự-thẩm phải hỏi ý-kiến Ủy-viên Chánh-phủ.

Xem qua nhiệm vụ của Dự thẩm, ta phải nhìn nhận vị thẩm phán này có nhiều quyền hạn. Nhưng ta không khỏi thắc mắc khi nhớ lại Dự thẩm Quân Sự được đặt dưới quyền Ủy Viên Chánh phủ về phương diện kỷ luật. Tình trạng ấy phải chăng sẽ có ảnh hưởng bất lợi cho bị can vì nó khiến Dự thẩm Quân Sự phải luôn luôn tôn trọng ý kiến của thượng cấp trong khi quyết định ?

Mặc dầu trong hệ thống quân giai, Dự thẩm quân sự được đặt dưới quyền của

Ủy viên Chánh phủ, nhưng khi thi hành nhiệm vụ tư pháp, Dự thẩm được hoàn toàn độc lập. Vị này bó buộc phải hỏi ý kiến của Ủy viên Chánh phủ, đại diện Công tố, nhưng không bó buộc phải theo ý kiến đó : Dự thẩm có quyền cho một bị can được tại ngoại hầu tra, hay miễn tố cho y, mặc dầu Ủy viên Chánh phủ ngăn cản.

Cả đến Bộ Trưởng Quốc Phòng, cũng không có quyền chỉ thị Dự thẩm quân sự giải quyết nội vụ theo hướng này hay hướng khác.

Nếu thấy Dự thẩm quyết định không đúng quan điểm của mình, Bộ Trưởng Quốc Phòng hay Ủy viên Chánh phủ chỉ có quyền nêu sự bất đồng ra trước Phòng Luận tội. Tòa này, tùy trường hợp, sẽ công nhận hay hủy bỏ án lệnh của Dự thẩm.

Sự độc lập của Dự thẩm đối với cơ quan công tố là một bảo đảm lớn cho bị can. Cơ quan này căn cứ theo cuộc điều tra sơ khởi hay tự động mà truy tố bị can. Dự thẩm quân sự, sau khi kiểm soát lại cuộc điều tra sơ khởi hay tự mình điều tra, có quyền đặt bị can ra ngoài vòng truy tố, bất chấp lệnh khởi tố của thượng cấp.

Đề quyền lợi của bị can được bảo đảm cách thiết thực hơn nữa, luật lại cấm viên chức đã điều khiển cuộc thẩm cứu trong một vụ, không được ngồi ghế Ủy viên Chánh phủ khi vụ ấy ra trước Tòa-án Quân-sự. Nhà làm luật e rằng viên chức này với tư cách Dự-thẩm, đã quyết định đưa bị can ra Tòa, có thành-kiến là bị can có phạm tội, và sẽ kém vô tư trong lúc buộc tội với tư cách Ủy-viên

Chánh-phủ. Đây là một đặc điểm nữa của Quân luật: trước Tòa-án thường, vị thẩm phán đã thẩm cứu một vụ hình, có thể ngồi ghế Biện-lý khi vụ ấy qua giai đoạn xét xử.

Lẽ cố nhiên, viên chức đã thẩm cứu một vụ không được dự vào thành phần Tòa-án Quân sự khi vụ này được đem ra xét xử, như ta sắp thấy dưới đây.

C) Việc xử án.

Thành phần Tòa-án Quân sự gồm có một Chánh thẩm và bốn phụ thẩm, ngoài Ủy-viên Chánh-phủ và Lục-sự.

Chánh-thẩm Tòa án Quân sự được chỉ định bởi Thủ-tướng (nay bởi Tổng thống) trong số các Hội thẩm Tòa Thượng thẩm mà trong quân hạt có Tòa-án Quân sự đó, để xử các quân nhân từ binh nhì đến Thiếu tá. Nếu bị can có cấp Trung tá hay Đại tá, một Chánh Án Phòng được chỉ định để chủ tọa phiên Tòa; nếu bị can là cấp Tướng, nhiệm vụ Chánh-thẩm được giao cho Chánh nhứt tòa Thượng-thẩm.

Vậy chức vụ Chánh-thẩm Tòa-án Quân sự do một Thẩm phán thường dân đảm nhiệm. Trái lại, chức vụ phụ thẩm được giao phó cho 4 quân nhân, mà cấp bậc sẽ tùy theo cấp bậc của bị can :

Nếu bị can thuộc hàng binh sĩ hay hạ sĩ quan, bốn phụ thẩm gồm có 1 Thiếu-tá, 1 Đại-úy, 1 Trung-úy hay Thiếu-úy, 1 Hạ sĩ quan ; viên chức sau cùng này ít nhứt phải bằng cấp bậc và thâm niên với bị can.

Để xử một sĩ quan, phải có hai vị đồng cấp với bị can, một vị lớn hơn một cấp và một vị lớn hơn hai cấp.

Ví dụ nếu bị can là một Trung-tá, sẽ có hai Trung-tá, một Đại-tá và một Thiếu-tướng ngồi ghế phụ thẩm.

Nếu bị can cấp Tướng, bốn sĩ quan cấp Tướng sẽ đảm nhiệm chức vụ phụ thẩm, không cần phải hơn thâm niên hay cấp bậc đối với bị can. (1)

Các phụ thẩm quân nhân được tuyển lựa trong mọi quân chủng và không bó buộc phải có khả năng về pháp lý học.

Vậy thành phần xét xử của Tòa án quân sự thực hiện sự hỗn hợp hai phần tử có đặc tánh riêng biệt và nhờ đó, hai phần tử này bổ túc lẫn nhau những khuyết điểm để đạt được những quyết định công minh. Vị Chánh-thẩm, luật gia chuyên môn, sẽ giúp Tòa án áp dụng luật pháp một cách toàn hảo ; các vị phụ thẩm quân nhân thông suốt tình trạng trong Quân đội cũng như tâm lý quân nhân, sẽ giúp Tòa án xét các sự kiện cách xác thật và, nếu cần, ban bố một hình phạt đúng mức.

Thủ tục tố tụng trước Tòa án quân sự tương tự với thủ tục trước Tòa Đại hình. Bị can được tổng đạt bản cáo trạng để biết rõ tội mà y phải trả lời, và tên các người chứng buộc tội, ít nữa là ba ngày trước khi Tòa xử. Y cũng được một trạng sư biện hộ, nếu y không chính mình chọn một vị. Nếu y muốn viện chứng, y cần khai tên chứng tại Phòng lục sự trong thời hạn nói trên.

Tòa án quân sự xử chung thẩm, và bản án của Tòa này sẽ được thi hành ngay, nếu không có sự thượng tố trước Tòa Phá án.

(1) Nguyên tắc là quân nhân phải do người đồng cấp hay trên cấp xét xử ; ngoại lệ đối với bị can cấp tướng cốt ý dự liệu trường hợp không có sĩ quan đủ cấp bậc để hợp Tòa.

Ta phải nhìn nhận các đặc điểm về thành phần và thủ tục của Tòa-án Quân-sự là một sự bảo đảm nữa cho bị can, nếu ta nhớ Tòa này có thẩm quyền xét xử các tội tiểu hình lẫn đại hình. Vậy một bị can phạm tội tiểu hình bị truy tố trước Tòa-án Quân-sự cũng được hưởng các đặc điểm nói trên ; trái lại một người bị truy tố trước Tòa Tiểu hình thường, chỉ được một thẩm phán độc nhất xét xử, và theo một thủ tục đơn giản hơn. Cả đến việc Đại hình, trước Tòa Sơ-thẩm, thường bị can cũng do ba thẩm phán chuyên nghiệp xét xử, và chỉ khi nào nội vụ đến trước Tòa Thượng-thẩm, ta mới thấy xuất hiện trong ban Đại hình Tòa này hai vị phụ thẩm nhân dân bên cạnh ba thẩm phán.

Tóm lại, ta có thể nói rằng Tòa án Quân sự đã được tổ chức một cách châu đáo từ thành phần cho đến thủ tục để

tránh lưỡng cấp tài phán, và thực hiện một sự trừng phạt nhanh chóng hơn Tòa án thường, mà vẫn không xâm phạm quyền lợi chính đáng của bị can.

Mặc dầu là đã nhanh chóng, nhưng trong vài trường hợp, sự trừng phạt còn phải nhanh chóng hơn nữa, thì hình phạt mới đạt được mục đích của nó : làm cho người bị phạt tự giác và nhút là làm cho kẻ khác giữ mình. Nhưng muốn có sự trừng phạt tức khắc như vậy, thì bó buộc phải giản dị hóa thủ tục, thâu ngắn thời hạn, do đó quyền lợi của bị can bị tổn thương. Xâm phạm quyền lợi của bị can là một việc bất đắc dĩ, chỉ nên làm trong những trường hợp thật đặc biệt, mà chúng ta sẽ lần lượt phân tách.

(còn tiếp)

HUYNH-ĐỀ

KỶ TỚI : Tổ chức quân pháp bất thường.

Tăng-Tử phụng dưỡng cha

Tăng-Tử phụng dưỡng cha là Tăng-Tích, mỗi bữa ăn thường dâng rượu, thịt. Khi đẹp mâm, ông hỏi cha : « Đồ ăn thừa, nên cho ai ? », Cha hỏi : « Còn đồ ăn không ? ». Ông đáp : « Còn ». Đó là vì ông muốn làm vừa lòng cha : đem đồ ăn thừa cho người láng giềng. Khi Tăng-Tích mất, Tăng-Nguyên phụng dưỡng cha là Tăng-Tử, mỗi bữa ăn cũng thường dâng rượu, thịt. Nhưng khi đẹp mâm, Tăng-Nguyên không hề hỏi cha : « Đồ ăn thừa, nên cho ai ». Nếu cha có hỏi : « Còn đồ ăn không ? ». Tăng-Nguyên đáp : « Hết rồi ». Đó là vì ông muốn để dành đồ ăn mà dọn bữa sau vậy. Như thế, là Tăng-Nguyên chỉ nuôi cái miệng, cái xác của cha thôi. Còn như Tăng-Tử, mới đáng khen là người nuôi cái chí của cha. Phụng sự cha như Tăng-Tử mới là phải đạo.

MẠNH-TỬ

HỒN TRUNG-HOA VÀ KI-TÔ GIÁO.

(Xin coi Bách-Khoa từ số 48)

F. HOUANG

Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh (dịch)

THU thập lại đây mấy bài diễn - văn chúng tôi đã diễn trong mấy năm vừa qua trước nhiều cử tọa thính - giả khác nhau, chúng tôi không có tham vọng làm công việc của một sử-gia hay một nhà thần học. Chúng tôi chỉ muốn mời những người Ki-tô giáo Tây-phương suy nghĩ về một đôi phương-diện của vấn-đề liên-hệ giữa Ki-tô giáo và hồn Trung-hoa. Dẫu các bài diễn-văn này bề ngoài không theo một thứ tự hợp lý, nhưng vẫn có một dây hệ-thống kết hợp chúng lại với nhau. Sau khi đã trình-bày tổng-quát về diễn tiến, về bất biến và về tiềm thể Ki-tô giáo của hồn tôn-giáo Trung-hoa, chúng tôi xét cần phải theo dõi những đổi thay của nó từ sau ngày gặp gỡ văn-minh Tây-phương. Chúng tôi rất buồn nhận thấy Giáo-hội đã bỏ lỡ, ở thế-kỷ XVII, một dịp rất tốt để cải tôn Trung - quốc. Mặc dù những trở lực về ngôn-ngữ và văn-hóa Trung-quốc, chúng ta không mất lòng tin tưởng ở công việc Ki-tô giáo hóa sau đây ở nước này. Những

Kiểm ái của Mặc-Địch và bác ái của Ki-tô-giáo

giá-trị tinh-thần của Trung-quốc có rất nhiều chỗ tương-dồng với Ki-tô giáo, cho nên khi người Trung-quốc, được Giáo-hội khuyến khích và điều dắt, lo toan việc ấy, thì các giá-trị kia sẽ thâm nhập vào đó dễ dàng. Đề dùng làm ví dụ, chúng tôi đã so sánh đức ăn-khuất của Đạo-giáo với đức khiêm - nhu của Ki-tô giáo, kiểm - ái của Mặc-tử với bác-ái của Chúa Giê-su, để tỏ rằng một đôi giá-trị của Trung-quốc, nhờ thiên-ân biểu thái, có thể giúp cho việc thực hiện một thí-nghiệm chánh xác về công cuộc này.

Trái với phần nhiều tác-phẩm dùng trong việc truyền giáo ở Trung-quốc, chúng tôi không cho tư-tưởng tôn-giáo của Trung-quốc chỉ gom dồn lại trong có Nho-giáo mà thôi. Chúng tôi không có ý phủ nhận vai trò ưu-thể của tư-tưởng Khổng-giáo trong sự thành lập đời sống tinh-thần của tất cả Á-đông. Chúng tôi vui mừng khi thấy nhiều người Ki-tô-giáo trứ danh của Trung-quốc đã nhờ đường của Khổng-giáo đạt tới Chúa Giê-su, song chúng tôi cũng

nghĩ còn nhiều đường khác cũng có thể đưa ta đến đó được nữa.

Trước khi từ trần không lâu, cha Dom Pierre Célestin Luce đã viết cho người đồng bang một bức thư được coi như là tờ di-chức tinh-thần của Ngài :

« Điều tốt đẹp hơn cả cho chúng ta, điều đã làm cho chúng ta trưởng thành từ năm, sáu nghìn năm, điều đã khiến chúng ta choán một phần tư nhân-loại chắc chắn do bởi Khổng-giáo mà ra. Khổng-giáo đại thành nhờ những tư-tưởng cao-siêu của Lão-tử và bổ sung bằng những ước vọng tôn-giáo của đạo Phật, nhưng bổ sung một cách phiến diện và có khi sai lầm. Điều tốt đẹp hơn cả của Tây-phương, điều đã gây ra cho họ sức mạnh tinh-thần hơn cả, và gọi ra, dù gần hay xa, những gì là tốt lành nhất, chắc chắn đều do bởi đời sống Ki-tô-giáo đời sống mà động-lực tinh-thần đã cứu chúng ta khỏi bao nhiêu tai nạn. Nếu chúng ta có được nó và dung hợp được nó trước khi gặp gỡ những yêu sách và những-nhiều mà chủ-nghĩa duy-vật Âu-châu cho chúng ta biết thì...

Chúng ta đứng trước một sự-kiện căn-bản. Sự kiện ấy bảo chúng ta phải có một sáng-kiến lớn-lao và phải hoàn thành sáng-kiến ấy, đồng thời cũng bảo chúng ta phải phát-động một cuộc liên kết rộng rãi và phải thực-hiện cuộc liên-kết này : Khổng-giáo và Ki-tô giáo phải gặp gỡ. Hai bên phải kết hợp, phải liên-minh (1) ».

Đoạn sách ấy trong bao nhiêu năm chúng tôi đã suy ngẫm không ngừng. Tuy nhiên

(1) Dom Pierre Célestin Lou Tseng-Tsiang, Lettre à mes Compatriotes, trong La Rencontre des Humanités et la Découverte de l'Évangile, 1949, trang 133-134.

trong tư-tưởng cũng như trong đời sống, càng cố gắng sáp nhập Khổng - giáo vào Ki-tô giáo, chúng tôi càng thấy, không khỏi buồn rầu, rằng đối với các thanh-niên của thế-hệ chúng ta, Khổng-giáo không còn được tiếng vang như đối với một người Trung-quốc ở thế-hệ Dom Luce nữa.

Ở thời-kỳ Cha P. Ricci và Paul Siu, sự liên-minh giữa Ki-tô giáo và Khổng-giáo không chỉ là điều đáng khuyến bảo mà còn là điều tối cần thiết, ai cũng thấy rõ như vậy ; bởi vì bấy giờ trong cơ-cấu xã-hội, trong tổ-chức chính-trị cũng như phong-tục, Trung-quốc đương thâm nhiễm Khổng-giáo. Nhưng từ khi gặp gỡ Tây-phương, Khổng-giáo đã mất sinh-lực ; và chính trong thời thanh-niên của Cha Luce, Ngài đã chứng kiến cuộc suy tàn này. Cha lưu luyến với Khổng - giáo vì chính Cha nhờ giáo-lý này đào tạo nên.

Nhưng giữa Cha Luce và thế-hệ thanh-niên sinh sau cuộc cách - mạng 1911, xa cách biết bao nhiêu ! Tất cả những ai đã chịu ảnh hưởng cuộc vận-động bài trừ thánh tượng ngày 4 tháng 5 năm 1919 (Ngũ tứ vận-động), tất cả những ai đã say sưa vì những huyền thuyết hoặc quốc - gia, hoặc xã-hội, nay đối với vị « vạn thể sư-biêu » không thể còn giữ được một lòng tôn-sùng và ái-mộ như thế-hệ của ông nội họ nữa.

Trong lúc mà thanh-niên Trung-quốc đã dấn thân vào cuộc phiêu-lưu Mác-xít, nếu dùng con đường Khổng-giáo để gắng đưa họ về với Ki-tô giáo thì chúng tôi tưởng đó là làm cho họ xa thêm với giáo này.

Chỗ độc-đáo của Khổng-giáo là đem chế-độ tộc-trưởng của gia-tộc áp-dụng vào xã-hội để gây thành một trật-tự luân-

lý trong thiên hạ. Một trong những ý-kiến trung-tâm của giáo ấy là chính-quyền tộc-trưởng trong đó vị quốc-vương, cũng như vị tộc-trưởng phải trị dân với lòng nhân-từ, khoan thứ. Tuy vị quốc-vương không liên-hệ với nhân-dân vì huyết-thống như tộc-trưởng đối với con em trong gia-đình, vị ấy cũng phải thương yêu dân với một tình thương bất biến và sâu xa như thế. Đó là lý-do khiến Khổng-tử đặt hạnh-phúc của nhân-dân lên trên tất mọi mối quan-tâm về chính-trị.

Chánh-quyền tộc-trưởng được các nhà nho xưng tụng ấy đã gây ra nhiều sự lạm dụng trong những thế-kỷ vừa qua, và khi tiếp xúc với Tây-phương, nó đã bộc lộ ra nhiều nhược-diểm, cho nên những người tìm cách canh-tân quốc-gia đã phải quay mặt sang hướng khác. Với sự sụp đổ của nhà Thanh, sự bãi bỏ lễ Giao và lễ tế Khổng-tử, uy-quyền của vị sư-biêu đã dần-dần tiêu-tán. Sau khi phép thi cử xưa đình chỉ, học-sinh cũng không cần đến ý-kiến của đức Khổng nữa. Sự thay đổi cơ-cấu căn-bản của xã-hội Trung-quốc, nhất là chế - độ gia - tộc mà học - thuyết Khổng-tử lấy làm nền tảng, đã gây ra sự thất sủng cho vị Thánh của Nho - gia. Trong hoàn cảnh ấy, người ta hiểu vì sao thanh-niên Trung-quốc ngày nay liên-kết Khổng-giáo với chủ-nghĩa bảo-thủ. Hình như Khổng-giáo không chắc gì phục-sinh được, nhất là với chế-độ Mác-xít, tâm-trạng người Trung-quốc đã biến cải tận gốc rễ. Tuy có một số người ủng-hộ muốn phục-sinh nó, nhưng giáo-lý này đã chết, thật chết rồi. Dẫu Trung - quốc có quay về dĩ-vãng, Khổng-giáo cũng sẽ không giữ được uy-quyền ngày trước.

Có người sẽ hỏi phần hình-nhi-thượng-học của Khổng - giáo có thể còn giữ một vai trò trong công cuộc cải tạo Trung-quốc về với Ki-tô giáo không ? Nó chẳng bày ra một diêm bất biến của hồn người Trung-quốc sao ?

Khổng - giáo xác nhận sự ưu-tiên của các giá-trị tinh-thần chắc là giống với Ki-tô giáo, một tôn-giáo « căn cứ vào tinh-thần và vào chân-lý ». Sự chú-trọng trau dồi đạo đức cho con người, không kể thứ bậc và giai cấp, hòa hợp với một thứ nhân-vị do ảnh hưởng Ki-tô giáo gây nên. Sự tôn quý đạo hiếu, quan-niệm như là căn-bản của mọi đức hạnh, có thể giúp kinh-nghiệm Ki-tô giáo « Thiên Chúa là Cha » được sâu xa thêm. Nhưng rủi thay, cũng như một dòng sông nước chảy đem theo vàng lẫn cát, hình - nhi-thượng - học của Khổng-tử, phát-triển qua các thế-kỷ, đã mang lấy nhiều yếu-tố thường không cùng Ki-tô giáo dung nạp được.

Sự hy-sinh mình cho lý-tưởng là một trong những yếu-tố của hình-nhi-thượng-học của Khổng - giáo, nhưng đó không phải là nền tảng cho thái-độ tinh-thần của Khổng-tử. Có lẽ thái-độ căn-bản ấy, chúng ta thấy được ở lễ trung-dụng, nó là khuôn phép cho mọi hoạt - động, mọi tư - tưởng, theo Khổng-tử.

Ít người Trung-quốc có học-thức mà không nhớ tư-tưởng này của đức Khổng : « thái quá cũng giống như bất cập. (Quá do bất cập. Luận-ngữ XI. 15). » Sự điều-độ ở trong cách cư-xử và ngôn-luận tạo thành tiêu-chuẩn của người quân-tử là kẻ, trái với tiểu-nhân, không bao giờ hung-bạo và kiêu-căng mọi hành-vi đều có chừng mực và mỗi lời nói đều không thê-lỗ. (Luận-ngữ

VIII, 4). Người quân-tử, ở một đôi phương-diện giống người trung-thực (honnête homme) của Pháp ở thế-kỷ XVII và người phong-nhã (gentlemen) của Anh ở thế-kỷ XIX, phải xa lánh mọi sự quá-độ. Theo lời một đại-nho, là Mạnh-tử, thì Khổng-tử chính là người chẳng làm những việc thái quá. (Trọng-Ni bất-vi dĩ thậm giả Mạnh-tử, Ly lâu chương cử hạ, 10).

Tinh-thần trung-dung ấy, thể hiện ở Khổng-tử, đã được tất cả các thế-hệ Trung-quốc xem như là một đặc-tính của giống nòi. Cho đến những nhà cách-mệnh như Lương-Khải-Siêu, Tôn-Dật-Tiên cũng cho đặc-tính ấy là một biểu lộ của tinh-thần quốc-gia. Ở Khổng-tử ý-thức chừng-mức ấy liên hợp với một ý-chí thành. Ông đã chẳng nói rằng chính ông chưa khi nào đạt được đạo của người quân-tử đó sao? (Cung hành quân-tử tắc ngô vị chi hữu đắc, Luận-ngũ, VII, 32). Ông há chẳng luôn-luôn lo tỏ bày sự-thực chứ không bao giờ trưng bày ra ở bề ngoài sao? Nhưng trải qua lịch-sử dài-dặc của Trung-quốc, biết bao lần chúng ta đã gặp những nhà nho thiếu thành-ý chỉ tìm ở lễ trung-dung một đường đi dễ-dãi? Lễ trung-dung dựng lên thành nguyên-tắc, sẽ khiến người ta thỏa mãn với một tình-trạng tầm-thường trung-bình, dễ chắc bảo đảm được sự yên-ôn, một thứ aurea mediocritas. Một trong những lý-do đã khiến nhiều nhà tư-tưởng chống lại với tinh-thần Khổng-giáo, chính là quan-niệm về trung-dung này, vì mãi lo tìm kiếm một chỗ trung-dung hơn, quan-niệm ấy rốt cục đưa người ta đến một tình-trạng thiếu sinh-khí, không hoạt bát. Cũng vì dễ chống lại thuyết trung-dung nó đã ngăn cản sự hăm-hở tiến tới của dân-tộc Trung-quốc trong mấy thế-kỷ

vừa qua mà đám thanh-niên trí-thức ngày nay đã nổi lên phản đối, vì họ muốn tìm một sức thần bí gì khiến người ta hoạt-động, dẫu cực-đoan, để giải-thoát xứ-sở khỏi tình-trạng hôn mê trước mắt.

Vì vậy, trong cuộc lo toan tiếp thắp Kí-tô-giáo với văn-hóa Trung-quốc, chúng tôi xét không nên kêu gọi thuyết trung-dung của Khổng-giáo, mà nên kêu gọi thuyết tích-cực của Mặc-tử, đồng-thời, thuyết tĩnh-tịch của Lão-tử, là hai học-thuyết, trong thời-kỳ cổ-diễn, đã cùng Khổng-giáo, tiêu biểu ba trào-lưu tinh-thần của Trung-quốc. Nếu trải qua các thời-dại nhờ tinh-thần trung-dung tán trợ, Trung-quốc về tâm-linh, đã không ngớt khuynh về tĩnh-tịch, thì ngày nay trào-lưu tích-cực bị che lấp từ lâu, đã trỗi dậy rất mãnh-liệt nhất là để phản đối lại một chủ-nghĩa tĩnh-tịch thực-hành. Vậy chúng tôi tưởng rằng muốn trình bày Kí-tô-giáo một cách hữu hiệu cho tâm-hồn Trung-quốc thì nên quan-niệm lại tôn-giáo ấy, không phải quan-niệm lại bằng cách nương theo Khổng-giáo như thời Cha Ricci, mà bằng cách liên-kết chủ-nghĩa tích-cực của Mặc-tử với chủ-nghĩa tĩnh-tịch của Lão-tử.

Nói theo Pascal, chúng ta có thể thấy ở trong Kí-tô giáo có sự căng thẳng giữa hai cái trái ngược, hơn là sự dung-hòa giữa hai cái trái ngược không? Tư-tưởng của Mặc-tử, chủ sự hành-động, lấy nhân-nghĩa làm trung-tâm, và tư-tưởng của Lão-tử chủ sự tĩnh-tịch chú-trọng ở đức khiêm-tốn đưa tâm hồn hòa hợp một cách thần bí với Đạo, có tạo thành hai cực-đoan mà Khổng-giáo ở chính giữa không? Hơn Khổng-giáo, sự liên-kết hai tâm-linh trái ngược ấy không những có thể giúp người Trung-quốc hiểu rõ được diện mạo thật của

Chúa Giê-su và giúp họ hiểu rõ những đòi hỏi trong sứ - mệnh của Ngài. Khác với một Khổng-tử, lo sự quân-bình về người, Chúa Giê-su chẳng liên-kết, điều-hòa ở nơi Ngài một cách tuyệt diệu những đức-tính bề ngoài như trái ngược nhau đó sao ? Trong cảnh sung-mãn của Ngài, Ngài chẳng cũng hoạt-dộng tích cực như một Mặc-tử và trăm-tư mặc-tưởng như một Lão-tử đó sao ? Như vậy, thể thức sinh-hoạt tâm-linh của Ki-tô giáo chủ-trương có phải là sự liên-kết trái lý giữa hành-dộng với mặc-tưởng không ? Người Ki-tô giáo Trung-quốc, trong hành-dộng, lo thực-hành nhân và nghĩa như Mặc-tử đã quan-niệm, đồng-thời đến cùng Thiên-Chúa với sự giản-dị, sự ăn-khuất của Đạo-giáo, có gần lý - tưởng Ki-tô giáo hơn một đôi người Công-giáo ngày nay hoặc theo một chủ-nghĩa tích-cực quá nôn nóng, hoặc theo một chủ-nghĩa siêu thoát, trăm-tư mặc-tưởng không sinh lợi ích gì chẳng ? Các điều suy nghĩ ấy cần phải bàn rộng và chứng-minh, nó thuộc loại chuyên-môn nên không đưa vào trong khuôn-khổ quyển sưu tập này. Ai chú-trọng đến vấn-đề trên có thể suy ngẫm trang sách sau đây của Cha Leclercq, trang sách tóm tắt lại được sự phong-phú và sự sâu xa của truyền-thống sinh-hoạt tâm-linh Giáo-hội :

« Hành-dộng chỉ có tính-chất chính-xác Ki-tô-giáo khi nào nó là hành-dộng của Chúa Ki-tô, bác-ái của Chúa Ki-tô. Người truyền-giáo tưởng mình là người Ki-tô-giáo trọn vẹn vì mình hành-dộng hăng-hái một cách hồn-nhiên, thật đã sai lầm, cho dù người ấy hành-dộng hăng-hái bao nhiêu cũng vậy. Người trăm-tư mặc-tưởng nghĩ mình chân-chính thuộc Ki-tô-giáo vì sinh-hoạt riêng biệt một mình trong Thiên-Chúa cũng đã sai lầm, bởi vì sự trăm-tư mặc-tưởng chỉ có tính-chất Ki-tô-giáo khi nó dẫn người ta tới ý-chí thiết-lập nước Chúa ở trần-gian để sửa soạn nước Chúa ở trên trời ; mà nước Chúa ở trần-gian chính là sự cộng-đồng giữa loài người trong tình huynh-đệ của Chúa Ki-tô vậy.

Chúa Ki-tô đã giao phó sự nghiệp của Ngài cho Giáo-hội. Giáo-hội có lấy tinh-thần của Ngài hướng dẫn hành-dộng thì mới thực-hiện được sự nghiệp của Ngài. Hành-dộng và trăm-tư mặc-tưởng phải đi đôi với nhau, không thể tách rời nhau được ; cái này mang cái kia, cái kia kéo cái này. Tinh-thần Ki-tô-giáo không thể có cái này mà không có cái kia, hoặc có cái kia mà không có cái này.

— HẾT —

PHẠM-HOÀNG và
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

★ Napoléon nói : « Phải biết nhận thức sự hèn yếu của loài người và nên uốn mình theo nó chứ không nên đả-kích nó. »
Ta nên sợ điều này là nếu cản trở nó tàn nhẫn quá, ta có thể làm phát sinh xung quanh ta bầu không khí giả dối, rất nguy-hiểm.

★ Nặng tay thì nên nghĩ đến người khó chịu. (Cổ ngữ)

QUỐC-HỒN QUỐC-TÚY

Tôi thường nghe nói : phải bảo tồn quốc-hồn quốc-túy. Tôi cũng cảm thấy là nên. Nhưng thế nào là quốc-hồn ? và giữ quốc-túy, thì giữ những gì ?

Nghe câu hỏi của bạn Tấn, Điền rất lúng túng :

— Anh đặt vấn-đề như thế, đủ hiểu anh chịu suy xét. Nhưng... phức-tạp lắm... đề thư thả rồi chúng ta nói chuyện lâu...

Thực ra, Điền không trả lời được, vì chưa có dịp nghĩ về nghĩa bốn chữ, tuy đã thấy từ khi đọc tạp-chí Nam-phong và tự đó thỉnh thoảng lại gặp ở một số báo khác.

Muốn tìm Nam-Phong cũ đề tra cứu lại, thì chẳng thấy ai giữ được. Hỏi các bạn khác và nhiều vị tôn-trưởng, thì phần đông thú là cũng chưa từng phân tích.

Cụ Cả Long bảo :

— Quốc-hồn là hồn nước chứ còn là cái gì mà phải hỏi. Quốc-túy là cái tinh túy của nước, chữ túy thuộc bộ « 艹 » bên cạnh có chữ « 子 ». Cái hay cái quý nhất là túy.

★ ————— ĐOÀN - THÊM

Nhưng cái gì hay nhất quý nhất ? Hỏi kỹ nữa thì cụ cho là dốt quá hoặc hỗn xược mới cần vặn. Đương lúc bực mình, lại được ông ba Túc nói bông :

— Trước kia có báo nói quốc-túy là cái điều thuốc lào của người Việt-Nam, và thuốc lào mà bỏ thì đời sống hết thú vị, nên phải giữ...

Tóm lại, Điền đứng trước một vấn-đề quan-trọng mà ai cũng coi là dĩ-nhiên, không giải thích giúp cho tường-tận. Đề trả lời Tấn, Điền đành cố bắc thang lên hỏi... những tác-giả sách một gậm nằm trên nóc tủ.

Nếu không có tham-vọng đi tới định-nghĩa đầy đủ, ít ra cũng phải tìm thấy một ý-niệm rõ rệt hơn, đối với bốn chữ cảm thấy hay nhưng vẫn quá mơ hồ : mà đã mập mờ, thì áp dụng làm sao ?

★

Linh-hồn con người được hiểu như gồm những khuynh-hướng, tình-cảm, ý-tưởng, nguyện-vọng. . Hồn một dân-tộc chắc cũng

ngăn ấy yếu-tổ, hay trạng-thái thì đúng hơn với quan-niệm và danh-từ của các nhà tâm-lý-học hiện-dại.

Nhưng không phải là những tâm-trạng cá-nhân hỗn-hợp trong một giai-đoạn lịch-sử, vì nếu vậy, không có tánh-cách bền-bỉ : quốc-hồn phải trường-cửu như giống nòi, nên phải gồm những tình, những ý, những chí-hướng nguyên-vọng có thể coi là chung cho tất cả các thế-hệ liên-tiếp từ khi lập-quốc.

Thành ra Điền lại đồng-ý với Renan, vì theo nhà bác-học này, cái mà người ta gọi là quốc-hồn, chính là nước vậy. Nước chẳng những là một lãnh-thò, một chủng-tộc, một đám dân có ngôn-ngữ phong-tục chung... Đất đai có thể mở rộng hay cắt bớt, mà nước vẫn còn ; trong một xứ, thường có nhiều giống người ; tập-quán và thờ-ngữ ở mỗi địa-phương lắm khi rất khác nhau, mà quốc-gia vẫn là một. Nước đã có, vì trên một lãnh-thò, một số dân đã cùng chung sống, đồng lao cộng tác, cùng sướng cùng khổ, cùng cảnh thịnh-suy trong quá khứ và hiện-tại, cùng một ước vọng về tương-lai : nước như vậy là một hồn, một nguyên-lý (une nation est une âme, un principe spirituel : E. Renan — Qu'est-ce qu'une Nation ?).

Song quốc-hồn đó có những đặc-tính gì và bởi đâu mà ra ? Theo phần đông các sử-gia và các nhà xã-hội-học, thì do địa-lý, khí-hậu, nhu-cầu về mọi phương-diện của hoàn-cảnh sinh-hoạt, ảnh-hưởng và phản-ứng hỗn-hợp của tất cả của sự biến-chuyển lợi hại trong không-gian và thời-gian, gần như đối với tâm-hồn cá-nhân.

Tâm-hồn cá-nhân có thể vừa xấu vừa tốt, về phương-diện đạo-đức và mỹ-thuật. Nhưng ta không thể tưởng-tượng được

một thứ quốc-hồn xấu ; trái lại, ta quan-niệm và tin-tưởng một cách rất tự-nhiên như một sự thiêng-liêng siêu-việt, kết-tinh của những gì được coi là chân, thiện, mỹ nhất của giống nòi. Quan-niệm như vậy, gần có tánh-cách một định-đề (un postulat).

Sử-gia nghiên cứu về mỗi nước, đã cố khám phá và tả rõ quốc-hồn của nước đó. Như André Maurois, trong bài kết-luận pho sử Anh-Cát-Lợi, đã thấy : lòng tôn-kính pháp-luật, khuynh-hướng nhân-nhượng mềm dẻo ở phạm-vi chánh-trị, tính bảo-thủ và thận-trọng v.v... (A. Maurois — Histoire d'Angleterre) J. P. Hauchecorne đếm được 12 quốc-tính của Nhật-bản, từ như tinh-thần trách-nhiệm, lòng thân mến tạo-vật, khuynh-hướng thiết-thực, đức hy-sinh v.v... (Jean Pierre Hauchecorne — Le caractère japonais — Le Japon). Song có khi mỗi học-giả nhận xét một khác : như đối với Huê-Kỳ, Toynbee thấy ý-chí xây dựng trên lục-địa mới, một thiên-đường ở hạ-giới ; (Informations et Documents — 15-3-1959) Tocqueville nhấn mạnh về tín-ngưỡng Thiên-Chúa giáo và tinh-thần tự-do. « l'esprit de religion et l'esprit de liberté » — De la démocratie en Amérique) ; còn Max Lerner chú trọng tới sinh-lực mãnh-liệt thúc đẩy dân Huê-Kỳ vận dụng các nguồn lợi thiên-nhiên để tiến không ngừng về kỹ-thuật và đạt hạnh-phúc (« the american dynamism » — M. Lerner — America as a civilization). Các vị tranh luận sôi nổi nhiều lần, rất nhiều sách đã xuất-bản, và mỗi tác-giả hình như cũng đã nhận và chỉ nhận được một vài trạng-thái có tánh-cách bổ-túc cho nhau hơn là mâu-thuẫn, đối với một vấn-đề nan-giải vừa thiết-thực vừa siêu-hình cho nên vô-cùng phức-tạp.

Vậy thì Diên dẫu dám tự - hào tả cho thiết đứng và thiết đủ quốc-hồn Việt-Nam ? Trong khi chờ đợi các nhà nghiên-cứu uyên-thâm tìm ra mọi khía cạnh, Diên chỉ cố nhận rõ hơn cụ Cả Long hay ông Ba Túc, một vài đặc - tính mà thôi. Đọc và ngẫm lại quốc-sử cùng một số ít sách quốc-văn chỉ giúp ích một cách gián-tiếp về vấn-đề này, Diên thấy đại-khái như sau :



Tầm-lực tín-ngưỡng và lòng tôn - kính các giá - trị tinh - thần

Sống ở đồng ruộng, hằng mong « ơn trời mưa nắng », chịu ảnh hưởng trực-tiếp của thiên-thời địa-lợi, ông cha ta dễ xác định trước các sức mạnh thiên-nhiên, tìm ở trời đất quý thần, thông cảm với các đạo giáo, hơn nữa, dễ dung nạp lý-tưởng phục tòng thiên - mệnh. Trong cuộc mưu sinh, thường phải trông cậy vào trợ - lực của người thân, tinh - thần gia - tộc và sự đoàn-kết hương-dòng để phát-triển. Khi học người Tàu, các cụ sẵn lòng chấp nhận vũ-trụ-quan và nhân-sinh-quan với những mối dây cương - thường ràng buộc của Nho-giáo. Lại nhờ sự nâng đỡ của chánh-quyền quân-chủ, hiếu để trung tín lễ nghĩa liêm sỉ đã thấm nhuần sâu xa với linh-diệu của tín-ngưỡng để thành động-lực mạnh nhất cho đời sống dân - tộc từ mấy ngàn năm, không khác gì Ki-tô giáo đối với các giống người Âu-Châu.



Khuyh - hướng dung - hòa kết - hợp

Nho, Lão tuy không hợp nhau ở nhiều chỗ, các cụ đã mặc các học-thuyết xung đột, không quan tâm lắm tới dị-điểm, bỏ sở-đoàn mà nhận sở-trường, học cả Khổng

và Lão, Trang, cả nhân nghĩa của Mạnh-Tử và kiêm-ái của Mặc-Địch,... Đạo Phật truyền sang : xây chùa thì đã làm sao ? Quan-Thế-Âm cũng được tôn-sùng như Quan-Đế, hay Liễu-Hạnh. Đệ-tử của Vạn-thế sư-biêu cũng đi dâng hương ở đền chùa. Các vua nhà Lý vừa sai thỉnh kinh Tam-Tạng ở Tàu, vừa lập Văn-Miếu thờ Chu-Công Khổng-Tử và 72 vị hiền-triết. Nho, Phật, Lão đều được song song truyền bá, nghiên-cứu học tập, và nếu thế-lực của mỗi giáo tùy thời lên xuống, vẫn không hề xảy ra những sự xung sát như ở nhiều nước khác. Về sau này, sở dĩ có hội bài xích Công-giáo, chẳng qua vì lý-do chánh-trị nhiều hơn là vì tín-ngưỡng : triều-đình và sĩ-phu e ngại thế-lực của người da trắng, mà chẳng may giáo - sĩ lại là Pháp hay Tây-Ban-Nha ; dù sao, sự đáng tiếc đó, không cải chính đức-tính bao-dung, chỉ xảy ra nhất-thời vì va chạm phải một tinh-thần cổ-hữu khác rất mãnh liệt của dân-tộc :



Ý-chí tự-lập và tự-cường

Bao lần xâm-lãng, sự chiếm cứ và đô-hộ kéo dài đến ngàn năm, những cuộc tàn-sát phá hoại hay tham - vọng đồng - hóa, đã không thề nào đàn áp được ý-chí kẻ trên của đồng-bào Trưng-Vương, Triệu-Âu, Trần - Quốc - Tuấn, Nguyễn - Trãi, Phan-Đình-Phùng hay Nguyễn-Thái-Học... Tất cả quốc-sử chứng minh rạch rỡ sức mạnh quật-cường bất-khuất dưới trăm ngàn hình-thái : câu thóa mạ của Trần-Bình-Trọng, Bình-Ngô đại-cáo, hội-nghị Diên-Hồng, chiến-thắng ở Tây-Kết, Bạch-Đằng, Chi-Lãng hay Đông-Đa, sự giả trang của Lê-Lai, cái đầu không chịu róc tóc của Lê-

Quỳnh, chén thuốc độc của Hoàng - Diệu hay Phan - Thanh - Giảng... Đọc sử Âu-Châu, ta thấy khối minh-quân, danh-tướng, dũng-sĩ, hiệp-khách : nhưng không mấy khi thấy được những gương hy-sinh tiết-liệt cao cả, tận trung báo quốc đến trình-độ của ông cha ta (1).

Một trạng-thái tinh-thần tự-lập, là sự Việt-nam-hóa văn-học nước ngoài : Các cụ học chữ Tàu, nhưng nhất định đọc khác hẳn, để thành tiếng Việt ; Tàu dạy « dất, dì, sấm, sây, » thì cứ đọc là nhất nhị tam tứ, tại ta nghe lại thấy thanh-tao lịch-sự. Tàu làm thi-văn không bóng gió nhiều như các cụ. Các cụ đặt ra lối nói có sách, dùng rất nhiều điển-tích điển-cổ mà các tác-giả Trung-quốc không quen : trong mấy trăm bài Đường-thi, loáng thoáng một hai chục điển ; con số này lên tới hàng trăm hàng ngàn trong Hoa-tiên, Cung-oán, Kiều v.v... Hay, dở, cũng là một lẽ lối đặc-biệt rất ít khi thấy ở văn-chương nước ngoài, một cách nghĩ theo dĩ-vãng, nhìn sự-vật qua ký-ức : tả con gái đẹp, thì nhắc tới Tây-Thi, Hằng-Nga (Cung-Oán) nghe tiếng đàn hay, thì nhớ đến khúc Kê-Khang, Quảng-Lãng, Chiêu-Quân luyện chúa (Kiều)...



Khuynh-hướng an-tĩnh giản-dị cao-thanh

Sinh trưởng ở miền nhiệt-đới, nhiều khi bị giông tố bão lụt, làm ăn vất vả dễ mệt nhọc, lại chuyên về nông-nghiệp, quen đời

(1) Nếu quý-vị nào biết, xin mách bảo giúp : trong lịch-sử Âu-Châu có những ông tướng nào bại trận mất thành mà từ tiết, thì quý-hóa biết bao ! Kề thì người ta cũng có nhiều lý lẽ để cứ không chết.

rau cỏ đơn sơ nơi thôn-dã : người Việt-Nam tự cõ chuộng giản-dị, tuy cần-cù mà vẫn thích thông dong thư thái, Săn khuynh-hướng đó, khi học sách Tàu, các cụ dễ hấp thụ tư-tưởng Lão Trang, miễn tạo-vật, ghét bôn tẩu, ưa tiêu dao. Do đó, hồn thơ sớm nảy nở khắp nơi, từ đồng ruộng tới thị-thành, hơn là ở nhiều nước rất văn-minh.

Phong-ngôn tục-ngữ của dân Âu-Châu toàn lời lẽ nôm na, nhưng ở Việt-Nam, thì hay có văn, có điệu nhẹ nhàng êm ái của phong-dao ca-dao. Người cày cuốc xứ Normandie bên Pháp hay miền Bavière bên Đức, thường chẳng biết mà ngâm nga thơ Victor Hugo hay Goethe ; nhưng cô lái đò lơ lửng trên sông Đà, chị vú ru em kéo kệt dừa vông, cũng véo von câu Kiều hay Cung-Oán ; anh thợ máy ở Lyon trêu cô bán hoa dọc đường thì lỏ mắng kêu : « hé ! la belle ! » song chú trương Cóc qua ruộng thấy bóng khăn mỏ quạ, văng liền giọng lục-bát, đề được nỉ non trả lời cũng bằng lục-bát :

— *Bây giờ mận mới hỏi đào,*

Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?

— *Mận hỏi, thì đào xin thưa :*

Vườn hồng có lối, nhưng chưa ai vào...

Người thôn-dã còn như vậy, huống chi là mặc-khách tao-nhân ? Cờ-lai chưa từng thấy dân-tộc nào dùng nhiều thơ như ở Việt-Nam : không những lúc trà dư tửu hậu (cảm hứng, dật hứng) mừng nhau, khóc nhau, giận nhau (đôi, trượng) dạy con (gia huấn ca) viết sử (quốc-sử diễn-ca) phụ đồng (giáng bút) kén rề nhiều khi thử tài ra câu đối, thậm chí tuyên bản án ly-dị cũng «... Phó cho con Nguyễn-Thị-Đào, nước trong leo lẻo cầm sào đợi ai ?

Chữ rằng xuân bất tái lai, cho về kiếm chút kéo mai nữa già ». Và đi chỗ nào mà chẳng thấy thơ ? Ở hoành-phí trên vách, ở cổng xóm, đầu làng, cửa đình, nơi danh lam thắng cảnh, ở be rượu sành, chiếc đĩa mẫu, khay gỗ khảm, bia đá bên mồ, hay cáo-bạch của ông bán thuốc lão, thuốc bắc.



Quốc-hồn với những đặc-tính kể trên, cũng như anh-hoa của cá-nhân phát tiết ra những hành-động đáng khen, đã hiện ra những thực-trạng cao quý thiện mỹ nhất : đó là quốc-túy ở các phạm-vi sinh-hoạt ; song nhận xét được đúng, chắc đâu là việc dễ dàng ?

Vì đời sống của mỗi nước, lâu nay đã có một phần ngoại-lai, do sự khuếch-trương giao-dịch quốc-tế. Những phát-mình về khoa-học, những sáng-chế về kỹ-thuật, những thực-hiện về văn-ngệ, dễ được phổ biến và thâm dụng ở gần khắp hoàn-cầu. Bởi có sự trao đổi và lan tràn như vậy, rất khó phân biệt đâu là phần văn - minh chung của nhân-loại, đâu là phần tinh-túy riêng của mỗi dân-tộc.

Máy in và thuốc súng, Tàu kéo là của Trung-Quốc, nhưng đồng-bào Gutenberg đâu có chịu, cũng như những người đã nô đại-bác đầu tiên ở trận Crécy ? Những vẻ đẹp sáng sủa, mềm mại, đều đặn trong họa-phẩm sáng tác dưới ánh nắng tươi bên bờ Địa-Trung-Hải, thì của Ý, của Pháp, hay của Tây-Ban-Nha ? Văn-minh Huê-Kỳ, theo Toynbee chỉ là của Âu - Châu truyền sang, nhưng Max Lerner cãi lại rằng có nhiều đặc - tính của Mỹ. Dù sao, sự tranh giành vinh-dự và nhận phần quốc-túy cũng chứng tỏ, đồng-thời với lòng yêu nước của các học-giả, sự nan-giải của vấn-đề.

Trông người, thì ngắm đến ta. Quốc-hồn mà Điền thấy phảng phất, đã hiện ra những gì trong đời sống kinh - tế, xã - hội văn-hóa của dân - tộc Việt - Nam ? Có nhà vạn-vật-học Pháp đã làm sách kê khai thổ-sản của nước ta và các xứ trong Đông-Dương cũ (Pételot — Les Produits de l'Indochine) ; có những thống-kê về địa-lý, lao-động, thương-mại, học-chính : sao chẳng ai kiểm điểm quốc-túy ? Những sách khảo về phong-tục, văn-hóa, v.v... của các học-giả Việt-Nam chỉ ghi chép một cách khách-quan (1). Dù sao, những tác-phẩm đó cũng là một số tài-liệu căn-bản để nhận xét và chọn lọc những gì đáng quý nhất của ta.



Ở lãnh-vực kinh-tế, bởi quen giản-dị và thiên về tình - thần, ông cha ta không bị nhiều sự thèm muốn vật-chất kích thích để cố tìm nhiều tiện-lợi hơn cho đời sống hàng ngày như những dân-tộc Âu-Mỹ : nên công - nghệ cũng như thương - mại không được mở mang. Song, khi cần đáp lại những nhu-cầu tế-tự lễ-ngهی của đền miếu cung đình, ở thôn - dã hay thành - thị, thì tín-ngưỡng và ý-thức thẩm-mỹ có dịp nảy nở ra những khí-mánh dụng-cụ với nghệ-thuật đặc-biệt : những bức hoành chạm chò công-phu sơn son thiếp vàng ghi lại nét bút văn nhân nêu cao tài đức ; — những án-thư trường-kỷ với ánh ngũ-vân của sà-cừ khảm gụ ; những đỉnh đồng lư đá bị hậu-thế ghét vì coi như tiêu biểu cho giới trường-giả quan-liêu, nhưng không vì thế mà kém mỹ-quan ; — gốm Bình-Định,

(1) Tỉ như Lịch-triều hiến chương của Phan-Huy-Chữ, Vũ-Trung tùy-bút của Phạm-Đình-Hồ, Việt-Nam phong-tục của Phan-Kế-Bích, Việt-Nam văn-hóa sử cương của Đào-Duy-Anh v.v...

lụa Cờ-đô, tranh thêu Nam-Định, nào ta có thiếu nét đàn-thanh cầm-tú đề kém màu sắc Thịnh Đường ? Công-nghệ không hướng vào sự ăn, mặc, ở hàng ngày, song được nâng cao thành mỹ-thuật và dù có thua nước ngoài, cũng có tánh-cách thuần-túy Việt-Nam.



Tánh-cách này rõ rệt hơn nếu ta bước vào phạm-vi phong-tục, song phải đi sâu mới thấy, vì những thói tốt của ta đã lâu đời, và quá quen đi nên ta không chú ý. Nhưng nếu so sánh đời sống của ta với của những chủng-tộc còn chậm tiến ở miền sơn-cước nhiều xứ, ta sẽ nhận thức rằng cách cư-xử của người Việt lương-thiện giữa cha con, thầy trò, anh em, vợ chồng, bạn hữu,... khác xa của họ biết chừng nào, về tình, nghĩa, và trật-tự. Khi thấy sự ích-kỷ đối với quyền-thuộc hương-lân, ở những xã-hội xây dựng trên chủ-nghĩa cá-nhân, hoặc sự hỗn-loạn của những người man-di sống xa đạo-lý, ta mới tin rằng nhân nghĩa lễ trí tín mà coi ta như dĩ-nhiên, đã đòi hỏi bao nhiêu công-phu học tập thực hành để thấm nhuần mà di truyền, và đưa dân-tộc từ bộ-lạc Văn-Lang Xích-Quỷ tới tồ-chức quốc-gia độc-lập với trình-độ văn-hiến bậc nhất Á-Đông.

Một số khá nhiều bạn hữu đã hoài nghi, vì những kỷ-cương đó đã không giúp ta tránh sự đời-bại, vong-quốc, ngoại-thuộc... Nhưng Điền vẫn tin rằng chính vì không theo đúng tinh-thần mà gia-đình, xã-hội, quốc-gia đã phải trải những thời-kỳ khủng-hoảng tối đen. Muốn cho dân cường nước thịnh, ai cũng thấy cần phải có tồ-chức chánh-quyền vững vàng đặc-lực, quân-đội

hùng mạnh, kỹ-thuật tối-tân, kinh-tế khuếch trương, văn-hóa phát triển v. v... Nhưng muốn đi tới những kết-quả đó, mỗi người, mỗi đoàn-thể phải cố gắng, dũng-cảm, hy-sinh, « hiếu học, lực hành, tri sĩ » cần, kiệm, liêm, chính, tóm lại vẫn là những đức-tính mà ông cha ta đã cố rèn luyện, và dù sao đã tạo ra những Tô-Hiến-Thành, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Bình-Trọng, Chu-Văn-An, Lê-Quí-Đôn, Đào-Duy-Từ, Võ-Tánh... chớ chưa thấy Võ-Tánh hay Tô-Hiến-Thành nào do học-thuật Tây-Phương tạo ra, cũng như chưa thấy văn-chương Pháp hay Anh tạo ra những bà Huyện Thanh-Quan hay những Nguyễn-Du.



Một thi-phẩm như truyện Kiều, vì sao được hầu hết người Việt-Nam ca tụng, từ thời Phạm-Quí-Thích hay Chu-Mạnh-Trình tới ngày nay, và rất có thể « tam bách dư niên hậu » vẫn sẽ bao người say mê hay khóc Tố-Như. Phải chăng những tình, những cảnh, những văn thơ đã phù-hợp với tinh-thần cổ-hữu của dân-tộc, không phân biệt già trẻ gái trai và các tầng lớp xã-hội ? Lịch-sự có, thanh cao có, lúc oai-nghiêm hùng-tráng, lúc êm-ái du-dương, hiếu-hạnh của nhà Nho, từ-bi nơi cửa Phật,... nhiều cái đẹp nhất tối nhất trong tâm-hồn ta lắm khi lại thấy trong số ba ngàn câu lục-bát này. Hơn nữa, không mấy trường-hợp trong đời người Việt, mà không tìm được một vài câu, mượn lời Liên-Điền để diễn tả nỗi riêng. Có thanh-niên âm ấp mộng xuân, đã tự hỏi : « trăm năm biết có duyên gì hay không ? » Có người không may phải bên tàu nhiều phen đã than về số-phận : « bất phong-trần phải

phong-trần, cho thanh-cao mới được phần thanh-cao ». Tập Kiều, bói Kiều tức là mặc-nhiên thừa nhận rằng việc gì trong xã-hội này mà chẳng ở thi-phẩm của Nguyễn-Du ? Thằng-hoặc có vị nho-gia nhân danh đạo-đức một cách quá nghiêm-khắc, đã lên tiếng chê trách, tí như cụ Ngô-Đức-Kể có lần giễu rằng : không lẽ nước ta sẽ thành « Kim-Vân-Kiều quốc và người Việt sẽ là Kim-Vân-Kiều nhân » ? Nhưng đúng như lời La Rochefaucauld đã nói, có những lời chê mà lại là khen, chính cụ Nghè Kể đã vô-tình và gián-tiếp nhận rằng áng văn-chương này tương-ứng biết bao với những tính tình sâu xa của đáy lòng người Việt ; và nếu không phải là kết-tính của hồn thơ dân-tộc, thì sao những văn kia, sau hai thế-kỷ vẫn còn « trong như tiếng hạc bay qua », và năm cung ngàn điệu của Hồng-Sơn Liệp-Hộ vẫn khiến cho non nước lắng tai Chung-Kỳ...



Đã thấy hay, thấy đẹp, thấy cao, tất-nhiên phải cố giữ gìn. Nhưng giữ thì phải trau giồi : đứng yên thì rồi lụi, để nguyên tất sẽ mòn mỏi. Và chẳng tâm-hồn một cá-nhân, trong một đời người, cũng phải chịu bao sự kích-thích ảnh-hưởng để đổi thay xấu tốt ; huống chi là quốc-hồn, khi nước trải bao hồi hưng vong suy thịnh, và gặp bao nhiêu sự biến - chuyển lịch - sử hỗn hợp canh cải ? Tất cả sự lo âu của người yêu nước là liệu sao cho sự đổi mới thành ra tốt đẹp hơn.

Quốc-hồn một nước lớn như Nhật-Bản, Tây - Đức, vốn có những đặc - tính hùng mạnh đã đưa hai dân-tộc tới cường thịnh : họ hãnh diện và cố - nhiên muốn bảo tồn. Nhưng sau cuộc đại - chiến thứ II, chính nhiều giới ở hai xứ cũng nhận cùng Đồng-

Minh rằng cần chuyển hướng tinh-thần về phía ôn - hòa nhân - đạo, bằng những phương - pháp dân - chủ, để tránh sự xung đột với quyền-lợi và đường tiến-hóa chung của nhân-loại. Cho nên hai quốc-hồn lâu đời thâm-nhiễm hung-khí của giống chiến-sĩ Nhật-Nhĩ-man hay samourais Phù-Tang, đã được gột rửa thử, để êm dịu bằng từ-bi, bác-ái, công-lý. Công-cuộc đó còn đòi hỏi nhiều nỗ-lực và thời-gian. Song không vì thế mà người hiểu luật tiến-hóa nản chí, vì họ đã nhận rõ : tất cả các giống người, tuy cùng đã-man ở thời thái-cổ, mà cổ tổ-chức giáo-hóa, thì cũng vẫn lên tới văn-minh : vậy thì sự cải-thiện như trên, cũng có thể thực-hiện.

Quốc-hồn ta, với những đặc-tính cao quý lâu đời gây được, cần phải duy trì vì không mâu thuẫn với hạnh - phúc loài người, trái lại, đã khiến cho dân - tộc trường tồn cùng sông núi, mặc dầu bao hồi khốn đốn lâm than.

Nhưng đã giữ, thì phải chống chọi : chống chọi với các ảnh-hưởng xấu xa mờ tối, nhất là khi nước đã hòa vào đời sống chung của thế-giới tự-do, và hồn vốn cõi mở rộng rãi để tiếp đón vang bóng bốn phương. Thành thử chúng ta phải chọn lọc giữa các luồng tư-tưởng ngoại-lai, và đề phòng sự quyến rũ của một ngoại giới mỗi ngày một ngả hơn về vật-chất với trăm ngàn khoái-lạc có mãnh-lực chìm đắm : sự chìm đắm rất dễ dàng, nếu trong đời sống hàng ngày ở gia-dình hay xã-hội có sự buông thả.

Kề thì rất khó, vì thể-hệ chúng ta đã biết thường thức đề ưa chuộng tự-do. Cá-nhân đã bị phúng chế-độ gia-hương phong-kiến nhân danh lễ-giáo quá câu-nệ về hình-thức nên lạc mất tinh-thần, đè nén đến nỗi

rất nhiều thanh-niên đã thấy gia - đình là tù-ngục, phong-tục là xiềng-xích, tất cả văn-minh cũ là lỗi-thời. Khi văn-hóa phóng khoáng của Tây-phương truyền tới, thì những phương-pháp phân-tích phê-bình của châu Âu đã cung cấp phương-tiện cứu giữa mòn gãy khuôn khổ của gia - đình, hương tộc ; rồi chế-độ thực-dân bị coi là tòng-phạm nếu không là chính-phạm trong 80 năm của mọi hình - thức chuyên chế áp bức. Nhiều thanh-niên vùng vẫy đứt dây trói buộc của cha anh, và khi các biến-chuyển của thời-cuộc lật đổ những thành-trì đô-hộ, họ hoài bão xây dựng một cơ-cấu xã - hội có thể cho cá - nhân hưởng dụng tự-do.

Nỗi khó khăn mà thể-hệ Đilen phải giải-quyết, là sự dung hòa tự-do với trật-tự, nhất là khi xã-hội cũ bị nguy-cơ phá vỡ, những chủ-nghĩa quá-khích thừa thế lan tràn lôi cuốn. Nếu chỉ lôi cuốn những hủ-bại, bất-công, phi-lý, thì còn nói gì ? Song những cơn phong-ba dữ-dội thường bẻ gãy cả cây khô cành mục lẫn cỏ hoa tươi thắm, và không những xô tung vách nát mái dột, lại đe dọa hủy hoại cả ngôi nhà còn tốt ; cho nên phải cố thắt nổi các mối kỷ-cương mà sức bền bỉ đã bao trận cuồng phong thử thách, khiến rường cột được giữ vững trên nền móng cũ, và dân-tộc còn chỗ trường-tại an vui. Tinh-thần kỷ-luật ở gia - đình, học - đường, xã - hội, trong cương - giới luân thường cũ, cần được thông-cảm, chấp-thuận, thấm-nhuần, để giữ thể quân-bình với khát-vọng tự-do và những đòi hỏi quá vị-kỷ của cá-nhân, thì đời sống của chúng ta mới tránh khỏi sự đảo điên, và hợp với quốc-hồn tinh hòa thảng thích, vừa mạnh, vừa thanh.



Sau khi cố nhận chân quốc-hồn, Đilen thấy tiếc, muốn giữ, và nhất là tăng tiến được nhiều quốc-túy.

Theo Đilen, ở mọi phạm-vi sản-xuất, phát-minh, sáng-tác, về kỹ-thuật nghệ-thuật, chúng ta chỉ đi tới kỳ-công nếu tiếp nối được tinh-thần thanh-cao, tao-nhã, bình-dị, tự-lập... : nhược-bằng lãng quên đi, thì bác học tài hoa đến mực nào, cũng có thể dùng sai lạc mất năng khiếu. Dù về hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc, âm-nhạc, thi-văn... khi tác-giả cố ý theo tân-kỳ của nước ngoài, giá thử có tặc lưỡi khen tài, bắt chước, chúng ta vẫn thấy xa lạ, và thâm-tâm chưa thỏa-mãn không hề rung động, vì vắng hồn muôn thủa núi sông.

Mặc dầu có thể, hay nên mượn nghệ-thuật Âu Mỹ để bồi bổ trau chuốt, công-trình của chúng ta cần có tánh-cách rõ rệt Việt-Nam : cũng như diện-mạo, khi ta trang-sức bằng âu-phục hay măng-bào trên sân-khấu, vẫn có nét, có vẻ, có dáng khả-dĩ nhận ngay ra Nguyễn-Văn-Tur hay Trần-Văn-Bốn.

Nếu chịu nhận thức đúng tinh-túy của giống nòi, khi đã thừa tài xây dựng được nhà Building 10 tầng, ta sẽ tìm được kiến-trúc đẹp, mới, mà vẫn Việt-Nam, chớ lẽ nào thành-phố của ta cũng chỉ như ngoại-ô đô-thị Pháp hay Hoà-Lan ? Sập gụ rũ chè, án-thư, trường-kỳ không được ưa chuộng nữa : song chỉ được thay bằng đồ gỗ mô phỏng Levitan, chưa có kiểu gì đặc-biệt nội-hóa hoặc có thể khuyến khích chấn hưng nghề chạm, nghề khảm, nghề thêu. Nhiều người đã chán vọng-cồ, nam-ai : nhưng ước gì tân-nhạc, dù soạn theo âm-luật phương tây, vẫn có tiếng

vang sông núi, hơn là vắng giọng sáo đàn của tiệm ăn New-York hay tiệm nháy Marseille.



Nhưng nghệ-thuật cũ chưa từng bị ghét bằng phong-tục cũ. Nghe hai tiếng lễ-nghĩa, Điền và nhiều bạn đã thấy phiền-phức, hao-phí, giả-trá, vô-lích. Giỗ tết, cưới xin, ma chay, khao vọng... đã bị coi như một gánh nặng, với những thề-lệ vạn bất-đắc-dĩ phải theo, và một số đông nam nữ chỉ đợi các ông già bà cả trong gia-tộc qua đời, là trừ bỏ hoặc thay đổi.

Thực ra, trừ bỏ hẳn, thì cũng chẳng mấy người chủ trương ; hoặc có, thì tại bức mình chốc lát mà kêu la, nhưng lúc bình tĩnh, cũng lại thấy sự sống không thề quá thô-sơ như ở các miền cò-lỗ man-di, và ngoài sự mưu sinh, còn phải có lễ-nghĩa cho nhiều việc trong đời người có ý-nghĩa cao-quí hơn là hành-động của các sinh-vật khác.

Bạn Lung đã nhiều phen đề nghị san phẳng hủ-tục (faire table rase du passé), cũng phải nhận khi sắp cưới vợ : ừ, không lẽ cứ việc dặt tay cô dâu lồi về cái nhà ? Ăn ở với nhau được vài năm, Lung thấy vợ đang điểm lãng-loàn, mới chếp miệng thờ dài khen công, dung, ngôn, hạnh là quí.

Bạn Sáu bị họ hàng thúc giục làm lễ thượng-thọ thất-tuần cho cụ ông, nhất định xua tay kêu là lạc-hậu ; rồi đi coi điện-ảnh, thấy một ông Mỹ tươi cười mua hoa với vòng kim-cương tặng phụ-nhân hôm sinh-nhật của bà, Sáu mới sực nghĩ ra : chú bác nói cũng phải, dân tân-tiến còn chịu tốn kém và hân-hoan kỷ-niệm

ngày vợ ra đời, huống chi đức sinh-thành, công dưỡng-dục ba bốn chục năm, khi tóc bạc, há không đáng một ngày tiệc thọ ?

Đứng trước nhiều trường-hợp tương-tự, Điền nghĩ phần đông muốn bỏ tục cũ vì không chịu tìm hiểu ý-nghĩa mà các cụ cũng chẳng buồn giảng tuy vẫn bắt theo ; hoặc nhiều bạn chỉ xét một chiều, chỉ thấy những bất-tiện do sự câu-nệ kênh-càng hay xa hoa quá độ của những người áp-dụng sai lầm. Điền kết luận rằng nên giữ lại nhiều tập-quán, nếu ngẫm kỹ và chăm chú cho thích-hợp hơn.

Nhưng thế nào cho thích-hợp ? Trong buổi sinh-nhai chật vật, tiền khó kiếm, thời giờ rất quí, thì chỉ việc tiết giảm : ngay người xưa cũng vẫn khuyên tùy gia-phong kiệm đối với mọi việc lễ-nghĩa, hiếu hỷ, xã-giao. Còn giáo-dục, trị gia, thì gia-pháp độc-tài của nhiều tôn-trưởng thời trước, cần nhường chỗ cho những phương-sách tu-thân tề-gia đúng với tinh-thần cò-học : người dưới có bổn-phận, nhưng người trên không phải chỉ có quyền, con phải hiếu nhưng cha phải hiền, dưới phải kính khi trên nên nhường, muốn dạy dỗ thì treo gương sáng chớ dùng vọt chẻ trách con em hư đốn. Nếu được như vậy, thì chẳng thất buộc, cương thường cũng chặt, và mới có thể xây đắp lại cho vững vàng các gia-đình, nền tảng của quốc-gia.

Song trong quốc-gia độc-lập, các phạm-vi kiến-thiết đều được mở rộng, nhiều công việc mới mẻ khiến chúng ta lập các tổ-chức mới, theo những phương-pháp mới : hễ quen thì thành lệ. Nên ta đang ở thời-kỳ gây nhiều tập-quán : nếu ta khéo liệu cho phù-hợp với tinh-thần Việt-Nam, đề-phổ-biến và phát-triển điều-hòa, thì các

sự canh-tân sẽ dần dần thay thế nhiều phong-tục cũ mà ta không cần đập phá. Tỉ như các nông-hội hay hợp-tác-xã đang thiết-lập : nếu ta cố hoàn-bị, thì sẽ thành cơ-sở cốt-yếu của hương-thôn, thành phương-tiện cộng-tác tăng gia sản xuất, tự túc tự giác, tương-trợ về mọi mặt : những hoạt-động ích-lợi này sẽ có hiệu-quả là thay cho sự tụ họp, liên hoan hay xung đột chung quanh mâm cỗ đình làng.

Các lễ-ngهی công-cộng nhân dịp khánh tiết, những tập-quán giải-trí, thân-thiện, văn - nghệ, cứu - tế v.v... trong đời sống tập - thể ở học - đường, hiệp - hội, nghiệp-đoàn, quân-đội, công-sở,... nếu cố tổ-chức cho hào hứng hấp dẫn, sẽ chiếm thời giờ và phương tiện của những cuộc mua vui có hại, những buổi họp xã - giao hiếu hỉ quá phiến phức hao tổn : nếu được nhiều giờ vui lòng theo, chỉ trong dăm mười năm,

những tập-tục có ích có nghĩa, có thú-vị, sẽ góp phần cho phong-phú hơn, vào kho tàng quốc-túy Việt-Nam.



Tóm lại, quốc-hồn với tánh-cách thiêng-liêng vĩnh-cửu, quốc-túy với những hình-thức cao quí, về nguyên-tắc, cần được bảo-tồn. Song sự bảo-tồn phải là kết-quả của một sự nghiên-cứu đề nhận định lại, và cần đi đôi với sự cải-tiến sáng-tạo, khiến di-sản tiền-nhân có thể gia tăng cho hậu-thế. Nếu chúng ta có bôn-phận con cháu, chúng ta cũng còn có nhiệm-vụ cha anh (1).

Đ. T.

(1) Nous sommes les héritiers de tous ceux qui sont morts, les associés de tous ceux qui vivent, et la Providence de tous ceux qui naîtront (E. About).

★ Bạn hãy nghĩ đến viên chỉ-huy của bạn khi thời chiến, vị giám-đốc của bạn khi thời bình, đã từng có lúc đối đãi thiếu lễ-độ với bạn. Nói bất-mãn, sự căm-hờn, mối đau-khổ của bạn khi đó, có những người phải chịu đựng nó suốt đời, mỗi ngày hàng trăm bận, đến nỗi ám-ảnh họ cả trong những giấc mơ nữa. Bạn hãy nghĩ những đám mây đen tối đó, nhiều khi chỉ một cái liếc nhìn âu-yếm là đủ đánh tan ngay được. (Antoine Redier).

★ Xử việc khó xử, càng phải khoan-dung ; xử người khó xử càng nên trung hậu ; xử thời khó khăn, ngò vực, càng nên tự nhiên (Lý-Tiểu-Viễn).

« Trương trung khỉ vũ »

Hạng - Vũ giành thiên hạ với Lưu - Bang. Trong trăm trận đánh, Hạng-Vũ được luôn, song đến cuối cùng thì bị thua ở Cai-Hạ và bị quân Lưu-Bang vây kín bốn mặt. Vũ ở trong mừng uống rượu với thiếp là Ngư-Cơ, rút gươm dây múa, vừa khóc vừa hát. Về sau, nói đến anh hùng mạt lộ, người ta thường nhắc đến truyện này, mà gọi là « trương trung khỉ vũ », dây múa trong mừng.

Phương - pháp phân - định từ - loại

(Tiếp theo B K. số 61)



3. Cách phân từ-loại thứ ba mà chúng tôi muốn trình-bày là cách Linh-mục Lê-Văn-Lý đã dùng trong cuốn văn - phạm tiếng Việt của người (4) xuất-bản tại Ba-lê năm 1948. Linh-mục Lê-Văn-Lý có bằng Tiến-sĩ Văn-chương, tốt-nghiep Trường Quốc-gia Đông-phương-ngữ ở Pháp, hiện nay vẫn là Giảng-viên tại Đại-học Văn-khoa Saigon, ngoài công việc giảng - dạy trong Chung - viện. Nhan cuốn sách *Le Parler Vietnamien* (kèm bốn chữ Hán « Việt - Nam Đàm - thoại »), còn thêm *La Structure Phonologique et Morphologique Fonctionnelle, Esquisse d'Une Grammaire Vietnamienne*, nghĩa là sách trình-bày cấu - trúc ngữ - âm và ngữ - thái theo công - năng của tiếng Việt và đồng thời phác-họa văn-phạm tiếng Việt. Bên trong, ở trang tựa, tác-giả lại thêm *Essai d'une grammaire vietnamienne*, có ý nói cuốn sách cốt giới - thiệu Việt - ngữ dưới một

★ ————— NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

phương-diện mới, như tác-giả trình-bày nhân dịp cảm ơn những vị giáo-sư đã chỉ bảo, khuyến-khích người trong công việc khảo-cứu (tr. 11).

Chúng tôi không nói đến phần thứ nhất của cuốn *Le Parler Vietnamien*, dành cho cấu-thức ngữ-âm, tức là phần xét tới các âm-vị trong tiếng Việt. Chúng tôi sẽ chỉ bàn đến phần thứ nhì thôi, gồm có bốn chương dài, từ trang 129 đến trang cuối là 235.

Trước hết, tác-giả nhấn mạnh rằng khoa ngữ-học công-năng (*linguistique fonctionnelle*) không muốn dựa vào tình-cảm nghĩa là căn-cứ vào ngữ-ý, vì như thế không đưa ra được những sự-kIỆN khách-quan, những chứng-cứ xác-đáng, có khi phân-tích một thứ tiếng ngoại-quốc lại cứ bắt nó phải có đủ các trù-phạm của tiếng mẹ đẻ (tr. 131). L. M. Lê-Văn-Lý còn nói « ta không có quyền xếp một tiếng nào đó vào trong một từ-loại trong một ngôn-ngữ mà lại không đưa ra những lý-do » (tr. 131) Người giải-thích (tr. 132) rằng phương

(4) Lê - Văn - Lý, *Le Parler Vietnamien. Sa Structure Phonologique et Morphologique Fonctionnelle. Esquisse d'Une Grammaire Vietnamienne* (Paris : Hưưng-Anh, 1948).

pháp của Người xét kỹ các vị-trí, các thái-độ của mỗi tiếng đối với những tiếng khác trong một ngôn-ngữ, vì có phân-tích tỉ-mỉ hoàn-cảnh của từng tiếng mới quyết-định được tiếng nào thuộc loại nào.

Mỗi tiếng, Người nói, có những chứng-ngữ (mots-témoins) riêng : những chứng-ngữ tích-cực (nghĩa là có thấy đằng trước hay đằng sau tiếng mà ta đang xét tới) và những chứng-ngữ tiêu-cực (nghĩa là không thấy đứng trước hay sau tiếng mà ta đang xét). Nói khác đi, một tiếng nào đó sẽ được xếp vào loại I, chẳng hạn, vì trước nó hay sau nó có thể có hay không thể có những tiếng nào đó, rồi thì những tiếng thuộc loại II cũng đặc-biệt ở chỗ có mặt hay vắng mặt của những chứng-ngữ nào đó trước nó hay sau nó.

Tác-giả Lê-Văn-Lý thật là một nhà ngữ-học khuôn-mẫu : khuôn-mẫu ở chỗ không bất-nhất, luôn luôn xác-định phương-pháp mình theo, thủy-chung như nhất. Phương-pháp nghiêm-tú đó tóm tắt thế này : không dựa vào ngữ-ý, không dùng những khuôn-khò cò-truyền áp-dụng cho những ngôn-ngữ khác tiếng Việt, mà triệt-đề dùng cách thí-nghiệm xem tiếng nào có thể hay không thể đứng trước tiếng nào.

Chẳng hạn, riêng những tiếng thuộc loại mà tác-giả tạm gọi là Loại A, nó theo những điều-kiện phân-bố sau đây :

(1) đằng trước có thể có một tiếng chỉ số nhiều như *những, các, mấy, mọi, nhiều, lắm, bao nhiêu, đông, đầy, cả, một*.

(2) đằng trước có thể có một loại-từ như *cái, con, người, kẻ, sự, đồ, việc, nghề, v. v.*

(3) liền ngay đằng sau có một trong những chỉ-từ sau đây : *này, nay, nó, kia, ấy, đó, nào, được, sống, cái, mãi*.

(4) đằng trước có thể có một trong những tiếng chỉ vị-trí như *trên, dưới, ngang, dọc, bên, giữa, cuối, đầu, trong, ngoài, trước, sau, xa, gần, khắp, chung quanh*.

Bốn điều-kiện trên là điều-kiện tích-cực, nghĩa là phải có.

Ngoài ra, còn năm điều-kiện tiêu-cực là thế này :

(1) đằng trước một tiếng trong loại A không thể có một nhân-xưng đại-danh-từ như *tôi, chúng tôi, mày, chúng mày, nó, chúng nó*. Ta không nói * *Tôi nhà*. (5)

(2) đằng trước một tiếng trong loại A không thể có một vấn-từ như *ai, con gì, cái gì*. Ta không nói * *Ai nhà*.

(3) đằng trước một tiếng trong loại A không thể có những tiếng như *rất, hay, cứ, hăng, đừng, kẻo, chớ, chớ gì, ước gì, vãn, vồn, đang, đương, sẽ, sắp, đã, chỉ, bị, chịu, đều, thà, đành*. Ta không nói * *Rất nhà*.

(4) đằng trước một tiếng trong loại A không thể có một ngữ-vị phủ-định (morphème de négation) như *không, chẳng, chớ*.

(5) đằng sau một tiếng trong loại A không thể có một ngữ-vị nghi-vấn (morphème d'interrogation) như *không ?, chưa ?, chẳng ?*

Tới tự-loại thứ nhì là Loại B, cũng vậy, tác-giả thí-nghiệm thì thấy những tiếng trong loại ấy xuất-hiện như sau :

(1) một tiếng thuộc loại B, đằng sau có thể có *nhiều, lắm, bao nhiêu*, nhưng đằng trước lại không thể có mấy tiếng đó. Ta nói *Học nhiều*, chứ không nói * *Nhiều học*.

(2) Một tiếng thuộc loại B có thể thành một tiếng loại A nếu đằng trước có một

(5) Dấu hoa thị (*) đứng trước một thể không có được hay giả-thiết.

loại-từ như *người, kẻ, sự, đồ, việc, cái, con, v.v...*

(3) Một tiếng, thuộc loại B nếu liền sau nó có tiếng *cách* hay *thề* (hoặc có *thật*, hoặc *hiều ngăm*), rồi thì đến một tiếng chỉ tính (*qualificatif*) hay chỉ chỗ (*demonstratif*).

(4) Một tiếng thuộc loại B đứng trước có thể có tiếng *sắp* (trong khi tiếng *gần* thì có thể đứng trước cả A lẫn B) :

gần	khỏi	sắp	khỏi
	B		B
gần	nhà	* sắp	nhà
	A		A

(5) Một tiếng thuộc loại B đứng trước có thể có một nhân-xưng đại-danh-từ như *tôi, chúng tôi, mày, chúng mày, nó, chúng nó*, hoặc một nghi-vấn đại-danh-từ như *ai, con gì, cái gì*.

(6) Một tiếng thuộc loại B đứng trước có thể có một tiếng như *rất, hay, cứ, hằng, đừng, kẻo, chớ, chớ gì, ước gì, vẫn, vốn, đang, đương, sẽ, sắp, đã, chỉ, bị, chịu, đều, thà, đành*.

(7) Một tiếng thuộc loại B đứng trước có thể có một ngữ-vị phủ-định như *không, chưa, chả, chẳng, đừng, chớ*.

(8) Một tiếng thuộc loại B đứng sau có thể có một ngữ-vị nghi-vấn như *không ? chưa ? chẳng ?*.

Riêng trong loại B, còn có một loại riêng B' gồm có những tiếng đứng trước có thể có *rất, khá, khi, hoặc hơi*.

Từ-loại thứ ba mà L. M. Lê-Văn-Lý biện-biệt thì người gọi là loại C. Loại này gồm có :

(1) những tiếng như *tôi, tao, tớ, mình, mày, bay, người, nó, hắn, đang trước* có thể có *chúng*.

(2) những số-từ đứng trước có thể có *độ, chừng, ngót, từng*, và nếu đứng trước có thứ thì chỉ thứ-tự, đẳng-trật.

(3) những tiếng chuyên đứng đầu câu, như *bởi, vì, tại, đầu, tuy, hằng, như, tùy, hễ, nếu, giả, càng, cũng, năng*.

(4) những tiếng chuyên đứng giữa câu, như *mà, nên, cho nên, song, và, bên, thì, nhưng, vả lại, hay là, hoặc*.

(5) những tiếng chuyên đứng cuối câu, như *này, nào, nọ, nhau, đực, sống, cái, mát, ơ, ư, hử, chi, gì, nhá, nhé, ru, nhỉ, sốt, mà chớ, cơ mà, nốt, chẳng*.

(6) những tiếng tự-do, khi thì ở đầu câu, khi thì ở cuối câu, như *sao, quá, đâu, đấy, bao giờ, bây giờ, bấy giờ, lúc này, chốc nữa, ngay, luôn, liền, cùng, vớ, rồi, nữa, thỉnh thoảng, mãi, nhiều, lắm, bao nhiêu, không, chưa, chẳng, khá*.

(7) những thán-từ *a, à, e, ô, á, ối, út, hỉ ối, thương ôi, chà, hề, hờ*.

(8) những tiếng hài-thanh như *hi-hí, khi-khi, oe-oe, hu-hu, o-o, ve-ve, vù vù, thòm thòm*.

Mãi sau khi phân-tích như trên, L. M. Lê-Văn-Lý mới nhấn mạnh rằng năm loại đầu (dùng chứng-ngữ mà phân-biệt) phù-hợp với năm loại mà tên thông thường vẫn là danh-từ (A) động-từ (B), hình-dung-từ (B'), nhân xưng đại-danh-từ và số-từ. (1 và 2 của C). Bốn hạng 3, 4, 5, và 6 của Loại C cũng căn-cứ vào vị-trí trong câu mà biện-biệt.

Sau khi phân-định những từ-loại trên, tác-giả còn xét kỹ từng chứng-ngữ trong Chương 2, rồi xét cả những hư-từ (*mots vides*) là các tiếng (ông Grammont gọi là *mots usés*) kỳ thúy thuộc A, B, hay B' nhưng về sau dùng làm giới-từ hoặc trạng-từ: *Có của. Sách của tôi... Tôi mất ví. Hùm ăn mất trâu... Tường này nhẵn quá. Ăn nhẵn cả*.

(còn tiếp)

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

BÁCH KHOA LXII

Nhân ngày (22-7-1959) kỷ-nhật thứ 27

Bạch-Thái-Bưởi

(1874-1932)

Người Việt đầu tiên dám hơn
thua cùng người Tây, người
Tàu trên đường doanh-nghiệp



TÂN-FONG-HIỆP

NƯỚC nhà đang gặp hồi khó khăn
về kinh-tế.

Ai ai cũng ước ao những chánh-sách
thích hợp, những biện-pháp kịp thời và
những con người kinh-doanh táo bạo, nhìn
xa, làm lớn.

Hai điểm đầu, dành chờ chánh-phủ ;
điểm sau cùng, đợi ở tư-nhân.

Và nghĩ đến tư-nhân, người ta càng
nhớ nhà đại kinh-doanh mất đã hai mươi
bảy năm, người mà lúc còn sống, tạp-chí
Nam-phong của *Thượng-Chi* Phạm-Quỳnh
cho « là một bậc nhân tài ít có trong nước

Nam », mà khi vừa chết, tạp-chí « *Đông-thanh* » của *Ứng-Hoè* Nguyễn-Văn-Tổ
gọi « là bậc anh hùng kinh-tế thứ nhất
trong kinh-tế giới nước nhà », người bước
chân vào đời với hai bàn tay trắng mà khi
từ giả cõi đời, để lại một sự nghiệp vĩ đại,
một tổ-chức chặt chẽ, một chương-trình
hoạt-động mà con cháu cố làm theo, không
xuề, một lời trối : sao cho cờ công-ti do
mình sáng lập phấp phới cùng năm châu
hầu thế-giới biết đến người Việt, nước
Việt, người đó là

Bạch-Thái-Bưởi.

Những bước đầu (1).

Người làng An-phúc, tỉnh Hà-dông. Nhà nghèo, cha họ Đỗ, mất sớm, phải theo giúp đỡ cho mẹ sinh nhai bằng nghề đi bán hàng rong. Gặp một ông nhà giàu họ Bạch, thấy cậu bé họ Đỗ lanh lợi, thông-minh, bèn xin làm con, đổi lại họ Bạch. Học lực vừa đủ làm một thầy « ký quèn » (tục gọi là thầy ký Năm) cho một người Pháp. Lúc đó, tuổi ông được hai mươi mốt, song chí thì cao, và chịu khó, kiên tâm, thì ít ai bì kịp.

Vào làm công cho một người Pháp, chẳng qua là vì sinh-kế tạm-thời và để thấy, nghe, tìm hiểu, học hỏi cách làm việc, cách tổ-chức, và nhất là để tìm cơ-hội tiến-thủ. Cơ-hội ấy không dễ ông chờ lâu. Ngay năm đầu ông vừa vào làm việc — năm 1895 — nước Pháp mở cuộc đấu xảo tại Bordeaux.

Chủ về dự cuộc đấu xảo, và đem ông đi theo. Hẳn ông đã tỏ cho chủ thấy sức làm việc, tài bất thiệp của mình thế nào, nên đầu mới hai mươi mốt tuổi đầu, lại giữ một vai trò khiêm-tốn và vào làm việc chẳng bao lâu, mà ông được chủ đem về Pháp.

Người thanh-niên không an-phận này của nước Việt lạc-hậu, bị người Tây giựt mất độc-lập, bị người Tàu giành mất kinh-tế, người thanh-niên này lợi-dụng đến cùng cơ - hội ngàn năm một thuở ấy : mất tai mở rộng, trí não tha hồ thu thập. Thay vì choáng ngợp trước bao cơ sở đồ sộ, trước bao tổ-chức tinh-vi, trước bao hoạt-động không-lỗi, trước

(1) Phần lớn tài-liệu trong bài này, chúng tôi mượn ở tạp-chí « Nam-phong », và nhờ bà Bạch-Thị-Sen, ái nữ của ông Bạch-thái-Buổi, vui lòng cho biết thêm làm việc, làm chi tiết.

cái văn-minh cơ-giới và vật chất đang lên của « mẫu-quốc », người trai trẻ họ Bạch chúng ta càng thấy phấn-khởi thêm, quyết đề trọn đời mình vào con đường doanh-nghiệp. Và từ đó, ông say sưa với nó, chẳng khác gì một người « tử vì đạo ».

Về nước, ông xin thôi việc ngay. Làm công cho người, thì dù có tận-tụy cách mấy, có giỏi giần đến đâu, thì chút lương thêm, vài lời khen thưởng, làm sao mà thỏa-mãn được một người đã lập-chí, có tinh-thần độc-lập như Bạch-Thái-Buổi.

Người Pháp đang xúc-tiến công việc làm đường sắt nối liền Trung, Nam, Bắc. Cầu qua Sông Cái, cầu Doumer (tức cầu Long-biên) đang khởi công. Ông túm ngay dịp tốt. Bao nhiêu vốn liếng dành dụm, ông đều bỏ vào hùn với một người Tây lãnh phần cung-cấp cho sở Hỏa-xa gỗ tốt để làm tà-vệch. Hợp-tác với kẻ mạnh, giàu hơn mình, thì bao giờ cũng chịu thiệt, không mặt này thì mặt khác, nhưng ông không lấy đó làm điều : suốt ba năm trời, ông lùng khắp rừng cao đến lũng sâu các tỉnh mạn trong để tìm gỗ bền, gỗ chắc, để gây tiếng tốt. Vất vả gian-nan cũng nhiều, mà kinh-nghiệm trong nghề, trong thuật dùng người cũng lắm.

Công việc xong xuôi, lời trên mấy vạn (2).

Thầy ký quèn, người làm công nhỏ mọn không còn nữa. Một nhà tư bản — tư bản ở xứ ta — đang thành hình.

Ai ở vào địa vị ông lúc bấy giờ mà không lo an hưởng để bù mấy năm gian khổ chốn nước độc rừng sâu : mua nhà, tậu ruộng, gởi tiền vào băng... Ông thì

(2) Xin nhớ giá-trị đồng bạc lúc đó (cuối thế-kỷ XIX) to hơn bây giờ nhiều.

không. Có vốn kha khá, thì hoạt động thêm đề vốn lớn lên, hầu giúp ông thực hiện đôi điều to rộng. An phận, đường như suốt đời, không bao giờ ông nghĩ đến.

Lúc bấy giờ, thị trường bắp (ngô) bỗng trở nên quan trọng. Bắp bán ra ngoài nước, rất được giá. Ông bèn bỏ vốn mua bắp. Rồi cho ông, sau đó, nhiều người thấy lợi to liền xô nhau vào việc bán buôn này, khiến giá bắp (giá mua) tăng vùn vụt; năm ấy bắp lại mất mùa lắm chỗ, không đủ đề nộp cho người như giao kèo đã định, thành ra ông chẳng những bị lỗ to, mà còn bị kiện tụng lòi thoi; thất kiện, vốn liếng ông gần sạch-sành-sanh.

Nhưng « thua keo này, bày keo khác », có ít thì làm ít vậy. Góp nhóp của cải, ông đầu giá, lãnh trưng được nhà cầm đồ ở Nam-định. Rồi từ đó, như câu tục ngữ Pháp, ông như chim « ngày một ít, làm ồ mình ».

Bắt đầu từ đây, ông dụng phải sự cạnh tranh quyết liệt của người Tàu và sự cản ngăn đủ mặt của nhà cầm quyền Pháp.

Người Tàu thì quyết giữ chặt quyền « đô hộ » về kinh-tế của họ. Người Việt nào mà lăm le giành lại những mối lợi trong việc bán buôn là họ nắm tay nhau mà diệt.

Người Pháp thì không muốn dân-tộc ta ngóc đầu mở mặt, bất cứ ở phương-diện nào, cốt làm chúng ta càng tự ti mặc cảm: chẳng làm gì lớn được, chẳng làm gì bền được.

Và Pháp, Tàu thường bắt tay nhau rong công cuộc đề bẹp tánh quật khởi của nòi Việt. Kẻ có quyền, người có tiền,

khôn ngoan, mánh khỏe có thừa, thì hơn thua với họ là trúng chọi đá.

Bạch-Thái-Bưởi đã hơn thua với họ, và hơn một lần, đã thắng họ về vang, chứng tỏ rằng mình là một loại trượng đặc biệt. Thực dân Pháp, cũng như con buôn Tàu, phải kiêng — vì, phải lo ngại, và nề nang cá-nhân Bạch-Thái-Bưởi, họ do đó nề — vì dân-tộc Việt, chẳng phải hèn, kém, bất-lực như ai kia lắm tưởng.

Trong việc lãnh trưng tiệm cầm đồ Nam-định, ông đã có dịp đem tất cả tài-tổ-chức, tài đối phó, và bao kinh-nghiệm thu thập. Đó là lần đầu tiên mà một người Việt đảm đương một công việc phiền-phức, mà từ lâu, người Tàu thao túng. Và đó cũng là lần đầu tiên, trên đất Việt, mở mang cho phong trào *lầy-chay* sẽ phùng-phục sau này.

Người người đều cho ông làm một việc phiêu-lưu. Nhà cầm quyền sở tại làm khó dễ đủ điều. Giới khách thương Tàu chờ ngày ông vỡ nợ.

Song sự thật khác hẳn. Thân-chủ tiệm cầm đồ ông ngày một đông, ngày một thêm tín-nhiệm. Nhơn-viên tiệm toàn là đồng-bào mình, ăn nói nhã nhặn, cư-xử lễ-độ, sẵn lòng chỉ vẽ, mà tiền chịu lời lại phải chẵn, đó là chưa kể tinh-thần dân-tộc mà người dân Việt nào cũng có, và ông đủ khéo léo gợi khêu.

Sự thành-công của ông là một cái gương sáng cho đồng-bào trên đường tranh thương với người ngoại-quốc.

Sức hoạt-động của ông ít ai bằng. Đồng thời với việc gây dựng uy-tín cho sở cầm đồ, đối phó với nhà cầm-quyền làm khó dễ, đối phó với người Tàu phá rối ngầm,

ông còn lãnh trưng thuế chợ ở Vinh-Bến-thủy (1906-1913), ở Nam-định (1906-1909), ở Thanh-hóa (1907-1909), mở hàng cơm Tây ở Thanh-hóa, lãnh ti rượu ở Thái-bình, và bao việc linh tinh khác.

Đặc-biệt nhất là nghề ăn-loát vốn hoàn-toàn xa lạ với ông, mà thấy có một nhà in lớn là cần, ông bỏ tiền mở một cái ở Hà-nội, và người bấy giờ được đọc nhiều sách do « công-ti Bạch-Thái-Buổi » xuất-bản ; nhà in ấy sau là « Đông-kinh ấn-quán » mà ông nhường lại cho em rể là ông Lê-Văn-Phúc, sau khi đã gây dựng xong xuôi.

Ôc thực-tế, mắt nhìn xa, ông lại dự-định nhiều công cuộc mà tiếc rằng hoặc vì chiến-tranh, hoặc vì hoàn-cảnh, ông chưa thực-hiện được.

Như việc dựng một nhà máy xay gạo ở tại Nam-định. Máy xay, ông đặt mua ở tận Hambourg, bên Đức, vì Đức có tiếng là chế tạo máy móc tài tình, mà vừa chế một kiểu máy xay gạo rất tốt, rất mạnh. Nhưng trận giặc 1914-1918 buộc ông dẹp dự-định đó.

Ông cũng nghiên-cứu việc đặt cống, xây máy nước, dựng máy điện cho thành-phố Nam-định.

Ông lại chú ý đến việc đặt đường sắt nối liền Nam - định với Hải - phòng, qua Thái-bình. (Quả ông là người có « *khiếu bán buôn* »).

Nhưng ông đề tiếng lại về sau và được người đồng thời thán phục là do việc ông cạnh tranh ráo riết với người Tàu và đặc thắng vẻ vang trên đường sông xứ Bắc, khiến có người tặng ông biệt danh là :



Chúa sông miền Bắc.

Đời ông là một cuộc tranh đấu liên miên, nhưng không có đoạn đấu tranh nào mà quyết liệt, sôi nổi, lý thú và... hiềm nghèo bằng hồi ông cùng người Tàu trống mái với nhau trên mặt nước để giành phần thắng về mình trong việc vận tải giao-thông.

Đắc thắng của ông càng quang vinh là vì lúc bấy giờ vốn ông chưa được nhiều, thế ông chưa mấy vững, kinh-nghiệm ông gần như không có, mà kẻ địch thì đông, kết thành khối, tiền của, thế thần dư giả, mưu mô, mánh lới có thừa, lại nắm quyền bá chủ về ngành này hơn mười năm lẻ.

Năm 1909 là năm mở màn cuộc thư hùng.

Ông A. R. Marty vừa mãn hạn giao kèo chở thư từ cho « Nhà - nước » và chở hành khách trên các con sông Bắc - Việt. Ông bèn vận động mượn lại ba chiếc tàu của ông Marty :

Phi - Phụng (Phénix), *Phi - Long* (Dragon) và *Khoái-tử-long* (Fai-tai-long).

Và cho chạy ngay trên hai đường trọng yếu lúc bấy giờ là Nam-định — Bến-thủy (Nghệ-an) và Nam-định — Hà-nội.

Giới Hoa - thương lúc đầu ngạc nhiên thấy một người Việt cả gan dám mạo hiểm vào vùng « đất cấm » mà họ là chủ nhân ông. Qua hồi ngạc nhiên, họ cười ông : châu chấu đá xe. Nhưng rồi nhận thấy ông tổ-chức khéo, quảng cáo hay, khách hàng đi cũng như đỗ chuyên chở của họ trước kia nay lẫn hồi giả từ tàu họ mà xuống tàu người « Annam » họ Bạch. Họ giật mình, kết-hợp nhau lại để loại-trừ ông. Cuộc tranh đua rất mực hào-hứng và có lợi vô cùng cho người đi tàu.

Ông hạ giá một, thì họ hạ giá hai. Ông hạ giá hai, thì họ hạ giá ba.

Ông đãi khách uống nước chè, thì họ thết khách ăn bánh ngọt với... nước chè.

Cuộc cạnh tranh quyết-liệt đến nỗi giá tàu đi từ Nam-dịnh lên Hà-nội, trước giá 0\$,40, rồi 0\$,30 mà sau chỉ còn có 5 xu, rồi 3 xu. Tiền cước thì một tấn gạo chỉ phải trả như một bì. Hành-khách đóng vai ngư ông trong cuộc cò, ngao giăng co này. Đến đổi có người bảo : « Chỉ còn thiếu một cách thuê tiền cho khách đi tàu nữa mà thôi ! ».

Hai bên quyết một còn một mất, nên tuy cả hai đều thiệt thòi nhiều, mà chẳng ai chịu nhượng ai, hoặc bắt tay nhau mà cùng chia lợi. Giới Hoa-kiều nghĩ mình vốn lớn, tàu nhiều, cơ sở vững, lại đông người, còn ông Bạch-Thái-Bưởi thì như viên tướng một thương một ngựa, không kíp thì chày cũng yếu sức mòn hơi mà xuống ngựa quăng thương.

Nhưng đối-thủ độc-nhất và lợi hại của họ chẳng phải thấy khó mà lui, thấy nguy mà bỏ ; trái lại, gặp khó khăn, càng rán vượt qua, gặp nguy-nạn, càng cố san bằng, và tài đối phó nhanh nhẹn, tài chế biến tài tình, cơ mưu đường như gặp biển mà thêm nhiều, thêm hay.

Sánh với người Tàu, thì tình thế ông nguy thật : muốn ba chiếc tàu, tháng trên 2.000\$, mà mỗi chuyến chỉ thu từ 15 đến 20\$.

Chính lúc cực kỳ nguy-ngập đó, lúc sức muốn suy, là lúc trí ông bừng lên. Vật chất, ông khó bề đương lại, thì ông dùng tâm-lý vậy.

Hành khách toàn là người Việt. Mà người Việt thời bấy giờ đang phục một

Hoàng-Hoa-Thám, đang buồn vì Đông kinh nghĩa-thục không còn, đang khổ vì cuộc kháng xâu chống thuế miền Trung bị dìm trong máu lửa, đang mong chờ một Phan-Bội-Châu hiện bốn ba hải ngoại..., thì gọi tình giúp đỡ người một bọc chống lại ách ngoại bang — ách kinh-tế — là thương sách. Ông tung ra một đoàn đi diễn-thuyết ở các bến tàu, nói rõ những thiệt thòi phải chịu trong việc bán buôn nếu người Tàu thắng cuộc, cùng tình đồng-bào, tình yêu nước...

Kết quả tốt đẹp chẳng đợi lâu : hành khách càng ngày càng bỏ tàu Chêch, mà đi tàu Nam.

Ông còn tìm cách đo lòng đồng bào: trên mỗi chiếc tàu, ông treo một cái ống, đề ai thấy việc ông làm đáng khuyến-khích, thì xin bỏ tiền vào ống cho chủ tàu đỡ phần lỗ là hầu vững sức mà cạnh tranh với người Tàu cho tới thắng lợi cuối cùng. Đồng-bào tỏ rằng hiểu ích lợi việc ông làm và sốt-sắng ủng-hộ ; bỏ ống ra, thường thấy những tờ giấy bạc năm đồng, hai chục đồng (3) xen lẫn với xu, hào, bạc một.

Mấy chú ba Tàu đành chịu thua.

Cả nước Việt thờ dài, khoan khoái.

Năm 1912, ông cho tàu chạy thêm đường Hải-phòng, xưa nay vốn là đường trọng yếu bậc nhất của các tàu Trung-hoa. Người Tàu căm tức vô cùng, họp sức nhau một lần nữa dặng hạ ông cho sạt nghiệp mới nghe. Nhưng cũng lại chịu thua, vì ông có một hậu thuẫn không gì hơn được, đó là số đồng bào giác ngộ một mực đi tàu ông, tầy chay tàu khách.

(3) Xin nhắc lại là chuyện xảy ra non 50 năm về trước. Giá trị đồng bạc lúc đó khác lúc bây giờ nhiều.

Con trời phải hạ xuống đất đen. Người Tàu đành tìm nghề khác, bỏ nghề buôn tàu; có người phải bán tàu lại cho ông. Trong trận giặc không đồ máu này, nhờ tình đoàn kết của đồng-bào, nhờ sự trí chí, khôn khéo của ông mà kinh-tế nước nhà lần đầu mở mây mờ mặt và gây lòng tự tin cho những người đeo đuổi nghiệp-doanh thương.

Luôn đây, xin nhắc lại một ngón tài tình của ông trong cuộc ganh đua với các hiệu tàu khách.

Lúc đó, người Pháp ưu đãi người Huế-kiều, nên ông chỉ xin chạy được 15 ngày trong tháng, còn 15 ngày thì phải để cho người Tàu,

Trong đơn, ông ghi rõ chỉ chạy những ngày mùng 2, mùng 4, mùng 6... mà thôi, nghĩa là những ngày chẵn, người Pháp cho phép, chẳng dè đâu người mình lúc bấy giờ chỉ đi buôn bán vào những ngày chẵn trong tháng mà thôi. Và khi tàu bắt đầu được phép chạy là ông cho tung ra những câu hát, những khẩu hiệu đánh mạnh vào lòng yêu nước của nhân-dân, chẳng hạn như câu :

« Người ta thì đi tàu ta ».

Sau đó, ông mua hẳn ba chiếc tàu trước kia ông mượn, và mua cả thuyền đội của công-ty Marty d'Abbadie. Ông có cả thảy mười lăm chiếc tàu, và tàu ông chạy khắp các sông ngòi đất Bắc. Ông quả là một ông « Chúa sông » vậy. Có tàu mà không có xưởng máy riêng để chứa, mà phải nhờ đến người khác, nhất là người Tàu họ thường bắt bí, thì chưa phải là lý-tưởng. Nên ông chỉ toại nguyện lúc ông A. R. Marty, trước khi chết, bán lại cho ông

xưởng máy chứa tàu và làm tàu của công-ti ông ấy. Vận đở lại đến với ông : năm 1917, công-ti Deschwanden phá sản, ông mua hết sáu chiếc hỏa thuyền và một số xà-lan. Tàu tuy cũ, mà nhờ có xưởng chứa, nên rồi tàu hư, tàu cũ trở nên tàu tốt, tàu mới không mấy lúc. Điều đáng kể là chẳng những ông kể nghiệp hai công-ty Pháp : công-ti Marty và công-ti Deschwanden, mà ông chủ công-ty sau, ông Deschwanden, người Pháp chánh-tổng, lại về làm công cho ông !

Ngoài số tàu mua của hai công-ti Pháp nói trên, ông còn mua lại tàu của khách — những địch-thủ cũ của ông — và còn chế-tạo nhiều tàu khác nữa. Đến năm 1919, thì sở ông có trên ba chục chiếc tàu, lớn có, nhỏ có. Ông còn có thêm một số tàu kèm, tàu phụ, xà-lan, cầu đứng, cầu thả.

Một điều đáng ghi là tên tàu, một số lớn mang những tên lịch-sử, chứng tỏ rằng ngoài cái óc kinh-doanh phí thường, ông còn có tấm tình thương nước nòng nân : những tên Lê - Lợi, Hồng - Bàng, Đinh-Tiên - Hoàng, Gia - Long, Trưng - Nhị, Trưng-Trắc, Hàm-Nghi, Lạc-Long, nhờ ông mà càng phổ-thông trong dân-chúng.

Để bạn đọc thấy rõ sự-nghiệp, cơ-sở và ảnh-hưởng của cuộc kinh doanh đến cảnh đến người của ông « Chúa sông miền Bắc », chúng tôi xin sao lại biểu kê lên tàu cùng tính cách và số người giúp việc cho ông, do Thượng-Chi ghi lại, trong bài « Chấn-chỉnh thương-trường. — Một cái gương cho thương giới nước ta : ông Bạch-Thái-Buổi », đăng trong tạp chí « Nam-phong » số 29, tháng 11 năm 1919.

Biểu kê những danh hiệu cùng tính cách các tàu hiện
đang chạy của sở Bạch-Thái-Buổi

Danh hiệu tàu	Tính cách các tàu	Bề trường	Bề khoát	Dung tích	Số hành khách	Các đường chạy
		Thước	Thước	Tấn	Người	
Phi-Phượng	đu 2 chân vịt, bằng sắt	40, 25	9, 20	300,000	1.200	Hà-nội Nam-định
Phi-long	« 2 « « , «	40, 00	7, 30	280,000	854	—
Phi-Hồ	« 2 « « , «	40, 00	7, 30	280,000	300	Hảiphòng Bếnthủy
Đồng-Khánh	« 1 « « , «	34, 50	5, 50	114,000	310	Hảiphòng Namđịnh
Kiến-Phúc	« 1 « « , «	23, 00	3, 88	87,000	95	Namđịnh Nhoquan
Thiệu-Trị	« 1 « « , «	30, 00	4, 00	100,000	120	Nam-định Kim-sơn
Khoái-tử-Long	« 1 nửa sắt nửa gỗ	40, 00	6, 50	150,000	160	Nam-định Bến-thủy
Trung-Trắc	« 1 « « , gỗ	34, 00	5, 50	100,000	300	Hải-phòng Hà-nội
Minh-Mạng	« 1 « « , «	28, 50	5, 00	199,000	300	—
Tự-Đức	« 1 « « , «	30, 00	4, 90	188,000	220	Hải-phòng Hòn-gay
Hàm-Nghi	« 1 « « , «	22, 40	4, 20	100,000	120	Nam-định Ngôđồng
Hiệp-Hòa	« 1 « « , «	21, 00	3, 90	35,000	60	Nam-định Lạcquan
Trung-Nhị	« 1 « « , «	28, 30	4, 50	150,000	120	Hảiphòng Mongcáy
Lạc-Long	« 1 « « , «	23, 00	3, 85	40,000	55	Hảiphòng Hảidương
Khâm-sai	« 1 « « , «	25, 00	4, 00	50,000		tàu chạy kèm
Kinh-lược	« 1 « « , «	23, 70	4, 20	123,860		—
Tổng-đốc	« 1 « « , «	18, 28	4, 20	65,000	85	Hảiphòng Kiếnan
Gia-Long	bánh xe, bằng sắt	38, 00	7, 60	203,000	606	Hảiphòng Namđịnh
Đình-T-Hoàng	« 1 « « , «	38, 80	7, 50	189,000	500	Hànội Chợ Bờ
Hồng-Bàng	« 1 « « , «	25, 00	4, 50	85,000	150	Namđịnh Tháibình
Yên-báy	« 1 « « , «	37, 20	5, 70	350,000	430	Hànội Tuyênquang
Phổ-lu	« 1 « « , «	37, 20	6, 62	350,000	430	—
Bảo-hà	« 1 « « , «	27, 65	5, 60	115,000	260	—
Lê-Lợi	« 1 nửa sắt nửa gỗ	37, 00	7, 30	100,000	400	—
Chợ-Bờ	« 1 « « , «	34, 32	6, 80	256,000	200	Thượng-du Bắc-kỳ
				Tấn	Người	
			Cộng	4.069,860	7.275	

« Thống-kế lấy số trung bình thời :

- Dung tích (*jauge brute*) các tàu ấy cộng lại được hơn 3.600 tấn (*tonnes*)
- Trọng tải (*port en lourd*) được 2.000 tấn
- Sức mạnh các máy ước chừng 3.500 mã lực
(*chevaux vapeur*)
- Tốc độ (*vitesse*) trung bình ước là 8 hải-lí (*noeuds*)
- Tổng cộng số hành-khách các tàu ấy có thể chở được là 6.643 người.

(4) Tác-giả kê còn thiếu 3 chiếc tàu lớn chạy đường biển là : *Bình-Chuân, Nguyễn-Trất, Verdun*.

« Những « xà-lan » (*chalands*) cùng thuyền kèm bằng gỗ và bằng sắt, cả thảy có 20 chiếc lớn, dung tích tới 1.900 tấn; cầu đứng có 13 chiếc, cầu nổi 16 chiếc.

« Các tàu đó hiện mỗi năm chở tới 5000 chuyến vừa khứ-hồi, ngót một triệu rưỡi người hành khách và hơn mười lăm vạn tấn đồ hàng. Xem những số ấy thời đủ biết sở tàu ông Bạch-Thái-Buổi đã trở nên to lớn là dường nào.

« Cho được kinh-lý một cái cơ sở lớn như vậy, phải đến một đội người làm công mới xuê được. Số người làm của ông quả thành một quân-đội nhỏ thật, mà ông thì nghiêm nhiên là một ông tướng cầm quân. Ở Hải-phòng, ông dùng tới ngót một nghìn người, chia ra làm hai hạng: hạng làm việc ở nhà giấy và làm việc ở các tàu cộng là 271 người; hạng làm thợ trong xưởng máy tới 692 người. Ở Nam-định, dùng 199 người; ở Hà-nội 108 người; ở Tuyên-quang 69 người; ở Bến-thủy 59 người; ở Việt-trí 17 người; tổng cộng cả các hạng người làm là 1.415 người: cứ thử tính số

lượng của bấy nhiêu người làm, mỗi tháng có tới mấy vạn bạc (3). Trong số người làm ấy có những hạng đại-biểu đại-lý ở các nơi (hiện có ba người Tây và bốn người Annam), những hạng mai-bán Tàu, chủ xưởng máy, là những hạng giúp việc gần và ăn lương cao cả, khác nào như bộ tham mưu (*état-major*) của ông chủ tướng vậy.

« Sở chánh thời hồi đầu còn ở Nam-định, vì ông khởi nghề buôn tàu ở Nam-định trước nhất, Mãi đến tháng 4 năm 1916 mới dọn xuống Hải-phòng, hiện ở vào giữa phố Thương-mại và đường Quảng-đông, trên bờ sông Tam-bạc. Đường đó trước kia vắng vẻ ít người ở, từ khi ông đặt bến ở đây thành một chốn vui vẻ đông đúc, cả ngày tấp nập những người đi lại, nhất là những khi tàu tới tàu đi, hành-khách xôn xao rộn rịp, đồ hàng bễ bộn, ngồn ngang, thật là một cái cảnh-tượng vui mắt. »

TÂN-FONG-HIỆP

Kỳ sau: *Bạch-Thái-Buổi: Vua mỏ nước Việt.-Những ngày cuối cùng.-Vài giai-thoại*

(3) Xin nhớ chúng ta đang ở vào năm 1919.

★ Trong công việc, đối với những người đến với ta, ta thường có khuynh-hướng quên tính tốt mà chỉ nhớ tính xấu; như Shakespeare đã nói, ta khắc tính xấu của họ vào đồng mà viết tính tốt của họ trên nước: *Men's evil manners live in brass; their virtues we write in water...*

Tâm-lý ấy rất dễ hiểu, vì những tính tốt đến đầu, lâu ngày ta cũng thấy quen đi và coi thường, trong khi tính xấu tai đi tái lại mãi rất dễ làm ta mất kiên-nhẫn. Sự lầm lẫn đó càng tai hại nếu là sự lầm lẫn vô thức, vô tình.

★ Ở đời có việc không nên quên, có việc không nên không quên.
(Đường-Tuy)

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kể Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường "Độc-Lập"

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

LÃ - QUẾ - CHÂU

Truyện dài bằng thơ của **LIÊN-CHỚP**

do nhà xuất bản **NGÂN-PHƯƠNG**—209/92-i đường Nguyễn-Kim—Chợ Lớn.

Trích lời giới thiệu của báo chí :

... Sách in đẹp, lời thơ như ru rất điều-luyện mà cũng rất
hồn-nhiên Nhật Báo **DÂN CHÚNG**

... Sách dày 48 trang, ấn loát trên giấy blanc fin, trình-bày mỹ-thuật
Giá bán 15 đồng. Tuần san **ĐIỆN-ẢNH**

... Cốt chuyện rất đơn-sơ, giản-dị, song với thi-tài của tác-giả,
chúng ta hy-vọng còn đọc được nhiều bài xây-dựng và đặc sắc hơn.

*Tạp chí **PHỒ-THÔNG***

... Chúng ta lại được đọc tập thơ nhiều hứa hẹn.

*Tạp chí **BÁCH-KHOA***

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| ★ Đường miếng lọc | ✧ Đường cát trắng tinh |
| ✧ Đường cát trắng ngà | ✧ Đường cát trắng Hiệp-Hòa |

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rượu Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn -:- Tél. 21.360

HÁT TUỒNG

(Tiếp theo B.K. số 59)

TRẦN-VĂN-KHÊ

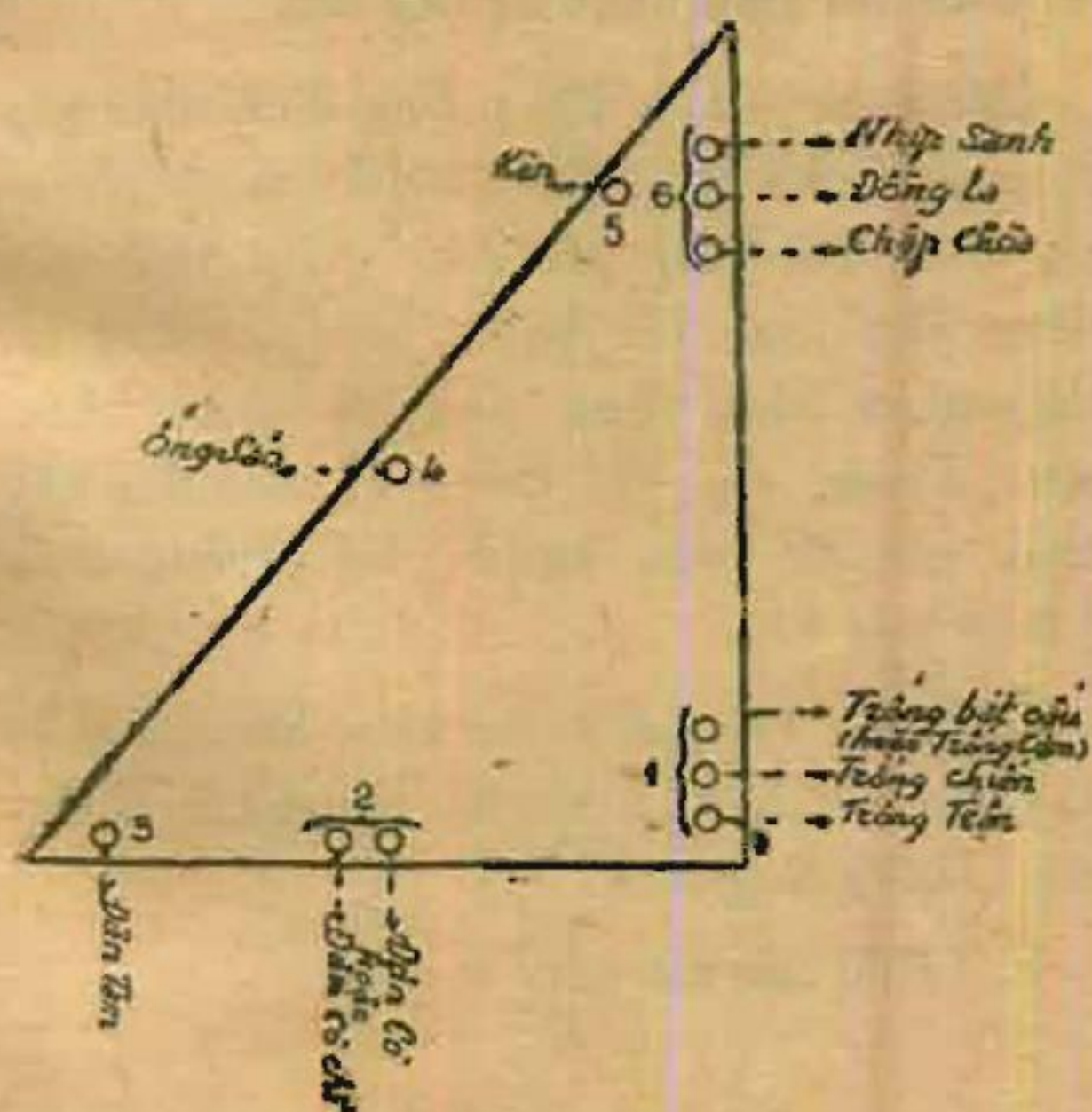


II.— Giàn nhạc, các điệu hát và nói lối trong hát bội

A. — GIÀN-NHẠC

Giàn-nhạc gồm có nhiều nhạc-khí. Nhưng nhạc-công không cần đông vì mỗi người có thể đàn hoặc đánh trống nhiều thứ khác nhau.

Theo tài-liệu của ông G. Coulet (Cu-lê) thì giàn-nhạc hát bội gồm có kèn, sáo, đàn tam, đàn cò (nhị), đàn cò chỉ, trống trận, trống chiến, trống bát-cầu, trống cơm, chập-chòa, đồng-la, nhịp. Nhạc công sắp theo hình tam-giác, tất cả là 6 người :



1.— Người thứ nhất cầm trống (3 thứ trống)

2.— Người thứ nhì tùy lúc mà đàn cò hay đàn cò chỉ. (Trong mấy gánh hát lớn có 2, 3 người đàn cò hoặc hai người đàn cò, một người đàn gáo (hồ))

3.— Người thứ ba đàn tam. (Có khi đàn xến hay đàn đoản.)

4.— Người thứ tư thổi sáo.

5.— Người thứ năm thổi kèn.

6.— Người thứ sáu đánh nhịp sanh, đồng-la hay chập-chòa. (1)

Theo ông M. Lelièvre (Lơ-li-e-vơ-rơ) thì giàn-nhạc hát bội có nhiều thứ trống, đồng-la, chập-chòa và đàn cò (nhị) kèn và sáo. (2)

Hai ông G. Coulet (Cu-lê) M. Lelièvre (Lơ-li-e-vơ-rơ) đều khảo-cứu trong Nam. Ông G. Knosp (Cờ-nốt) khảo-cứu ngoài Trung Bắc, có viết rằng giàn-nhạc hát

(1) G. Coulet : *Organisation matérielle du théâtre populaire chez les Annamites*. (Về tổ-chức hát bội của người Việt) tr. 36

(2) M. Lelièvre : *Le théâtre Annamite* (Hát tuồng Việt-Nam). Tạp chí Extrême Asie Tháng giêng năm 1932, tr. 333.

tuồng gồm có vài ba cây đàn : 1 cây nhị (cò) và 2 cây đàn, ông gọi là « Guitares » mà có lẽ là đàn nguyệt (kìm) hay đàn tam, và nhiều thứ trống : trống lớn, trống nhỏ và một trống châu. (3)

Trong những gánh hát nhỏ, 4 nhạc-công đã đủ rồi. Cần nhất là có người cầm trống, người đánh đồng-la, chập-chỏa người đàn cò (nhị) và người thổi kèn. Có khi thêm một cây đàn đoản hay đàn xến. Thường thì có 1 cây đàn cò (nhị) 1 cây đàn gáo (hồ). Quan-hệ nhất là trống chiến dùng để đánh nhịp chấm câu nói lối, đánh trống đậm bang (lúc tướng sắp ra trận) trống tâu-mã (lúc tướng cử binh hay rượt giặc) trống giao chiến (lúc xáp trận) nhịp hát khách, hát nam, nhịp thầy rùa, nhịp ngoạn kiều huê-viên v.v... người đánh trống phải theo từng câu hát, đề ý đến đoạn nào hát nam, hát khách mà « rao » trước.

Số nhạc-công nhiều ít tùy theo gánh hát lớn nhỏ, nhưng tối thiểu cũng phải có 3, 4 người. Thường thì 6, 7 người. Ít khi có đến 10 người.

B.— NÓI LỐI

Có nhiều cách nói lối.

Lối tuồng.— Đào kép lúc xưng tên họ, lúc kể lai-lịch thì nói lối tuồng. Giàn-nhạc gồm có đàn cò (nhị) đàn gáo (hồ) đàn tam và ống sáo hòa tấu bài Hạ (Ngũ đối hạ) trống và đồng-la chỉ nhịp chấm câu. Nói lối thuộc về văn biến-ngẫu thường có hai vẻ đối với nhau, chữ chót câu thứ ba bắt vần với chữ chót câu thứ hai — thí dụ :

(3) G. Knosp : *Le théâtre en Indochine* (Hát tuồng tại Đông-dương) Tạp chí Anthropos, năm 1908. tr. 289

*Mừng bầy nước nhà thanh trị
Vui thay tôi chúa an nhân
Ngư thủy phùng ngư thủy nhất tràng
Quên thần hội quân thần thiên tãi.*

Giọng những chữ không dấu như vui, thay, tôi, ngư, phải cao bằng chữ ư của bài Hạ. Mấy chữ khác thì tùy dấu mà hát cao hay thấp hơn.

Lối tuồng thường viết bằng chữ Hán. Như lúc xưng tên Châu-Do nói :

*Quờn Đô đốc Xà-tang
Ngã tánh Châu-Công-Cần.*

Quờn đây có nghĩa quyền. Trong các tuồng hát bộ trong Nam, đào kép thường đọc trại nhiều chữ : « trác » là trước, « bồn phật » là « bồn phận », « yên em » là anh em v.v...

Giữa các câu chữ Hán thường có xen một ít tiếng Việt như và chẳng, chỉ nữa, như ta đây v.v... mấy tiếng Việt ấy gọi là « hường ».

Những câu nói lối như nói chuyện thường gọi là *lối dăm*. Lúc đào kép nói lối dăm thì giàn-nhạc ngừng tấu.

Lối bốp.— Lúc hai tướng địch mới gặp nhau, khi cha rầy con, đề diễn-tả sự phẫn-nộ, đào kép nói *lối bốp*. Kèn thổi câu riêng cho loại lối bốp. Trống, đồng-la, chập-chỏa nhịp từng hồi, và đánh chấm câu. Trong các vở tuồng cổ lúc đào kép phải nói lối bốp, người viết tuồng chưa « loạn viết ».

Ơi hỡi (Tùng xà) chớ khoe-khoang thần võ (Rừng tùng xà) không phủ-phục thiên-oai (Rừng tùng xà)

Ê (Rắc rắc rắc rắc) v.v...

Lối ai.— Trong lúc buồn, dào kép nói *lối ai*. Đàn cò (nhị) gáo (hồ) đàn tam và ống sáo tấu bài *Xuân-nữ*. Có song lang và trống cơm nhịp theo.

Trong các vở tuồng cò, sau một câu nói lối thường có một vài tiếng đề cho giàn nhạc biết dào kép sẽ hát nam hay hát khách. Khi nói chữ « xong » thì hát nam, chữ « hảo a » thì hát khách, *Ái a*, thì thán. Mấy chữ ấy gọi là vĩa hay vĩ, (1)

Có hai lối hát chánh : hát khách, và hát nam.

Hát khách : chữ « khách » có lẽ do chữ « khách-trú » và chỉ người Trung-Hoa. Hát khách có thể do người Trung-Hoa truyền sang. Hiện giờ chúng tôi chưa tìm ra bài nào trong nhạc Trung-Hoa giống như lối nhạc hát khách đề chúng dẫn một cách rõ rệt là hát khách do người Trung-Hoa dạy. Nhưng có điều : nhạc hát khách thuộc về điệu Bắc hơi nhạt, lời hát khách là những câu chữ Hán, chúng ta có thể nói không lầm là hát khách bắt nguồn bên nước Trung-Hoa. Có nhiều lối hát khách :

1 — *Hát khách thường* : Trước khi ra trận hay đi tuần thú, quan đi nhậm chức, người thư nhân ngoạn cảnh đều có thể hát khách.

*Trùng chiêm thảo mộc đắc hiên ngang
Bá hoa cạnh tú phần anh quang*
(*Cha chả là đẹp*)

*Bất quĩ huyền lưu hề Thượng-uyên.
Khích nhơn mỹ mục điểm xuân hoan* (2)

(1) Đoàn-Nông *Sự tích và nghệ-thuật hát bộ*. Tr. 61.

(2) Khi cho tôi câu hát khách ấy, cậu tôi là Nguyễn-Tri-Khương có dịch nghĩa ra như sau đây:

*Liếc xem cây cỏ đứng sum xuê,
Rực rỡ trăm hoa nở bốn bề,
Chàng hồ truyền đồn tên Thượng-uyên,
Gọi người đẹp mắt sắc tươi mê.*

2 — *Khách phú* hay là *khách phú lục* thường gặp trong các vở tuồng ngoài Trung Bắc mà ít nghe hát trong Nam. Khách phú là một loại hát đối đáp. Anh em sau bao ngày xa cách, gặp nhau han hỏi sự tình, hoặc hai tướng địch trước khi giao chiến hỏi lai lịch duyên cớ.

Trong tuồng Tam-quốc, khi Trương-Phi gặp nhị-tàu nôi trận lồi đình, nhị-tàu mới phân trần :

« Tam đệ hữu dắc vô lễ, đề chị phân lại cho em nghe.

Hát khách : Tàu tàu tại tư (*chị có nghe tin*) Lưu-Huyền Thúc như Nam qui tị.

(*Cho nên chị về đây là cực khổ biết chừng nào, mà cũng nhờ có nhị đệ đó mà*).

Lao lao chí thử, Quan-Vân hầu nhất lộ phò trì. (1)

Trương-Phi Thâm nghi, thâm nghi
Bất thính bất thính.

(*Phi nghĩ lại*)

Hát khách : Tào-Tháo gian hùng

Bĩ tăng dĩ thiên phương loạn chí.

(*Phi dăm hốt*)

Quan hầu nghĩa khí (*ý làm sao mà*)

Hà bất năng nhất tử thù tri ? (2)

(1) Đoàn-Nông. — *Sự tích và nghệ thuật hát bộ* Tr. 52

Đại ý câu hát : Phi ở đây nghe tin Lưu-Huyền-Thúc (Lưu-Bị) chạy trốn về phía Nam. Quan-hầu (Quan-Công) chịu cực khổ phò trì cho chị trên đường (tìm Lưu-Bị).

(2) Đoàn-Nông. — *Sự tích và nghệ thuật hát bộ* Tr. 52

Đại ý câu hát : Trương-Phi không muốn nghe và lòng hoài nghi tại sao Tào-Tháo là tay gian hùng mà Quan-Hầu là người nghĩa khí, tại sao lại chẳng biết cái thù không đội trời chung ?

HÁT TUỒNG

Trong lúc đào kép hát khách, kèn thổi theo giọng hát và dứt câu, trống, đồng la, nổi lên chấm câu.

Có khi đàn tam, đàn cò (nhị) cũng đàn theo hát khách, nhưng chánh nhất là cây kèn.

3 — *Khách tàu mã* : Giọng cũng như câu hát khách thường, nhưng nhịp một mau hơn nhịp khách thường. Trong lúc rượt giặc, hay có chuyện chi cấp bách thì hát tàu mã.

*Hoang mang sách mã tàu như phi
Báo lai trào nội đặc tường tri (3)*

4 — *Khách tử* : Nhịp chậm hơn khách thường, giọng hát lại ngân nga, kéo dài. Tướng sắp tử trận, người sắp tự tử hát khách tử. Câu hát chính là câu của Na-Tra hát khi tự lóc thịt mình.

« Hườn kỳ cốt nhục hườn kỳ mạng
Khả lân khả lân khả tích khốc. »

Hát Nam : Câu hát khách là thơ thất ngôn viết bằng tiếng Hán Việt, câu hát Nam là thơ lục bát hay song thất lục bát viết bằng tiếng Việt.

Nam Xuân : Điệu Nam Xuân hát lúc sắp lên đường, dạo cảnh — cũng như lối khách thường — Nhưng điệu hát Nam êm hơn hát khách — giàn nhạc phụ họa đờn bài Nam Xuân. Trong Nam không có kèn, chỉ có đàn cò (nhị), gáo (hồ), đàn tam (hoặc đàn đoản, đàn xến) và trống phách. Trước khi hát Nam, đào kép nói mấy câu chữ Hán « tán » đại ý của câu hát. Câu ấy gọi là « tán ».

(3) Đại ý câu hát : cỡi ngựa chạy như bay về triều đình báo cho vua rõ sự tình.

Lúc bà Nguyệt-Kiều đi tu hát.

*Một mối cho toàn huynh-đệ
Nghiêng mình từ tướng sĩ quần liều
Mặc ai giàu muốn sang giàu
Mưa mai để biết nắng chiều nào hay.*

Theo Đoàn-Nông hát bộ miền Trung có 3 lối Nam :

Nam ai, Nam thương hát lúc buồn
Nam bằng Nam Xuân hát lúc vui
Nam dựng, nửa ai nửa bằng (1).

Hát bộ trong Nam có hai lối hát buồn.
Nam đi : Hát lúc gặp cảnh buồn nhưng không phải cảnh biền. Hát và đàn theo nhịp chậm.

Nam chạy : Hát lúc gặp hoạn nạn như bị hồ hay cướp rượt giữa rừng. Hát và đàn theo nhịp mau, nhịp đuổi.

Thán và oán. — Trong các điệu buồn còn có lối Thán và oán. Thán có nghĩa là than.

Thán thường là câu thất ngôn tiếng Hán-Việt. Trong tuồng Ngũ-Hồ bình-liều của Nguyễn-Văn-Diêu lúc Địch-Thanh phải tạm gả duyên cùng Thoại-Ba công-chúa bên nước Thiện-Thiện, lúc nhớ nhà nghe gió thổi qua tường, nghe tiếng chuông chùa, lòng xao-xuyến rồi than :

*Bi phong ngũ dạ quá tường đông (2)
Nào khách thời oán cớ tự chung.*

Oán cũng như thán nhưng lời văn là những câu thất ngôn tiếng Việt.

Thường trong cảnh buồn, đào kép thán, rồi oán, nói lối, rồi hát nam (2).



(1) Đoàn - Nông : Sự tích và nghệ - thuật hát bộ trang 55.

(2) Đoàn-Nông. — Sự tích và nghệ-thuật hát bộ Tr, 50-57.

Ngày xưa hát tuồng trong cung do những gánh hát của triều-đình gọi là *phường nhà trò* biểu-diễn vào các dịp vui. Phường nhà trò trong cung có độ non 300 đào kép, nhạc-công, người dọn lớp, chạy hiệu v.v... kép giỏi nhất gọi là *nhất ẩm* được lương bổng và quyền-hành trong gánh hát bằng một đại-úy trong quân-đội (1). Sau mới có những gánh hát

tuồng tồ-chức theo phường nhà trò để hát cho dân-chúng. Trong Nam; những gánh hát tuồng gọi là gánh hát bội hoặc hát bộ. Ngoài Bắc-Việt, trong dân-gian; có một lối hát khác hẳn với loại hát tuồng do dân-chúng sáng-tác và biểu-diễn cho dân-chúng. Đó là lối hát chèo mà chúng tôi sẽ nói đến trong bài tới.

TRẦN-VĂN-KHÊ

(1) G. Knosp. — *Le théâtre en Indochine*. Revue Anthropol, tr. 284.



Bảng kê vài quyền sách tham-khảo

(CHỮ-HÁN):

Đại-Việt sử ký toàn thư.

Phạm-Đình-Hồ. — *Vũ-Trung tùy bút* chương: biện về âm-nhạc

(CHỮ QUỐC-NGỮ).

Đoàn-Nông. — *Sự-tích và nghệ-thuật hát bội*. Mai-Linh, Hà-nội, 1942. 321 trang

Phạm-Đình-Hồ. — *Vũ-Trung tùy bút* Đông-Châu dịch. Tạp chí Nam-Phong số 122 tháng 10 năm 1927 tr. 361 - 368 số 123 tháng 11 năm 1927 tr. 464

TIẾNG PHÁP.

Cordier (G) *Le théâtre annamite* La Revue Indochinoise Juin 1912 pp. 564-587

Coulet (G) *Le théâtre annamite classique* Toulon Mouton & Cabassou 1928 125p

Coulet (G) *L'Organisation matérielle du théâtre populaire chez les Annamites*, Saigon- Imprimerie Commerciale 1927. 162p.

Knosp (Gaston) *Histoire de la musique de l'Indochine* Encyclopédie de la musique et dictionnaire du Conservatoire - Paris Delagrave 1922. Tome 5. pp 3100 - 3146

Knosp (Gaston) *Rapport sur une mission officielle d'étude musicale en Indochine*. Internationales Archiv für Ethnographie Band xx 1919
Band xx 1920

Knosp (Gaston) *Le théâtre en Indochine* Anthropol 1908 pp 280-289

Le lièvre (N) *Le théâtre Annamite*. Revue Extrême Asie: Sept 1931 pp 127-152
Oct. 1931 pp 183 - 202
Déc. 1931 pp 281 - 298
Janvier 1932 pp 329 - 338

Lương-Khắc-Ninh *Le théâtre annamite*. B.S.E.I. (Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises) Nouvelle Série T III 1928. N° 2 pp 83-89

Nguyễn-Văn-Vĩnh *Le théâtre annamite* La Revue Indochinoise illustrée Janvier 1914 pp 96-97.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LÃNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Adresse Tél.
LOSSEIC

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE
« SAIGON — GARAGE »
Angle des Bds Nguyễn-Huân et Lê-Lôi — SAIGON

Tél N^o
20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions

SIMCA

STUDEBAKER

Motos et Scooters

BIANCHI

RUMI

DEPARTEMENT FROID

Installation

Réparations

Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)

Tracteurs forestiers

Tracteurs agricoles

Bulldozers

Groupes électrogènes

Groupes marins

Moteurs hors-bord

Atelier de réparations

Station Service

Pièces détachées d'origine

Pneumatiques «MICHELIN»

Moteurs marins

Groupes électrogènes

Đi Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « **LLOYD TRIESTINO** »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Société d'Exploitation Industrielle Commerciale

« TÔI ĐÓNG PHIM BÊN ANH »

HAY LÀ

« mang danh kịch sĩ một thời »

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

(xin xem B. K. tir số 51)

Trong rừng Burnham Beeches

LẦN này, họ định quay cảnh đại-úy Sugaya xử tên tù binh Úc đã dám cả gan đánh một hạ-sĩ-quan cảnh-binh đội Nhật. Phải quay trong rừng và ban đêm. Trong tờ giấy họ gởi cho tôi có biên rõ rằng các kịch-sĩ phải có mặt tại phim trường vào lúc 6 giờ chiều và tất cả đồng đi vào rừng Burnham Beeches (Bơ-nơ-hăm Bi-chơ-zơ) vào lúc 6 giờ 45. Hôm nay có đủ các vai chính: Virginia Mc Kenna, (Vơ-ji-nia Mắc Kena) Peter Finch (Pi-tơ Fintchơ), Jean Anderson (Jin Ân-đec-xôn), Nora Nicholson (Nô-ra Ni-côn-xôn) v.v... tất cả vừa kịch-sĩ, kỹ-thuật gia là 105 người. Ngoài hai xe « ca » chở người còn có 2 xe chở thực phẩm, 1 xe chở máy quay, 1 xe thu thanh, 1 xe máy điện, 1 xe chở đồ phụ-tùng vẽ điện, 1 xe chở dụng-cụ như gươm, súng, đèn rọi, búa, đinh. Những người hóa trang phải đem theo các thức cần thiết để làm nước mắt và máu.

Chiều ngày 12 tháng 9 năm 1955 đúng 6 giờ 45 cả đoàn rời phim trường Pinewood (Pai-nơ-u-đơ) để vào rừng.

Gần 7 giờ rưỡi tối, đến nơi, họ dựng một trại to để cho kịch-sĩ sau khi đóng xong lớp của mình vào đó mà nghỉ. Ông J. L. đến bảo tôi: « Đêm nay, là đêm của ông. Nếu may ra mà xong như dự định thì tốt. Nếu không chắc còn trở lại quay một lần nữa. Ông đã thuộc tuồng rồi chứ. Cảnh 506, 511, 513 và 522. Ông đi ăn gì một tí đi. Ai làm việc suốt đêm thường hay đói lắm. Trong nửa giờ nữa, hẹn ông tại chỗ quay.

Từ ngoài đường cái vào rừng, nhiều người hiếu kỳ đứng xem và xin chữ ký. Nhưng gần đến chỗ quay có người gác và ai không phận sự phải trở ra. Mấy lần tôi đã bị họ chạy theo xin đòi chữ ký, vì trong lúc sơ ý tôi đã ký cho một người chữ ký thường. Đem so lại với mấy chữ ký bằng chữ nhỏ, họ kêu nài đòi.

Ăn xong, tôi trở lại lều ngồi nghỉ và xem lại các câu đối thoại. Bỗng nghe tiếng ông phụ tá đạo-diễn nói trong loa: « cho các đèn điện cháy lên! Mời các kịch-sĩ đến chỗ quay để tập thử ». Trời hôm nay lại mưa lâm râm. Ông đạo-diễn chắc lo ngại vì trong cảnh không có

dự định trời phải mưa. Các tù binh mặc áo rách, đi chân không lội bùn lại gặp trời lạnh vì mưa. Theo những người Anh, năm nay không có mùa hè. Tôi may mắn hơn họ là mặc nhung phục sĩ quan. Tuy bằng ga-bạc-di-nơ (gabardine) nhưng tôi đã cẩn thận mặc áo lót mình bằng len, chân lại có đôi ủng to. Tôi thấy thương những người đóng vai phụ làm tù binh mặc áo tả tơi, đứng giữa rừng, trong mưa lạnh.

Đèn rọi sáng cả một góc rừng. Máy quay phim đề tận đằng xa, gần một gốc cây đại thụ, nơi anh tù binh sắp bị đóng đinh. Tôi từ bên phải bước vào, đến trước đám tù binh đàn bà rầy họ một lúc, đuổi anh lính hầu và giao cả đoàn tù binh ấy cho một mình anh hạ sĩ quan già. Rồi đến trước toán tù binh đàn ông, đại-úy Sugaya giải thích tại sao anh lính Úc bị xử tử hình, không phải vì ăn trộm gà mà vì đánh cảnh-binh Nhật. Rồi đến trước mặt anh Joe chào anh rồi hỏi anh muốn gì trước khi từ giả cõi trần. Bì anh Joe mắng, nhưng trước người sắp bị tử hình đại-úy Sugaya cúi đầu chào rồi quay lưng đi. Trong lúc đó tất cả tù binh phải chứng kiến lúc xử đến cô Jean (đọc là Jin) té xiu. Phải quay một lần toàn thể cảnh ấy rồi suốt đêm mới lần lượt quay từng đoạn nhỏ. Lần quay chung không quan hệ lắm vì đoạn phim ấy để cho đạo-diễn xem lúc dựng phim chứ không phải để chiếu cho khán-giả. Hơn 15 ngọn đèn to rọi sáng cả một góc rừng. Nhưng nhà nhiếp ảnh phải liệu để đèn thế nào để cho khán-giả có cảm giác xem một cảnh ban đêm. Ai nấy đứng chỗ mình theo lời đạo-diễn dặn. Ông David phụ tá đạo-diễn hô to trong loa : « Sẵn sàng để quay — Coi

chừng — Action ! » Tôi từ bên phải máy quay phim bước vào làm y lời đạo-diễn dặn.

Tiếng loa hô to : « Cắt đi ! Được lắm. Tất cả kịch-sĩ trừ ra ông V. K. ông Pete Finch (Pi-tơ Fin-tơ) và hai người lính Nhật, được nghỉ một lúc ». Đợi họ giải tán đám tù binh, dời chỗ đèn rọi, máy quay xong, ông đạo-diễn cho quay lúc đại-úy Sugaya nói chuyện với Joe. Trời mưa lâm râm. Dưới một gốc cây cổ thụ, anh Joe bị trói 2 tay giăng ra như bị đóng vào một cây thập tự áo quần tả tơi, trên mặt đầy mồ hôi và máu.

Ông Peter Finch (Pi-tơ Fin-tơ) và tôi tập sơ một lượt kể đóng thật. Chỉ 2 lần quay là xong nhưng đạo-diễn muốn quay thật gần mặt ông Peter Finch và mặt tôi nên phải mấy lượt dời chỗ máy quay và đèn rọi. Xong cảnh ấy đã gần 12 giờ khuya. Lúc chúng tôi diễn lớp đó thì mấy người đóng vai tù binh đã đi ăn cử tối. Họ trở lại sắp hàng như khi nãy. Lại dời đèn rọi và máy quay. Tôi được nghỉ nửa giờ đi ăn : thịt bò, đậu xanh, khoai tây chiên, bánh mì và bia. Lúc ăn, mấy anh đóng vai lính hầu của tôi xin phép chụp ảnh chung với tôi để làm kỷ-niệm. Tiếng loa gọi kịch-sĩ vang lên. Ông David đích thân đến mời tôi — Mưa bắt đầu hơi nặng hột. Ông đạo-diễn không muốn cho nhung phục của tôi bị ướt nên lúc đứng thử đèn hoặc lúc tập thử, tôi mặc áo mưa. Họ cắt ra một người đứng che dù cho tôi. Đến lúc quay thật, anh ấy lấy áo mưa và đem dù đi để lúc vừa quay xong mang dù đem áo đến mặc cho tôi. Trời đã khuya, mưa luôn không ngớt, những người đóng vai tù binh ăn mặc rách rưới đi chân không, bị lạnh [nhảy mũi (hắt hơi) lu bù. 2 giờ

đêm. Mỗi người kịch-sĩ được 1 ly rượu cò-nhác (cognac) để uống cho ấm người. Tội nghiệp nhất là cô Virginia Mc Kenna (Vược-ji-ni-a. Mắc-Ken-na) phải mặc xà rong và áo vải như người Mã-lai, đi chân không lội bùn và té xiêu nằm dài dưới đất lúc thấy « Joe » bị xử tử hình. Lúc tôi đến trước mặt tù binh Anh để giải thích cho họ biết tại sao anh Joe bị xử tử, họ nhìn tôi mà run lập cập, không phải vì sợ mà vì lạnh. Người nào quay xong được đi nghỉ. Riêng tôi có mặt trong tất cả các cảnh nên phải đứng luôn. Lúc quay cảnh chót, chân trời sáng rực và xong cảnh ấy, ông Lee và tôi đi đến ăn điểm tâm. Hôm đó, tôi mệt quá nhưng để bù vào, họ trả tiền cho tôi bằng 3 ngày làm việc.



Muốn làm việc bên Anh phải có giấy phép của bộ Nội-vụ Anh. Hãng xin cho tôi phép đóng phim đến thượng tuần tháng 10, nhưng vì quay chưa xong họ xin gia hạn đến đầu tháng 11. Mãi đến ngày 30 tháng 10 tôi chẳng thấy họ gọi qua đóng mấy cảnh chót, tôi nghĩ chắc họ đã xin gia hạn giấy phép 1 lần nữa nhưng sáng ngày 31 đang ngủ, chuông điện thoại đánh thức tôi dậy : « Allô. Ông Anh Ca đây phải không ? Suốt ngày hôm qua tôi gọi điện thoại mãi không gặp ông. Xin ông sang gấp bên Anh để quay mấy cảnh chót. Ông có được điện tín của tôi chưa ? »

— Chưa. Hôm qua tôi về khuya nên chẳng có nhìn vào thùng thư.

— Hôm nay, ông đi ngay được không ?

— Tôi không có giữ chỗ máy bay trước.

— Ông cố làm sao đi được buổi sáng này thì tốt. Họ dự định cho ông làm buổi xế này.

— Để tôi giữ chỗ rồi tôi gọi điện thoại cho ông hay.

— Chào ông.

Tôi được lãnh sự Anh phê nhận cho phép tôi sang Anh nhiều lần trong thời hạn 3 tháng nên chuyện giấy tờ không lo chỉ ngại không có chỗ máy bay. Quả thật đúng như sự lo ngại của tôi.

Chỉ còn một chỗ nhằm chuyến 12 giờ trưa là chuyến thượng hạng phải trả tiền mắc hơn ba ngàn quan nhưng ăn uống ngon hơn lúc đi những chuyến thường. Gọi điện thoại sang Luân-đôn cho họ biết giờ tôi đến phi-trường để họ đón, và cho họ hay trước rằng vì gấp rút tôi phải đi chuyến máy bay « Epicurien », chuyến thượng hạng buổi trưa để họ trả tiền lộ phí cho đủ số.

Sáng nay sa mù bay phủ phi-trường. Hành khách mấy chuyến buổi sáng phải trở về phi-trường Orly bên Pháp không sang Anh được. Cũng may cho tôi, nếu được một chỗ trong chuyến sáng thì giờ này phải ở lại Balé đến chiều. 12 giờ trưa. Sa mù vẫn dày đặc, chưa chắc máy bay sẽ rời Orly.

— Allo xin mời hành khách chuyến Epicurien sang Luân-đôn, lên máy bay.

Chuyến Epicurien cũng như mấy chuyến thường. Cũng phi-cơ 4 máy, cũng bay trong 1 giờ là tới Luân-đôn. Ghế ngồi cũng không rộng hơn. Nhưng ăn uống ngon hơn những chuyến thường. Bận đi ăn trứng cá caviar đen, gà rô-ti, đậu dừa, phó mäch roquefort, bánh ngọt và trái cây. 3 tuần rượu khai vị rượu Martini, trong lúc ăn uống champagne. Mỗi người nửa chai to và ai muốn uống thêm bao nhiêu cũng được, sau bữa ăn có 3 thứ cognac,

máy bay vừa cất cánh, họ bắt đầu dọn ăn. Lúc dọn cà-phê thì sắp đến Luân-đôn. Hôm nay máy bay không đáp xuống phi-trường Luân-đôn vì sa mù chưa tan, phải đi ra một vùng cách Luân-đôn 30 cây số mới có thể đáp xuống được.

Chắc là hãng A. Rank cho ô-tô đón tôi tại phi-trường Luân-đôn. Tôi xin gọi điện thoại lại phi-trường Luân-đôn hỏi thăm có xe của hãng A. Rank cho một kịch-sĩ từ Ba-lê sang chăng. Sau khi máy phóng-thanh hỏi mấy lượt, không thấy ai trả lời cả, họ cho tôi biết rằng chẳng có ai đợi tôi. Họ khuyên tôi theo xe « ca » mà về Luân-đôn, ga Victoria.

Một giờ sau đến ga Victoria tôi gọi điện thoại cho hãng A. Rank thì mới hay rằng họ có cho xe ra đón tại phi-trường Luân-đôn. Đến đây thấy bảng thông-cáo cho hay rằng vì sa mù, tất cả phi-cơ các nơi đều đi đến phi-trường quân-sự cách Luân-đôn 30 cây-số, người tài-xế vội vàng đến đây đón tôi. Nhưng anh quên cho sở Thông-tin phi-trường Luân-đôn hay. Lúc tôi gọi điện-thoại là anh ta đang đi đón tôi. Đến nơi họ cho hay rằng tôi đã về ga Victoria. Trong lúc đó, sợ trễ công việc hãng A. Rank cho một ô-tô khác đến đón tôi. Báo hại anh tài-xế chiếc xe đầu lúc đến ga Victoria phải đi về xe không. Tôi vừa đi chuyển xe thứ nhì về phim trường.

Đến nơi, ông đạo-diễn dẫn tôi vào một phòng thu-thanh để thâu lại đoạn tôi nói chuyện với tù binh, vì hôm đó quay giữa rừng » phần thâu-thanh không được tốt. Người Pháp gọi là post-syn-chroniser (thâu tiếng sau khi quay xong). Người Anh gọi là « theatre » Lúc ông đạo-diễn nói rằng hôm nay ông và tôi

đi đến « theatre » (rap hát) tôi tưởng đi xem I vở tuồng hay xem mấy đoạn phim vừa mới quay mà họ gọi là « rushes » (rơ-sơ-zơ). Đến nơi, họ chiếu cho tôi xem lại đoạn phim quay trong rừng và tôi phải nói lại tất cả những câu đối-thoại. Người Pháp chép các câu nói trên một cuộn phim trắng và người đóng phim đọc như lúc thay tiếng phim. (1) Người Anh không dùng cách ấy. Trên phim họ có gạch một lần sáng chạy xéo từ trái sang mặt, lần xéo ấy đến tận phía bên mặt thì người đóng phim bắt đầu nói. Đến 8 giờ tối, mọi việc đều xong và hôm sau tôi đến quay một đoạn ngắn, lúc đại-úy Sugaya đi dạo và đến đứng trước chuồng gà. Đến 2 giờ rưỡi chiều mới bắt đầu quay. Trưa hôm đó tôi đang ngồi bàn trong hiệu ăn của kịch-sĩ thì có tiếng chào : « Hello ! Đại-úy Sugaya ! ». Trước mặt tôi một Trung-tá mặc nhung phục quân-đội Đức. Thì ra tài-tử Peter Finch đang đóng một phim khác trong đó anh đóng vai trung-tá người Đức Peter Finch tươi cười : « Hôm nay, ông và tôi là đồng-minh. Tôi không phải là tù binh của ông nữa đâu — Nhưng chiều nay, còi lốt này tôi sẽ mang lốt tù binh Joe lẫn chót ». Peter Finch dẫn tôi đến xem chỗ anh đang quay và lúc chia tay, chúng tôi hẹn sẽ gặp lại trước chuồng gà.

Quay đoạn chót xong, tôi về Ba-lê, chuyển đi, tôi chẳng dám uống champagne nhiều vì nghĩ rằng đến nơi phải đi vào phim trường ngay. Chuyển về thì sợ gì ! Người dọn ăn mở chai champagne hỏi thăm : « Quý ngài có ai muốn uống thêm

(1) Sau này có dịp, chúng tôi sẽ nói rõ về cách thay tiếng phim.

ruợu ». Tôi đưa tay lên gọi mấy lần. Uống cho đáng tiền. Cũng may là tôi không say nhưng khi xuống xe tắc-xi tôi vào nhà ngủ một giấc đến hôm sau. Lúc tỉnh dậy, tôi sống lại đời sống sinh-viên và từ giả đời kịch-sĩ. Từ đây, hết « lên xe xuống ngựa », đi

ô-tô có anh tài xế người Anh, hết ở khách sạn sang và từ giả ánh đèn sáng choang của phim trường, tôi cặm cùi trong ánh sáng lờ mờ của các thư-viện.

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA



PHẦN PHỤ

Đi xem chiếu phim lần đầu tại Luân-đôn

Một bức thư từ Anh-quốc làm tôi sống lại trong một hôm đời kịch-sĩ màn bạc.

« Ngày mồng một tháng ba năm 1956 hồi 8 giờ mười tối tại rạp Odeon Theatre, ở Leicester Square có buổi chiếu lần đầu tiên phim « A town like Alice » (1). Hôm đó có phát giải thưởng điện ảnh năm 1955. Xin mời ngài đến dự v.v... »

Lần này sang Anh không được trả tiền, vì đi dự mấy buổi chiếu phim lần đầu như thế là thuộc về phần quảng cáo riêng. Kịch-sĩ phải chịu lấy tiền phí. Trong đời mình, biết có mấy dịp như thế. Nếu đi luôn vào kịch trường, thì còn dịp khác. Tôi thì đóng kịch lấy tiền để học thì chuyện đóng kịch chẳng phải là một cứu cánh mà là một phương-tiện. Ấu là bỏ ra một số tiền để đi dự một lần cho biết.

(1) Một tỉnh thành như tỉnh Alice. Alice là tỉnh Alice Springs bên Úc-châu.

Rạp Odeon Theatre hôm nay rộn rịp khác thường. Lính cảnh sát giữ trật tự rất đông. Người kiêu kỳ tấp nập phía trước rạp chờ xin chữ ký. Nhưng cảnh-sát không cho họ vào phía cửa rạp. Anh Vũ với tôi đến nơi lúc các tài tử màn bạc đang vào : Sir Laurence Olivier, cô đào Vivien Leigh được đề ý nhất. Đưa thiệp mời cho người cảnh sát gác cửa xem, chúng tôi được vào phía trong. Đến cửa rạp, báo chí và các nhà điện ảnh đến chụp hình chúng tôi và hỏi thăm chúng tôi đóng vai gì trong phim. Gặp các ông Nhật Takigi, Ikada, nhưng không thấy Peter Finch và Virginia McKenna. Ông đạo diễn và nhà sản-xuất đến bắt tay anh Vũ và tôi và cùng chung một tấm ảnh kỷ-niệm. Trước lúc chiếu phim, trong ban-trị-sự của Anh-quốc điện ảnh Hàn-lâm-viện có quý ông John Bryan Chủ-tịch Hàn-lâm-viện và Roger Manvell,

Giám-đốc Hàn-lâm-viện ngồi trên sân khấu. Người xướng danh là Vivien Leigh. Năm ấy ông Laurence Olivier 3 lần được gọi lên lãnh thưởng lần đầu lãnh giải cuốn phim hay nhất thế-giới (phim Richard III), lần thứ nhì cuốn phim hay nhất của Anh-quốc (cũng phim Richard III) và lần thứ ba giải thưởng kịch-sĩ trội nhất trong năm (vai Richard III). Ngoài đời Vivien Leigh là vợ của Laurence Olivier. Hôm nay, vợ xướng danh gọi chồng lãnh thưởng, bắt tay và trao giải, nhưng trong cái nhìn thấy đầy sự yêu thương. Năm 1955 có 1 phim Nhật những trẻ con của Hiroshima được giải như loại phim đề cao nguyên tắc của Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc. Chiều phim xong, ra về, anh Vũ và tôi mời người trung-gian giữa hãng phim và chúng tôi đi ăn ở một hiệu cơm Trung-Hoa. Trong rạp hát hôm đó, hầu hết là tài tử báo chí và nhân-vật trong các giới. Từ hôm sau, phim đó mới được công-

chúng xem. Sau phim ấy sang Pháp, người thay tiếng không biết là tôi đang ở Pháp nên nhờ Kỳ-Duyên nói vào vai của tôi. Giọng ông Kỳ-Duyên không trầm như giọng nói của tôi, nên mấy lúc vai đại-úy Sugaya nói tiếng Nhật là tôi nói còn lúc thay tiếng Anh ra tiếng Pháp thì Kỳ-Duyên nói. Về sau, tại anh trung-gian không khéo một phần, tại tôi thiếu may mắn một phần, tôi xuýt mà không được đóng trong mấy phim Anh khác. Cũng có một lẽ tại tôi là người ngoại-quốc muốn được đóng phim bên Anh phải xin phép bộ Nội-vụ Anh-quốc nên nếu không thật cần thiết nhà sản-xuất không tội gì vượt biển qua sông tìm tôi mà phải phiền phức vì giấy tờ. Dù sao, tôi cũng được một lần sống đầy đủ đời một kịch-sĩ. Nếu còn duyên với kịch-trường hay màn bạc thì biết đâu chẳng còn một ngày mai.

HẾT

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

Các số tôi : Tôi đóng phim tại Pháp

CÁO LỖI

- Trong « Bách-Khoa số 61 », mục Lá thư hỏi-ngợi của Trần-Văn-Khê đầu bài « Một vài cảm-tưởng khi tham-dự đại-hội khảo-nhạc quốc-lễ tại Ba-lê, xin các bạn đọc là « Một vài cảm-tưởng khi tham-dự đại-hội kịch-trường Á-châu tại Ba-lê ».
- Trong bài « Tôi đóng phim bên Anh » có danh-từ ông Inki Jinoff xin sửa lại là ông Ikeda.

- ★ Việc thiên-hạ nên đem cái tâm của thiên-hạ ra mà khu xử, không nên khu xử bằng cái khôn ngoan vụn vặt, trí tuệ nhỏ nhen (Tả-Tôn-Đường).
- ★ Đối với người có tài đức lớn thì không nên chê bai những nết nhỏ mọn. Đối với người có danh-dự lớn thì đừng nên chỉ-trích những lỗi con con (Hoài-nam-tử).



Gipsy

một loại xe hai dít mới nhất
và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :

— chạy bằng essence, giá phồng định mỗi chiếc : 136.000\$.

— chạy bằng diesel, " " " " : 156.000\$.

Quý ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe này,
xin đi nơi :

SOCIÉTÉ DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlavy Preah Kossamak



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐIỂM SÁCH

★ NGUYỄN-PHÚ

TÔI có người yêu hay khóc nên tôi muốn biết người yêu của Thế-viên khóc lúc thế nào. Tiếng cười dễ nghiêng về tội-lỗi nhưng tiếng khóc, dù rằng bất lực, thường khi vẫn giúp ta hướng về lẽ phải cuộc đời.

Đọc xong, tôi thấy sự-thực thật là bi-đát. Không chỉ người yêu khóc-lóc, Thế-viên cũng khóc rất dào. Ba mươi bài thơ (chứ không phải ba mươi hai như ông Nguyễn-Sa đã đếm nhầm ở trong lời tựa) có thể nói là ba mươi tiếng khóc. Từ buổi ấy Hờ hững cho nên Vô-vàng đề Cuối cùng phải chịu Long đong Kề lè Một mình rồi... Đau. Tuy chẳng biết Bao giờ em quên nhưng đành Cứ hẹn Giấc mộng sau xưa và nằm trong Hiu quạnh. Rốt cuộc Em vẫn là em. Và trong Cô đơn chỉ còn những tiếng Nức nở (1). Khóc nhiều đến nỗi đôi lúc không biết là đang khóc ai đây. Trong bài Tôi khóc ai, tác-giả lau xong nước mắt, ngơ-ngàng :

Thuyền đã giăng sào, tôi khóc ai ?
Người đọc cũng đâm ra ngơ ngác. Và

Tên sách : Người yêu tôi khóc (thơ)

Tác giả :

Thế-Viên

bối rối, không biết lựa lời an ủi thế nào. May thay, tác-giả đã hạ giọng, thì thầm nói rõ sự thực :

Nhưng yêu em quá, yêu em quá

Tôi cứ khóc thầm với đất-ân !

Thì ra tình-yêu làm cho người ta bé lại — sinh ra ngây-ngô — hoặc làm cho người ta già đi — sinh ra lăm-cầm.

Nhưng thói thường người ta khoe miệng ra cười nhưng lại hay bùng mặt khóc. Để giấu che yếu đuối của lòng mình. Không phải như vậy là con người giả-dối, nhưng con người tự-trọng luôn luôn nhớ đến ngôi-vị của mình đối với vạn-vật và liên-hệ của mình đối với chung quanh.

Cho nên khi thấy Thế-viên dậm chân gào lên :

Vò nát tâm-linh tôi khóc đây
(nức nở)

hoặc đuối sức, lờ đờ :

Giấc mộng tôi về khóc ngàn ngơ
(Bao giờ)

(1) Đầu đề các bài thơ trong tác-phẩm.

Hay kiêu cách bắt chước người xưa :

Nghẹn - ngào ta để lệ đầm áo xanh
(Em là cố-nhân)

Thì ta ngại rằng tác-giả khó bề sống nổi trên đời. Nhưng chính Thế-Viên cũng đã biết rõ như thế. Thịnh-thoảng Thế-Viên vẫn nói đến cái chết, bởi vì :

Đứng giữa cuộc đời quên lối đi
cho nên :

Hồn tôi tìm nẻo chết quay về
(Một mình)

Và con người có vẻ đau-khổ lâm-lý kia phải tìm một khung - cảnh thích-hợp với tâm-hồn để chết :

Chết giữa hoàng-hôn giăng nước mắt
(Nức nở)

Trong khi bên giường thần chết rất thêm-thường những sinh-mạng như thế :

Thần chết bên giường cười ngất-ngây
(Nức nở)

Nhưng chính câu thơ sau này lại cho chúng ta biết rằng sự-thực Thế-Viên vẫn không muốn chết. Thần chết mà cười ngất-ngây không phải là thần-chết chính hiệu. Thói thường những người hay kêu gào sự chết đều là bà con thân-thuộc với lão tiều-phu của Lã - Phong - Tên. Chết đối với Thế-Viên, chỉ là câu nói hờn dỗi. Những kẻ bực dọc vì sự kêu đòi của xác-thịt :

Tôi muốn đập tan xác thịt này!
(Nức nở)

và không hiểu cái giá-trị cao quý của nó khi Thượng-đế đã tác-thành :

Thượng-đế sinh chi xác thịt này!
(Một mình)

Rồi hỏi lần thần :

Xác thịt bao giờ mới nở hoa?
(Một mình)

thì trong thâm-tâm không phải là con người thích chết. Nhưng lúc đau khổ — hay tưởng rằng đau khổ — lại ưa nói thể cho vui cuộc sống, cho lạ sự đời hoặc cho bỏ ghét thân mình. Và những dòng đau thương ấy, còn xa lắm lắm mới trở thành

Những dòng thơ đau thế kỷ

(Bao giờ em quên)

Nhà thơ có thể khám phá nhân-loại ở nơi hồn mình nhưng không phải chỉ đi vào mình là gặp được nhân-loại. Và lại, đi như thế nào? Nếu chỉ quanh quẩn với những khía cạnh u-tối của tâm-hồn và bằng lòng với những sắc thái bên ngoài cạn cợt, thất-thường và thông-thường, nếu không thể đi xa hơn người yêu của mình — cũng lại là mình — thì làm sao mà truyền lan mãnh-liệt, sâu xa, thành *những dòng thơ thế kỷ*? Thời kỳ rên - rĩ đã qua lâu rồi. Và đời sống ích-kỷ của những con người chỉ biết có mình đã bị xem như là một sự phản bội nhân-loại. Nhà thơ có quyền ca ngợi tình yêu, có quyền phân-tích tiếng khóc. Chúng ta đâu có nghĩ rằng nhà thơ phải là một con chó sói của Vi-Nhi! Chính con chó này mặc dù cho rằng « đau khổ và chết không nói một lời » vẫn nói khá dài trước khi nhắm mắt để cho thiên hạ biết cái cao-thượng của mình!

Từ thuở Đường-thì, những tiếng lâm-lý nức nở còn vọng đến bây giờ. Trước đây hàng bao thế-kỷ, những khúc bi-ca trữ-tình Ấn-độ làm tuôn bao nhiêu suối lệ và tiếng thở dài còn văng lại ngày nay. Nhưng Bạch-Cư-Dị tuy lệ đầm áo xanh mà nói lên bao nỗi cảm thông của kiếp người lận-đận. Do đó mà nghe được tiếng khóc của kẻ láng diềng :

Mới hôm nọ xóm Nam người khóc
 Tiếng khóc sao đau-độc nổi lòng
 Rằng đâu là vợ khóc chồng
 Chồng hai lăm tuổi khuất vòng nhân gian
 Sớm nay lại khóc than xóm Bắc
 Tiếng khóc sao ruột thắt từng cơn
 Rằng đâu là mẹ khóc con
 Con mười bảy, tám chết còn tuổi xanh..
 (Văn khóc già
 Tân-Đà dịch)

Ngày nay sáng sửa hơn xưa nhưng bao
 nỗi đoạn trường vẫn còn có thể là những
 tân-thanh. Nhưng dù tiếng khóc bây giờ
 có kiểu-cách hơn trước, nó vẫn không thể
 ồn ào và không đủ lắng-lai để đóng thành
 thi-tập. Huống hồ chỉ là những tiếng rên
 la của những tâm hồn bạc nhược !

Thực ra, Thế-viên có đọc « những dòng
 thư xuân em viết » nhưng với bao nhiêu
 cách biệt, thương đau, duyên nợ lỡ làng.
 Chỉ có mỗi một Cánh hoa đầu súng lên
 hương, khoe sắc nhưng hương sắc hoa kia
 vẫn thấy ngổ ngàng ở giữa một vùng u-ám.



Tuy vậy, Thế-Viên có thể là một thi-sĩ
 có tài. Khi mùa hạ về, con người trẻ-nãi
 lại sục-sạo tình yêu giữa ngày trái chín,
 nói lên được những dào-dạt lòng mình qua
 mấy nét lững lơ đậm đà sự sống :

Hoa điệp đỏ chìm mất ai bờ ngõ
 Tôi bước đi tóc nắng phất phơ bay.
 Thời gian im trong một chiếc hôn đầy.
 Tay em nồn như cặp môi em mộng
 Ghế thư-viện bao chỗ ngồi còn trống
 (Từ buổi ấy)

Hay bằng một giọng điệu thuần-thực
 nói lên cái chán nản, nghẹn-ngào ở trong
 tâm-tư của một số người không gượng dậy
 nổi sau những tàn phá của bao ngày khói
 lửa :

Tay trắng đã không thành sự nghiệp
 Núi nào xây giấc mộng sau xưa
 Em tôi ! tao-loạn nhầu vai ao
 Gió bụi đêm nao nước mắt mờ.
 (Mộng sau xưa)

Đi vào những tình cảm cụ thể, Thế-
 Viên nói được những lời nhẹ-nhàng tha
 thiết tuy cái vẻ trân trọng với nhiều kiểu
 cách xa xưa có giảm đi xúc động ít nhiều :

Đau đã bao lâu rồi đấy em
 Mà sao mắt biếc chiếu hoa đèn
 Mà sao vóc liễu gãy xiêm áo
 Và lạnh môi hồng, em hơi em !
 (Đau)

Nhưng trở về mảnh vườn lục-bát quen
 thuộc, Thế-Viên mới thực phóng khoáng,
 tự-do. Văn điệu thanh thoát, qui về được
 những nét hào-hoa tản-mác, tưởng như
 hòa hợp được cái trong-sáng của cá-dao
 với cái sâu tư cao-diệu của cò-văn trong cái
 dáng dấp linh hoạt của con người thời-đại.
 Bài Người yêu tôi khóc, ngoài những nét
 bút sởi trường, tâm tình cũng rộng mở theo
 một chiều hướng mới mẻ :

... Bao giờ cây bưởi ra hoa
 Tôi xin thưa với mẹ già tôi sang
 Xin em kết nghĩa đá vàng
 Bởi chưng em bị phụ-phàng từ lâu
 Xưa em thích chuyện sang giàu
 Giờ em thích nói những câu chung tình..



Khi nghĩ rằng Thế-Viên có thể là một
 thi-sĩ có tài chúng ta thấy rằng phải nhiều
 cố gắng công phu mới đạt đến thành-công.
 Nói nhiều mà xoay quanh những ý đã loáng
 chỉ là đi tìm một sự phong phú nghèo-nản.
 Chính cái trong-trẻo nhịp-nhàng của Thế-
 Viên là sự cản trở rất lớn cho bước đi lên.

Không tìm được lối thoát trong nội-dung, hình-thức phải xoay vần trong những kỹ-thuật quen thuộc, bào nhần, mài trợn một miếng gỗ cũ đến lúc tưởng là bảo-vật. Dần dà tâm-hồn lãng mạn của Thế-Viên không còn nhận thức rõ rệt sự vật. Nhan-nhân những câu thơ mà tác-giả viết ra không hiểu mình muốn nói gì. Những hình ảnh :

Tôi ném không-gian qua cửa sổ thên đường

Cho gần gũi với linh hồn Thượng-Đế.
(Của tuổi trẻ)

những sắc màu :

Em cười tiếng cười man rợ

Tìm chiều thế kỷ hai mươi

(Em vẫn là em)

Những chữ dùng :

Khấp khềnh bánh xe về hồng thủy

(Khúc ca năng Kiêu)

sau khi đã chết, thân xác gục rồi :

Lời kinh-cầu rung rung trên bờ môi

(Hở hững)

Và còn rất nhiều. Thế-kỷ chúng ta đã từng cho phép nhà thơ nói lên những câu vô nghĩa, nhưng đúng hơn phải là những câu vô nghĩa có nghĩa, những câu mà phần lý-trí chịu thua nhưng âm-thanh gọi cảm chừng nào.

Chính cái bệnh-trạng ấy làm cho Thế-Viên mô-phỏng câu thơ người khác một cách tự-nhiên. Đọc câu *Hoa đào bay suốt ngọt hoa đào bay* (17) người ta phải nghĩ tới « *Hoa đào bay trước cửa hoa đào bay* » trong bài *Ly rợa thọ* của Tố-Hữu và những câu :

Trời hỡi làm sao tôi cứ buồn

Làm sao tôi cứ nhớ thương luôn...

Làm sao chấp nổi...

Người ta lại bắt buộc phải nhớ thơ của Xuân-Diệu :

Trời hỡi làm sao tôi cứ buồn

Làm sao tôi cứ khổ luôn luôn

Làm sao tôi cứ...

và rất tiếc những câu của hai nhà thơ này lại chẳng hay gì. Do đó nhiều khi muốn bước ra lối cũ đường mòn, Thế-Viên không giấu được những vấp-vấp quá rõ. Về âm-diệu, ngoài *ba tiếng* trắc đi liền gây sự khô-độc rải-rác khắp các bài thơ, ta lại gặp những tiếng bình liền dầy (không phải là giọng bình dụng ý như của nhà thơ Tản-Đà cốt gây một cảm-giác đặc biệt, trong bài *Mã cũ bên đường*, chẳng hạn) khiến lời thơ đang xuôi chiều bỗng đổi sang giọng vắn xuôi, trở nên lạc-lỗ, bất ngờ, tiêu tan hết mọi cảm-xúc.

★

Chỉ có từ chối lối cũ đường mòn Thế-Viên mới có thể trở thành thi-sĩ có tài. Và sự thay đổi hình-thức chỉ thực-hiện bằng sự thay đổi nội-dung. Một khi trong lòng chúng ta giầy vò băn-khoăn về những cảnh sống, dạt dào cảm xúc về những tình đời, thâm nhập được vào chiều sâu thì tự nhiên ngòi bút phải tìm ra điệu nói phù hợp. Đầu mối của kỹ-thuật muôn thuở vẫn là rung-động.

Trong nền văn-ngệ mới của chúng ta, ai cũng thành tâm chờ đợi những thi-sĩ chân tài. Nếu cứ lối mòn bước mãi, Thế-Viên dù có cố-gắng bao nhiêu cũng chỉ đạt đến cao-diềm là hạng thi-sĩ trung bình, thi-sĩ của những con người thất vọng vì tình hoặc của một số độc-giả cần đến ít câu dễ-chịu gởi tặng người thương. Nhưng chính trong bài « *Bao giờ em quên* », Thế-Viên đã viết :

Mười năm mưa nắng đã nhiều

Lòng em sao còn ủy mị ?

Thế thì em nào mà tác-giả nói đây ?

NGUYỄN-PHÚ

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS

PRODUITS CHIMIQUES

FILMS AMATEURS

FILMS AVIATION

FILMS ARTS GRAPHIQUES

FILMS RADIOGRAPHIQUES

FILMS CINEMA PROFESSIONNELS

FILMS POUR DOCUMENTS

PAPIERS POUR DOCUMENTS

BANDES MAGNETIQUES



INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87. Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158. Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

TRẢ LỜI CUỘC

PHÒNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ VIII.— THANH-LĂNG

Tên thật: Đinh-Xuân-Nguyên. Sinh ngày 23-12-1924 ở Thanh-hóa.

Tác-giả « Văn-chương bình-dân » (1953), « Văn-chương chữ Nôm » (1954), « Biểu-nhất-lâm văn-học, I » (1958). Được giải thưởng văn-chương toàn quốc 1957, về môn khảo luận (với quyển Văn-chương bình-dân).

Hiện làm giáo-sư trường Đại-học Văn-khoa, giám-đốc toàn quốc thông tin báo chí Công-giáo Việt-Nam và chủ-nhiệm kiêm chủ bút báo « Việt-tiến », tổng nói của người Công-giáo nước Việt.

Thưa ông,

Đi dạy học ở Huế về, tôi có nhận được thư ông hỏi về hai điểm. Tôi xin tỏ một vài cảm-tưởng riêng thôi.

I.— Tôi thích truyện ngắn Việt nào nhất ?

— Tôi thích tập « Vang bóng một thời » (1) của Nguyễn-Tuân nhất.

— vì tất cả các truyện ngắn khác,

(1) Tập truyện ngắn này, lần đầu do nhà « Tân-dân » xuất-bản, trong loại « Những tác phẩm hay » (Hà-nội, 1940), sau do nhà « Thời-dại » tái bản (Hà-nội, 1943). Sau cũng, do « Trúc-Khê thư xá và Chính-ký » in lại lần ba (Hà-nội, 1953).

Theo bản in lần đầu, có 11 truyện: Bữa rượu đầu lâu, Những chiếc âm đất, Trên đỉnh non Tân, Thả thơ, Đánh thơ, Ngồi mã cù, Hương cuối, Chữ người tử tù, Ném bút chì, Chén trà trong sương sớm, Một cảnh thu muộn.

Bản in thứ nhì, truyện đầu đổi tên lại là: Chém treo ngành; truyện Trên đỉnh non Tân không có, nhưng lại thêm truyện Báo oán ở sau chót.

Bản in lần ba theo bản in lần nhì.

Từ lâu, chúng tôi đã có thư kính hỏi ông Thanh-Lăng cho biết tên truyện hay những truyện ông thích nhất trong tập « Vang bóng một thời », nhưng đến nay — có 4 tháng qua — vẫn chưa được ông trả lời. Vì phòng câu « bắt-hủ » của Tam-lịch: « Hỏi, tức là trả lời » may mà đứng trong trường-hợp này, thì chúng ta có thể nói ông Thanh-Lăng thích hết 11 truyện « vang bóng » của Nguyễn-Tuân vậy.

nhiều ít mô phỏng của Tây, ít phác họa được cá tính Việt-Nam,

— đang khi một mình « Vang bóng một thời » cho ta cảm một cách say sưa cái nếp sống của cả một dân-tộc :

Ta càng tiến, « Vang bóng một thời » càng là cái vang bóng một thời hơn nữa, nên càng cảm ta hơn.

II.— Tôi thích truyện ngắn ngoại quốc nào nhất ?

— Tôi thích truyện « Le Petit Prince » (2) của Saint-Exupéry nhất :

— vì nó đặc biệt mới mẻ trong nghệ-thuật viết truyện của Tây-phương.

— mà đặc biệt là nó trình bày một cách hồn nhiên bộ mặt phi-lý, kỳ cục của loài người thế-kỷ XX.

Đó là một hai ý kiến cũng kỳ cục của tôi, tôi gởi nó nguyên vẹn cả cái kỳ cục ấy cho ông và xin kính chào ông.

THANH-LĂNG

(2) Truyện này đã được ông Bạch-Công phiên dịch, nhan: « Ông Hoàng nhỏ », khởi đăng trên bản nguyệt san « Gió mới », số 25 ngày 5-9-1958 và đến số 39, ngày 5-4-1959 thì hết. Nhưng, trải với ông Thanh-Lăng, ông Bạch-Công lại cho là « truyện dài ». Và chúng tôi có tra lại nguyên-văn thì thấy dưới nhan « Le Petit Prince », chữ: roman (tiểu thuyết, truyện dài), trong bản do nhà Gallimard in, Paris, 1945 (93 trang, khổ 230-170).

IX.— CÔ LINH-BẢO

Tên thật : Vô-Thị-Diệu-Viên, sanh ngày 14-4-1926 tại Huế. Có theo học Đại-học-đường Tôn-Trung-Sơn (Quảng-châu, Trung-hoa).

Tác-phẩm đầu tay là tập phóng sự « Chồng chung » (viết với em gái : Hương-Dương, và ký-chung : Hương-Thơ), nhưng bản thảo thất lạc trong cuộc Cách-mạng 1945.

Từng cộng-tác với tuần báo « Mới » (1953-1954).

Đã xuất-bản « Gió Bắc » (1952).

Sẽ xuất-bản : « Những đêm mưa », hiện đang đăng ở « Văn-hóa ngày-nay ».

Hongkong ngày 5 tháng 4 năm 1959



Anh Ngu-Í,

Thư anh đến từ nửa tháng nay, nhưng tôi ngại trả lời quá. Nếu chỉ là một bức thư thường thôi, chắc không đến nỗi đề lâu thế này

Bài phỏng vấn của anh khó trả lời vì anh biết đấy, tôi ở Việt-Nam ít và không được đọc hết tất cả các truyện ngắn từ xưa đến nay của Việt-Nam. Còn những truyện đã đọc rồi thì tôi thích tất cả. Hay nhất, tôi không thể nói được vì mỗi nhà văn có một lối viết khác nhau, tả một đề tài khác nhau. Chỉ có thể hay, hay không hay chứ hay nhất nhì chắc khó thấy hơn kém.

Về truyện ngoại quốc cũng thế. Tôi không trả lời vừa ý anh được. Nếu cần phải giận xin cứ việc giận nhiều vào, khỏi khách khí gì cả [...] (1)

LINH-BẢO

(1) Tuy được biết tác-giả « Gió Bắc » bận làm việc ở quê người (việc học và việc hành), nhưng chàng lẽ là phóng văn viên của báo... Bách-Khoa lại chỉ có một lần đi, nên chúng tôi đều có giận đi nữa, cũng vui vẻ có thư đi, đi thêm ba lần nữa, và được một, hai, ba, bốn « chút của tin này ».

(Nguyễn-Ngu-Í)

Hương-cảng 13-4-59

« »

« Vụ « chuyện nào cũng thích » là một cách nói mà thôi. Tôi cho là không thể chăm hay nhất, nhì được, vì : cũng như muôn hoa, muôn mùi hương, muôn vẻ đẹp, ai thích gì thì thích. Có thể nói hay hay không hay, chứ không thể chăm nhất, nhì như bài luận học-sinh tả chung một đầu đề được.

« Tôi thích « Ba con cáo » của Bình-Nguyên-Lộc (1). Đọc truyện ấy, tôi thấy thú vị. Tại sao ? Vì tôi thấy nó chua chát, xót xa như mắt tôi nhìn đời.

« Người khác họ thích bài khác vì một lý do khác. Làm sao định được hơn kém ?
Hong-kong 24-4-59

« »

« Truyện ngắn tôi thích nhất của ngoại - quốc (không phải hay nhất) là truyện « The door in the wall » (Cái cửa ở trong tường) của Herbert Georges Wells ».

(1) Đã đăng ở « Bách-Khoa » số kỷ-niệm đệ nhất chu-niên, ngày 15-1-1958.

Truyện anh hỏi, tôi không nhớ đã xem trong tập truyện ngắn nào vì lâu rồi. Tôi còn nhớ sơ sơ câu chuyện tả một người kể chuyện mình với bạn. Lúc còn bé độ 4, 5 tuổi, anh ta mồ côi mẹ. Một hôm, trông thấy một bức tường trắng có cái cửa. Anh ta vào trong chơi. Bên trong là một cái vườn hoa « Thiên-đường », ai cũng có vẻ sung sướng vô tư lự. Rất nhiều trẻ con cùng tuổi đến chơi với anh ta. Anh ta về nhà kể lại, không ai tin cả. Riêng anh ta nhớ tiếc vô cùng. Về sau cứ vài năm anh ta lại có dịp tình cờ gặp lại cái cửa quen thuộc ấy, ở một nơi không nhất định. Lúc gặp, anh ta không vào, rồi sau đấy tìm lại thì không thấy nữa, anh ta thì dậu và đi làm, thành một nhân - vật của xã - hội thượng - lưu, nhưng không lúc nào không

nhớ cái vườn ấy. Thỉnh thoảng anh lại có dịp thấy lại, nhưng anh đi qua và để rồi băng khuâng tiếc nhớ. Cho đến một hôm, người ta tìm thấy xác anh trên một con đường sắt băng qua đường lộ có một cái cửa chắn ngang...

Tôi không hiểu tại sao tôi lại thích truyện này, chỉ biết xem xong, hơi băng khuâng, có cảm-giác như mình cũng đã từng trông thấy một cái vườn như thế, nhưng mà ở trong giấc mơ, chứ không phải thật, và tôi có ý tưởng nếu tôi gặp được thì bất cứ là mơ hay thật, và bên kia cánh cửa là cái gì đi nữa, tôi cũng sẵn sàng bước vào l...

Cảng Thơm, ngày 15-5-59

LINH-BẢO



X. — THẾ-PHONG

Tên thật Đỗ-Mạnh-Cường. Sinh năm 1930 ở Nghĩa-lộ (Việt-Bắc) :
 1952 : bắt đầu viết báo, giúp « Tia sáng » và « Giang sơn ».
 1953 : cùng Hồ-Nam, Huy-Sơn, Huyền-Giang chủ trương tờ « Quê hương ».
 1954 : phóng viên các báo : « Thân dân », « Dân chủ », cộng tác với các báo : « Đời mới, Nguồn sống mới, Thời đại, Việt chính ». Xuất bản tác phẩm đầu tay : « Tình sơn nữ » (truyện dài) và « Đợi ngày chiến thắng » ; rồi « Gái Nghĩa-lộ » ; viết giúp báo « Quốc-gia » và « Văn nghệ tập san » (của Nguyễn-Đặng-Thục).
 1956 : xuất-bản : Muốn hiểu chính-trị. — Sinh-hoạt, chính-trị ở Nhật-bản. — Làm lại cuộc đời (truyện ngắn). Viết xong bộ « Lịch-sử văn-nghệ Việt-nam », gồm 5 cuốn, nhưng chỉ một xuất bản được quyển thứ IV, tức là quyển « Nhà văn Hậu chiến (1959) ».

Hiện cộng tác với tạp chí « Văn-hóa Á-châu ».

I và II. — Cho đến hôm nay, quan-niệm văn - nghệ của tôi nhận định về một tác phẩm (truyện ngắn, truyện dài...) vẫn nằm trong tiền - đề nguyên - tắc « ghi lại hình tượng thời-đại mà chúng ta đang sống và dựa vào đấy có phần hướng thượng »

(réalisme orienté), Bertrand Russell nói khác đi là hướng dẫn thế-kỷ tiến bộ. Cũng một nghĩa. Tôi thích Khái - Hưng viết truyện ngắn, chẳng hạn như « Đợi chờ », tôi thích Tô-Hoài qua « Xóm Giếng ngày xưa », thích Nguyễn - Hồng « Những

chiều đông xám », Văn - An qua « Bến cũ », Phạm-Thái qua « Truyện 5 người thanh - niên » (truyện dài), Nguyễn-Thị-Vinh qua « Đồng năm xu », Đình-Quang qua « Bàn tay », Nguyễn-Hoài-Văn qua « Chiếc mũ lá »...

Nói như thế, tôi không những chỉ thích một truyện hay của một tác-giả nào, mà tôi còn thích các tác - giả khác diễn tả hình tượng cuộc đời trong một khuynh hướng « *réalisme orienté* » (1). Tôi không cho rằng đọc truyện, ta phải tìm tác-giả đứng trong nhóm nào, giới hạn văn - nghệ (*démarcation littéraire*) nào ? quen hay không quen..., những điều ấy không quan-hệ. Bởi lẽ lịch-sử một quốc-gia cũng như lịch-sử văn-nghệ bao giờ cũng diễn tiến, tiếp nối không ngừng. Không ai có thể cắt xén, đánh giá-trị (cả hai) tốt đẹp khi mà thực-chất giá-trị chưa có thời gian lắng đọng xét lại, hoặc thái-độ của người xét bằng giá-trị có giá-trị không ? Tôi đọc « Đợi chờ » của Khái-Hưng khi cuộc đời thôi ám khối muốn có phút mơ mộng, đọc Tô-Hoài qua « Xóm Giếng ngày xưa » để hiểu rõ người bạn đồng-dân của ta mức sống ra sao ? (tinh-thần, vật-chất), đọc Nguyễn-Hồng qua « Những chiều đông xám » để nhận một giá-trị nhân-bản cao độ và vật nào sinh ra trong trời đất đều có ích lợi, nếu biết sử dụng...

III và IV.— Vì thế, nên tôi không tin

(1) Chúng tôi tạm dịch : tả chân được hướng dẫn (Tất cả lời chú trong bài là của Nguyễn-Ngư-Í).

rằng *Maxime Gorki* là cộng-sản chuyên nghiệp như đa số bạn bè có mặc cảm cho rằng hễ đứng về phe nào (cứ theo chiến-thuật, chiến-lược) vội kết-luận bằng nguyên-tắc. Tôi cho rằng *Maxime Gorki* của thế-kỷ giao thời đầy di tích lẽ sống của thân phận con người bị thống-trị.

Trong « *Truyện một mùa thu* » (*Conte d'un automne*) hoặc « *Grand père Arkhip et Lenka* » (2), « *Dans le steppe* » (3) là những truyện đầy hình tượng căn bản của thân phận con người sống dưới thời phong-kiến Nga-hoàng.

Nói chung, tôi vẫn có thể thích John Steinbeck khi đọc « *Un Américain à Paris et à New-York* » (4) (truyện ngắn) nói nhiều về tự-sự bước đường đầu tiên dẫn vật phải tranh đấu với đời. Albert Camus qua « *l'Hôte* » (*l'exil et le royaume*) (5), nói lên sự đấu tranh của người dân Bắc-Phi chống người da trắng đi thống-trị.

Những truyện ngắn (nói riêng) mang tính chất bị thống-trị, đâu là thứ thống-trị nào ? hòa hợp với sự tranh đấu vong tồn qua một nghệ-thuật viết già dặn, cảm động, tôi tưởng rằng đó là những truyện của muôn đời còn được nhắc đến. Bởi rằng văn - nghệ là một gạch nối (*trait d'union*) cho con đường « *Văn lộ nhân-sinh* » của các thế-kỷ sau và trước...

THẾ - PHONG

Ký tới : *Thăm-Thệ-Hà* và *Pierre-Kèn Dartville*

(2) Ông nội Arkhip và Lenka.

(3) Trong cánh đồng hoang.

(4) Một người Mỹ ở Ba-lê và ở Nữu-uớc.

(5) « Người khách trọ » (sự lưu đày và vương-quốc).

- ★ Người chỉ-huy thực-tế không mất thì giờ than phiền khuyết-diểm của người thuộc hạ, mà dùng họ tùy theo khả-năng của họ.
- ★ Trọng người giỏi mà dung người thường ; khen người hay mà thương người dở. (Luận ngữ)



Mưa qua phòng tuyến cũ

Mưa qua phòng tuyến cũ
Chiều lịm ngủ bờ khuya
Lá rừng trôi loang lổ
Lối mòn lau lách thưa,
Chiến hào đan ngang dọc
Chia cắt bao tình thương
Từng pháo đài lô cốt
Phơi xác nằm ngổn ngang
Nhọt nào đau nhân loại
Cạn sữa gây đau thương.
Mưa qua phòng tuyến cũ
Chiều tìm nét sa trường
Buồn dâng hàng mộ chi
Dằng dặc sầu cô đơn
Người ngủ sáu lòng đất
Chiến hữu hay địch thù
Có buồn sầu cô mộ
Nghe lá rụng mùa đi
Bao lần mơ ước hẹn
Giờ có nhớ mong gì

Từng môi hồng làn úa
Những biên giới hoang vu
Lưỡi lê hoen rỉ máu
Đồi đất đỏ bơ vơ
Bài thơ đau lổ dở
Sim tìm hận mong chờ.

Mưa qua phòng tuyến cũ
Đây chiến trường năm xưa
Nhớ chiều hoang lửa đạn
Hồn trai say bóng cờ
Đêm rừng lan trận địa
Đạn đẹp giáng sao băng
Pháo gầm reo xung kích
Giờ im không tiếng văng.

Mưa qua phòng tuyến cũ
Ta nhìn như giấc mơ
Trên mồ hoang lạnh cỏ
Xuân về trời đáng hoa.

PHAN-LẠC-TUYẾN

CON NGỰA HAI CHÂN

★ PHAN-DU



Phan-Du hay Hữu-Phương là một nhà văn thời tiền-chiến, đặc-biệt với loại truyện Huế đăng trên « Tiểu-thuyết thứ bảy ».

Truyện « Con ngựa hai chân » sau đây của tác-giả, mặc dầu đã từng đăng trong một tuần báo ở miền Trung nhưng với một nội-dung nhân-bản sâu-sắc, một kỹ-thuật đạt đến mức bình-dị khác thường, chúng tôi vẫn thấy đó là món quà có ý nghĩa trong buổi ra mắt đối với bạn đọc Bách-Khoa.

T HẬP-BẢN.

« Thập », cái danh-hiệu này kể cũng đã lỗi thời quá rồi. Nhưng tôi vẫn muốn dùng nó để gọi nhân-vật mà tôi sắp giới-thiệu cùng các bạn độc-giả. Thuở tôi còn nhỏ, những người chung quanh tôi thường gọi thế, tôi cũng hay gọi như thế rồi nó quen mãi cho đến bây giờ.

Tôi được biết Thập-Bản ngay từ cái thời mà đất Đê-dã đang còn chói-lọi, rạng-rỡ màu vàng son. Cái thời mà ngai vàng, bệ ngọc trong chốn thâm-cung, cân đai, áo mào, hia hốt, bài ngà của các vị đại-thần, những vành khăn nhiễu

xanh rộng lớn, cùng các thứ xiêm y thêu thùa sắc-sỡ của các bà mệnh-phụ, còn tạo cho cái kinh-thành này một sắc-thái riêng biệt. Tôi muốn nói là một không-khí cao sang, trầm lặng, mà ở trong đó, người ta có cảm tưởng là thời-gian như ngừng hẳn lại, không đi, và chưa hề trôi chảy bao giờ, trước cái rào-rào của cuộc tiến-hóa chung vĩ-dại... Thuở ấy, tôi mới được mười hai tuổi mà lão thì đã trên bốn-mươi. Tôi cũng không rõ lão đã rời bỏ đồng ruộng, lúy tre đề gia-nhập vào cái hàng ngũ « lính hầu » từ lúc nào. Chỉ biết rằng khi gia-đình cha tôi dọn đến tư-dinh, ở con đường

Bộ Tham, thì tôi đã thấy lão rồi. Người trong nhà đã bắt đầu gọi lão là chú Thập Bản.

«Chú Thập», một danh-từ, hồi đó, tôi vì quen tay, quen miệng mà dùng, nhưng mãi về sau này, tôi mới hiểu nghĩa. Bậc chót trong hệ-thống phẩm-trật của triều-đình thường dừng lại ở con số chín. Nhưng để an-ủi cái thân-phận truy-tùy của những hạng người như lão và làm tôn-trưởng thêm cái thề-giá của chốn quyền-môn, đẳng-cấp thống-trị thời bấy giờ đã khéo chèn thêm, dưới nấc thang thứ chín, một nấc thứ mười. Sự thực thì con số mười, đi kèm theo với cái tên lão, không biểu-thị được một chút giá-trị nào về công-danh. Tuy vậy, nó cũng làm cho lão hãnh-diện chán. Với nó, lão tự thấy mình đã cách biệt với lớp dân đen lúc-nhúc trong bùn lầy, rơm rạ và, ở một mặt khác, được gần lại với chốn cao-môn, tuy chỉ gần để phục-dịch. Lại với nó, lão còn được cái quyền vận vào người một bộ cánh khá đặc-biệt. Nghĩa là một cái khăn niền đen, chữ nhân, bằng vải dù, một cái áo «cờ hò» màu xanh đậm, một cái quần vải trắng. Nhưng với ngần ấy thứ, lão vẫn không biến cải được cái cốt dân quê với tấm thân-thề vạm-vỡ, màu da sần-sùi, đen-đũi, bộ mặt ngó-ngàn và hai bàn chân, hai bàn tay quá thô-kệch. Cả trong những ngày khánh-tiết với cái nón bọc vải xanh và đôi xà-cạp màu xanh, người lão cũng vẫn thế mà thôi.

Thập Bản chực sẵn-sàng ở tư-dinh cha tôi để đảm-nhận, một cách sốt-sắng và hãnh-diện, cái phần-hành mà lão tự-phụ là rất sỡ-trường. Lão giữ nhiệm-vụ hầu xe. Gần-gũi lâu ngày, tôi càng nhận thấy

rằng Thập Bản, với công việc này, đã toại được một phần lớn chí-nguyện bình-sinh của lão. Tuy ngoài việc hầu xe, lão cũng còn nhiều công việc khác. Chả hạn như lão phải trồng-trọt, chăm sóc vườn hoa hoặc giúp đỡ người bếp già trong việc nấu-nướng. Nhưng chính hầu xe mới thật là một cái gì thích-hợp với chí-hướng, khả-năng và cái hứng sống của lão. Thập Bản vừa đắc-ý vừa say sưa, kiêu-hãnh với cái công-tác cần-vụ này. Lão thường khoe với nhiều người:

— Tôi hầu xe thế này là đã được bốn năm với ba đời quan rồi. Cụ Thị Bình này, cụ Tham Hình này, cụ Tham Hộ này. Cụ nào là cũng khen, cũng thích tôi cả. Vì cụ nào cũng vừa lòng cả».

Mà quả thật như thế. Nếu cái việc hầu xe giỏi cũng được coi là một thứ danh thì lão phải thuộc vào cái hạng «danh bất hư truyền». Thập Bản không nói ngoa chút nào. Mấy ông bạn đồng-liều của cha tôi, mỗi lúc đến nhà và trong những câu chuyện phiếm, khi bàn đến chuyện kẻ hầu người hạ là thế nào cũng không quên nhắc đến lão. Tôi thường được nghe những câu «*tuyên - dương công-trạng*» chả hạn như:

— À, cái thằng cha Thập Bản dạo này lại về hầu cụ. Tôi tiếc nó quá. Tìm được một tên kéo xe giỏi như nó thật là khó lắm nhé. Kể về cái tài hầu xe của nó cũng ít đứa bì kịp».

Rồi thì bao nhiêu đức-tính của lão đều được các ngài kể ra. Nào là lão có sức chạy dai. Nào là lão chạy nhanh mà êm-ái, không nhồi, không xóc. Nào là lão giỏi chịu đựng, nhiều hôm phải nhịn đói vì những cuộc yến tiệc kéo dài

quá khuya mà không mệt mỏi. Nào là lão biết trân-trọng gìn giữ xe cộ. Nào là... nào là... đủ thứ. Có ông, vì dào-dạt thiện-cảm đối với lão, còn vỗ đùi mà nói lớn :

— Ai chao ! Thằng cha thế mà có lương-tâm. Lắm lúc nó biết quý xe cộ mình hơn là chính nó. Tội nghiệp, chính vì thế mà tôi thương nó vô cùng ».

Cứ nghe những câu ca-tụng này, tôi có cảm-tưởng là các ông bạn đồng-liêu của cha tôi đang nói về một con ngựa hơn là một con người. Tôi nghĩ mà thương hại cho lão. Nhưng rồi lắm lúc tôi đâm ngờ vực cả óc xét đoán của tôi về việc đời, vì tôi thấy lão không buồn phiền chút nào cả, mà trái lại, lão rất vui thích. Những lúc như thế, lão rình nghe và lấy làm đặc ý lắm. Bộ ria đen của lão rung rung và mũi lão thì cứ phồng cứng mãi lên. Rồi hí-hởn, lão nhón chân chạy xuống khoe với người bếp già :

— Đấy, đấy, các cụ lại khen đấy, Anh có nghe không ? Nói không phải nói phét chứ những bọn lính hầu ở khắp lục-bộ này chả thằng nào ăn đứt được tôi. Hì... hì... ».

Và không đề ý đến cái lườm tức-tối, ganh tị của người bếp già, Thập Bản ngồi xuống giường, tựa lưng vào cột, hai tay ôm lấy gối, ngửa mặt lên, nhoẻn miệng cười. Chưa bao giờ tôi được thấy một bộ mặt hí-hởn một cách ngu-xuẩn và một cái cười khả-ố như bộ mặt và cái cười của lão, vào những lúc này. Tuy vậy, tôi— cũng như anh chị tôi— rất có cảm-tình với lão. Là vì Thập-Bản rất vui tính lại dễ sai bảo. Lão còn hay chịu khó đề chiều theo sở-thích của chúng tôi. Lấy tờ chim này,

hái khế, hái nhãn này, đan lồng chim, làm đồ chơi, kể chuyện cổ-tích nói tuồng v. v... Cái gì hình như lão cũng làm được cả. Nhưng cái thú mà chúng tôi ham thích nhất là cái thú được điều-khiển lão làm ngựa. Theo anh tôi nói thì chính anh tôi bày ra cái thú này, sau mấy bận huấn-luyện Thập-Bản về cái cung-cách làm ngựa. Thực ra thì chính lão đã hiến cái trò chơi này để tỏ lòng tri-ân anh tôi vì năm xu rượu với một lý-do khác nữa mà về sau này tôi mới biết. Cũng chả hiểu những ước-lệ giữa hai bên đã ký kết tự bao giờ, mà có một buổi chiều kia, sau khi đã hỏi tôi có thích cưỡi ngựa không, anh tôi liền bóc hai ngón tay cho kêu « tróc » lên một tiếng, rồi gọi :

— Ê, Thập-Bản.

Vừa hầu xe cha tôi mới về, Thập-Bản đang còn ngồi lấy nón quạt vào người và thở hồng-hộc, trên một bậc cấp trước hiên. Mặt lão đỏ gay lên vì nắng, áo quần mình-mẩy ướt đầm cả mồ-hôi. Nhưng vừa nghe anh tôi gọi, lão đã quay lại nhăn-nhở cười:

— Dạ, cậu gọi gì ?

— Đem xe ra ngó, mau lên.

Tuy chỉ lớn hơn tôi có mấy tuổi, anh tôi đã học được, chẳng biết ở đâu, cái oai-vệ và hống-hách của một ông thượng-thor đầu triều. Thập Bản dạ một tiếng rồi đem xe ra. Anh tôi và tôi cùng trèo lên :

— Chạy về ngã Hộ-thành ấy, nghe chưa ?

Thập Bản liền cầm đầu chạy. Được một lúc, anh tôi bỗng ngồi thẳng người, cất giọng điều-khiển :

— Phi nước đại !

Thập Bản không ngó lui, chỉ cười rồi nói :

— Hì... hì... Dạ, phi nước đại hả. Được rồi, hai cậu liệu ngồi cho vững. Tôi phi đây. Hì... hì...

Tức thì lão phi như một con ngựa. Lão phi nước đại. Lão chạy cà-xơn, cà-xơn, hai tay nắm chặt càng xe. Vừa chạy, lão vừa vận-chuyển cho thùng xe chổng lên, hạ xuống. Anh tôi thích trí, cười sằng-sặc. Tôi thì nghe ngộp quá và đến một lúc tôi phải kêu lên :

— Thôi, thôi. Đừng phi nữa. Đừng phi...

Thấy tôi sợ, anh tôi dẫm chân xuống sàn xe, hét lên :

— Hò... hò, hò... Bảo hò mà lại... Hò...

Và quả như một con ngựa, lão đang chạy nhanh bỗng tự hãm lại. Lão cười :

— Hì... hì... Phi như thế đã thú chưa ?

Anh tôi gật đầu :

— Phi giỏi đấy. Nhưng Ninh nó sợ. Bây giờ tể đi. Tể thú hơn.

Lão lại cười :

— Lại ưng tể... hì... hì... Hai cậu ngồi dựa ra sau tôi để tể hơn. Tôi bắt đầu đây.

Xe lại chạy một cách êm-ái. Lần này thì tôi thấy thích hơn. Tôi hỏi anh tôi :

— Đi ngựa có thú như thế này không ?

— Cũng thú như thế này. Nhưng nguy-hiêm hơn. Vì ngựa có lúc nó cất mình tể chứ Thập-Bản thì không dám cất bao giờ. À, Ninh tập điều-khiển cho quen nào. Chú Thập ơi, chú phải làm theo lời nó nhé. »

Tôi bèn tập điều-khiển. Tôi hết bắt lão phi nước đại, đến bắt lão kiệu, lão tể. Thỉnh-thoảng, tôi hò lão lại để rồi bắt lão phi. Thích thú, tôi bảo anh tôi :

— Giá chúng mình có một con roi nữa thì y như là người cưỡi ngựa thật rồi còn gì anh nhỉ.

Thập Bản quay cả bộ mặt ngó-ngần lại nhìn tôi :

— Hì... hì lại muốn có cả roi nữa. Tôi thì cần gì phải đợi roi mới chạy.

Từ hôm ấy, chiều chúa-nhật nào tôi cũng xin phép mẹ tôi cho Thập Bản đưa tôi đi chơi. Tôi thấy chẳng có cái thú nào hơn là vừa nhá kẹo, vừa điều-khiển con ngựa hai chân ấy chạy nhong-nhong qua các con đường thăm lặng trong thành nội. Nhưng lâu dần, những con đường trong thành nội trông quen thuộc quá, tôi bèn nảy ra cái hứng muốn phóng ngựa cho xa hơn. Và có một hôm, tôi đã điều-khiển Thập Bản chạy ra phía cửa Đông-Ba rồi trở lên cầu. Giá cứ như thế mà cho chạy về Gia-Hội, trở vào cửa Thượng - Tứ thì cuộc du - ngoạn bằng « ngựa » này kể cũng thật là thú-vị. Nhưng khổ một cái là óc tinh-nghịch trẻ thơ còn muốn tôi phải tìm những thú mới lạ hơn trong việc khai-thác và thử-thách cái khả-năng của Thập Bản. Cái sáng kiến ma quái này vụt hiện ra, trong óc tôi, khi chiếc xe vừa qua khỏi cầu, đang đồ nhanh xuống dốc. Bất thình lình, tôi dẫm mạnh chân vào sàn xe, hét to lên :

— Hò, hò, hò...

Tôi hét to quá. Nghe mấy tiếng « hò, hò » và, trong một phút bất-thần, không kịp suy-nghĩ, Thập Bản đang chạy như

bay, ra sức tự hãm để dừng lại. Chiếc xe bỗng chúi xuống rồi nghiêng hẳn qua một bên. Đất trời vụt nhiên đảo lộn. Cảnh-vật chung quanh tôi rung-rinh chao-dào, quay tít một vòng. Tôi rú lên một tiếng rồi không biết gì nữa. Khi tôi tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm ngửa trong xe. Chung quanh xe, một đám đông người xúm lại. Còn Thập Bản thì đang ôm lấy chân tôi. Lão nhìn tôi với một cặp mắt gần như muốn khóc. Mặt lão sây sát nhiều nơi, có chỗ bầm lên hoặc rớm máu. Sắc mặt lão xanh như sắc mặt người chết. Toàn thân lão run lên lẩy-bẩy. Trông lão phờ hờ người đi với cái vẻ rối loạn, cuống-cuồng của một người lương-thiện vừa gây nên án-mạng vì ngộ-sát. Lão hỏi rồi-rít :

— Cậu có thể nào không ? May mà chẳng có thương-ích gì hết. Nhưng trong mình ? Cậu có nghe trong mình ra thế nào không ? Có đau ở chỗ nào không ?

Tôi lắc đầu. Lão lại nói :

— Thật không chứ ? May quá sức. Thật là cái phước ba-mươi đời của tôi. Cậu không việc gì, xe cũng không việc gì. Lạy ông bà, may quá.

— Nhưng còn chú ?

Tôi nhìn kỹ người lão. Mặt tôi bỗng chú ý đến hai ống quần. Hai ống quần lão rách toạt ở đầu gối, ướt đẫm cả máu. Tôi nhăn mặt, hỏi vội :

— Nhưng chú làm sao thế ? Làm sao mà... mà...

Lão vạch rộng hai chỗ rách ra. Tôi rùng mình. Hai gối lão bị chọt mất hai miếng da to tướng, máu túa ra xối-xả. Tôi nhắm mắt lại, kêu lên :

— Làm sao chứ ? Để yên thế mà chịu à ?

Thập-Bản cười hì hì :

— Chỉ lo cho cậu với cái xe. Chú còn tôi...

— Còn chú ? Còn chú làm sao ?

— Còn tôi thì lo gì. Cậu và xe không việc gì, tôi mừng đến quên cả đau.

Tôi lắc đầu :

— Không được. Chú phải đi rửa đi, phải tìm tách băng bó đi. Mau lên.

Nhiều người trong đám đông cũng khuyên lão nên vào các nhà gần đấy, xin thuốc và băng bó lại. Nói lắm, lão mới chịu rời tôi mà đi. Tôi ái-ngại nhìn theo. Cái thái-độ vô-lý của lão khiến tôi phải nghĩ-ngợi. Quả tim bé-bỏ của tôi, lần đầu tiên, phải rung chuyển vì một niềm ân-hận lớn-lao. Và khối óc ngây thơ của tôi loay-hoay mãi trước những câu hỏi mà nó không đủ sức giải đáp. Tôi không hiểu tại sao Thập-Bản lại có thể tận-tụy với anh em tôi như vậy ? Có thể để cho chúng tôi sai khiến một cách quá dễ-dàng như vậy ? Có thể chịu đựng tất cả mọi sự khó tính, yêu sách, dằn vặt của chúng tôi như vậy ? Ngay trong cơn tai nạn, lão đã trung-thành đến cái mức-độ chỉ biết lo cho tôi và cái xe mà quên cả đau-dớn, quên cả thương tích, quên cả những gì đáng lo cho bản-thân lão ? Nói rằng lão sợ chửi mẹ tôi thì cũng không được đúng lắm. Vì trong cái gia-đình lễ-giáo này, cha mẹ tôi không bao giờ dung-thứ cho chúng tôi những lối đối-xử bất-nhã hoặc tàn-tệ đối với kẻ ăn người ở trong nhà. Cả đến cái thái-độ bạc-béo cũng vậy. Một việc nó chứng-minh rõ-ràng hơn cả về cái hậu-tình của cha mẹ tôi đối với hạng tôi đòi là, bất cứ ngày kỵ

TINH TÚY

Lòng say rạo rực. Khát vô biên
Bóng tối mênh mang đăm đăm nhìn :
Trong đó thấy Hương và Ánh sáng
Và muôn màu sắc cuộn dâng lên.



Hồn lịm tẻ trong phút đo kỳ
Tay run. Ngực tức. Mắt mờ đi
Những hình ảnh sống xôn xao tới
Đột sóng cao dồn.

Vội vã ghi...



Có tiếng pha-lê chen vỡ mau
Tiếng xiềng xích lạnh chạm nơi đầu...
Những đường heo hút... nhà tâm tối...
Những bóng mờ hồ đuổi bắt nhau...



Đêm vắng nghe vang tiếng động xa
Thời gian ngưng lại. Không gian nhòa.
Chao ơi ! Sung sướng nghe «trong ấy»
Một chút tâm mình siêu thoát ra.



Tôi viết cho anh hay cho tôi ?
— Viết cho Thế hệ, gửi muôn người.
Nghe dâng trào giọt niềm tin tưởng
Dưới bút bùng lên ánh nắng mai.



Giò lộng trời cao. Ngan ngát hương
Ngàn sao nức nở khóc đêm buồn.
Sớm nay gục ngủ trên trang giấy.
Vỡ kịch. Bài thơ. Hay giọt sương ?

XUÂN-HIẾN

nào, tôi cũng thấy có một mâm cơm đặt riêng trên một bàn thờ nhỏ mà chúng tôi phải lạy. Mâm cơm này là để cúng một người đầy-tớ cũ đã chết từ lâu. Và chính Thập Bản cũng hiểu rõ những điều này. Tuy vậy, lão vẫn dấu biệt cha mẹ tôi và luôn luôn đồng lõa với chúng tôi trong việc chúng tôi làm tình làm tội lão đủ thứ. Tôi nghĩ hoài không ra. Mãi về sau, cách đây ít lâu, chính Thập Bản, trong một dịp giải-đề tâm-sự, đã giải-đáp hộ tôi về những điểm thắc-mắc này...

Tôi còn nhớ là một đêm có trăng. Thập Bản cùng ngồi chơi với chúng tôi trong sân, trước chái tây của tư-dinh. Sau khi đã kể chuyện cổ-tích cho chúng tôi nghe, lão bỗng thờ dài :

— Tôi hầu xe đến nay là đã bốn đời quan. Đời cụ nào cũng thương tôi cả. Và cụ nào cũng hứa là sẽ thưởng cho một cái cửu-phẩm. Nhưng rồi cái số tôi nó thế nào ấy... hì... hì... Chuyển nào cũng trật cả. Anh em cùng một lớp, nay nhiều người đã thành ông cử, có kẻ đã được cả bát-phẩm nữa, về làng về nước danh-giá biết bao, mà tôi thì Thập vẫn hoàn Thập...

Tôi hỏi :

— Thế sao chú không thừa thật với Ba tôi !

Lão lắc đầu :

— Ấy chết, tôi đâu dám. Cụ quở chết. Tôi không dám.

Rồi lão nhìn anh tôi và tôi, nói tiếp :

— Họa may là có các Cậu nói hộ cho mới xong. Nay nhé, các cậu thừa lúc nào Cụ vui, nói hộ cho một tiếng. Chả hạn như là... như là Thập-Bản nó thấy nhiều

người được cứu-phẩm nó buồn lắm...
Thập Bản nó hâu-hạ đã bốn đời quan rồi...
Hi... hi...

Anh tôi vỗ ngực cương-quyết :

— Được rồi. Tôi hứa là sẽ nói hộ chú. Chú đừng lo nữa. À này tôi vừa thấy một bông sao-sáo, trên cây xoài, ở cuối vườn. Chú bắt cho tôi nhé.

Hai hôm sao, mấy con sao-sáo đã vào tay anh tôi. Lại có cả một cái lồng nữa. Nhưng hai hôm sau, và mãi mãi về sau, tôi cũng không hề bao giờ được nghe anh tôi nói gì với cha tôi về việc xin cứu-phẩm cho Thập Bản cả. Một điều làm cho tôi thương hại mà không dám nói ra là anh tôi, tuy còn nhỏ, nhưng cũng đã khéo biết lợi-dụng cái « mộng cứu-phẩm » của Thập Bản, mỗi lúc cần đến lão một việc gì khó-khăn. Thỉnh-thoảng, anh tôi lại đề-cập đến chuyện này :

— Tối nay chú Thập ạ ! Tối nay tôi sẽ nói cho nhé. Hôm trước tôi vừa định nói thì lại có khách vào, tiếc quá.

Và lúc nào, sau một câu hứa hẹn như vậy, thí y như là cũng phải có một yêu-

sách kèm theo. Hoặc là một tổ chim cần lấy này, một con chuột bạch cần tìm mua này, một chùm đào, chùm lê cần hái v. v .. Bao giờ là cũng có cái gì cần cả. Tôi càng thương hại hơn là tuy anh tôi cứ hứa suông mãi, mà lão thì vẫn cứ tin-tưởng mãi, tin-tưởng mãi...

Rồi mãi mãi như thế... cho đến một ngày...

Một buổi sớm mùa đông rét mướt. Một buổi sớm mà lão phải đưa cả gia-đình tôi lên tàu để từ-giã đất Thần-kinh.

Đứng bên anh tôi, tựa người vào cái thanh ngang bằng đồng bóng lộn, sau tấm cửa kính ở toa tàu cái hạng nhất, nhìn xuống căn ga, tôi thấy lão khóc. Và khi tiếng còi tàu rúc lên, tôi thấy cả bộ mặt hốc-hác, thiếu não, tuyệt-vọng của lão ngược lên phía chúng tôi và xa dần, xa mãi, rồi khuất đi sau đám khói đen sì.

Thập-Bản khóc vì cảnh biệt-ly ? Hay vì cái mộng công-danh tan vỡ ?

Cả hai lý-do đều làm cho quả tim nhỏ nhỏ của tôi nặng trĩu cả buồn thương.

PHAN-DU

Lấy thiện phục người và lấy thiện nuôi người

Mạnh-Tử nói : « Người trung dạy kẻ bất trung, người tài dạy kẻ bất tài, nhờ vậy mà hạng con em sung sướng vì có cha anh là bậc hiền. Nếu người trung bỏ kẻ bất trung, người tài bỏ kẻ bất tài thì hạng hiền với hạng bất tiểu có khác nhau bao nhiêu ; họ chỉ cách nhau gang tấc đó thôi...

Lấy thiện để phục người (nghĩa là miệng môi nói thiện) thì chưa đủ để phục người. Lấy thiện để nuôi người (nghĩa là chính mình làm thiện) thì mới phục được thiên hạ. Thiên hạ không tâm phục mà làm vua được, điều ấy chưa hề có bao giờ ».

MẠNH - TỬ

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân **THẦN-NÔNG**

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đài-lộ* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Bureau de Représentation

HONGKONG

8/8 A *Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Mombasa (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

ĐÁM DÂN TỊ NẠN

PEARL S. BUCK
NGUYỄN (dịch)

Đây là một trong 3 truyện ngắn của P. S. Buck, mô tả tình cảnh thê-thảm của trận lụt Dương-tử năm 1931. Trận lụt này đã tàn phá cả một vùng đồng ruộng rộng tới mười bốn triệu rưỡi mẫu tây, làm 35 triệu nông dân lâm vào cảnh khốn cùng.

« Co-quan Cứu-trợ nạn lụt ở Trung-Hoa » đã gửi những truyện này cho toàn thể báo chí Hoa-kỳ, có truyện đã được đọc nhiều lần trên các làn sóng điện của các đài phát-thanh và đã làm cả Hiệp-Chung-Quốc phải động mỗi từ tâm. Theo nhận xét của những người đương thời, những mẫu truyện ngắn này đã góp phần đắc lực nhất trong công cuộc lạc quyền.

Hai truyện kia là :

« Xuân cỗi » (Barren Spring) tả tình cảnh tuyệt-vọng của nông dân Liu, chờ chết trong lúc xuân về.

« Lòng Cha mẹ » (Fathers and Mothers) mô tả tâm-trạng đau đớn của những bậc cha mẹ vì thương con mà phải bán con để chúng khỏi chết dần chết mòn trong đói khát.

Ngoài ra bà còn viết một truyện nêu cao tình tương trợ giữa hai dân-tộc Mỹ-Hoa trong trận thiên tai khủng khiếp này. Đó là truyện « Dòng sông lành » (The good river).

Họ đi trong tân thủ-đô, ngo ngác xa lạ, tuy quê hương họ có lẽ chỉ cách con đường họ đang đi đây độ vài trăm dặm. Nhưng đối với họ nó mới xa xôi làm sao. Mắt họ là cặp mắt của những con người bất thần bị một mãnh-lực phi lý đẩy ra khỏi cái thế-giới quen thuộc mà họ vẫn đinh ninh là yên ổn, cho mãi đến tận lúc này. Họ là những con người chỉ quen với những nẻo đường quê và những cánh đồng bát ngát nay đặt bước trên những lề đường lát xi măng. Mặc dù phố xá đầy rẫy những thứ họ chưa từng thấy như xe hơi và những thứ tương tự mà họ chưa từng nghe nói bao giờ, nhưng họ cũng chẳng buồn nhìn, họ như bước đi trong mộng.

Hàng trăm người lũ lượt kéo nhau đi. Họ chẳng buồn nhìn ai và cũng chẳng ai buồn nhìn họ. Thành phố tràn ngập những dân tị nạn, con số lên tới vài ngàn, trú ngụ dưới cánh liếp trong những trại lớn ở ngoài thành, họ được cấp dưỡng chiếu lẹ, đôi lúc được phát cả quần áo. Suốt ngày lúc nào cũng thấy hàng đoàn đàn ông, đàn bà, trẻ con lũ lượt nối đuôi nhau đổ vào các trại tạm trú. Nếu có người dân phố nào lưu ý đến họ thì đấy chỉ là những nhận xét mỗi lúc một thêm chua chát :

« Lại dân tị nạn nữa — bao giờ mới hết hờ trời ? Cứ lo cấp dưỡng cho họ dù chỉ là chút dính thôi cũng đủ làm cả tỉnh đói nhăn răng ra ».

Niềm chua chát phát sinh vì sợ hãi này đã khiến các chủ tiệm chạp-phô quát tháo tàn nhẫn với đám hành khất lủ lượt kéo đến kêu xin trước cửa và làm những khách đi xe thân nhiên hạ giá-biểu xuống bằng một phần mười lúc trước, vì đám dân tị nạn mong kiếm được chừng ấy đã là may. Đám phu xe chuyên nghiệp rửa đám dân tị nạn không ngớt vì đám người sống dở chết dở ấy bằng lòng kéo với bất cứ giá nào, thành thử giá xe hạ xuống cả một loạt, khiến bọn phu xe chuyên nghiệp cũng phải chịu chung số phận. Với một đô-thị tràn ngập những dân tị nạn kêu xin trước mọi nhà, len lỏi vào khắp mọi ngành thương-mại hay các công việc dễ dàng, nằm chết cứng trên các nẻo phố xá vào mỗi buổi bình-minh giá buốt như thế, thì còn ai thêm lưu tâm đến đám dân tị nạn đang kéo tới trong buổi chiều đông giá này làm gì.

Nhưng, đám người tị-nạn này chẳng phải là những kẻ tầm thường, không thể lẫn họ với dân-cư những vùng nghèo đói thường-xuyên vì lụt lội. Không, đó là những con người mà bất cứ quốc-gia nào cũng phải tự-hào. Chúng ta nhận ra ngay là họ cùng ở một miền trời, vì họ đều mặc những hàng vải xanh thẫm, giản-dị, cắt theo lối cổ, tay dài, áo trùm và rộng. Đàn ông mặc áo khoác ngắn, cắt khéo léo mỹ-thuật, đàn bà chít khăn xanh. Cả đàn ông lẫn đàn bà người nào dáng dấp cũng có vẻ cao lớn lực lưỡng, mặc dầu phái nữ bó chân. Trong đám đông ấy có lẫn một vài thanh-niên, một vài em nhỏ ngồi trong thúng đu đưa dưới chiếc đòn gánh chiu nặng trên vai người bố, nhưng không có một bóng thiếu-nữ hay trẻ nít nào. Đám đàn ông con trai, người nào cũng mang một gánh nặng trên vai.

Thường thường đó là chân mần, những chiếc chân bông xanh dày. Quần áo chân mần đều có vẻ sạch và bền. Trên mỗi cái chân là một cái chảo gang lót bằng một manh chiếu nhỏ. Những cái chảo này chắc đã được bắc khỏi lò khi họ thấy đã đến lúc phải bỏ làng bỏ nước. Nhưng không có chiếc rồ rá nào có được một chút thức ăn, kể cả đến cận thức ăn vừa nấu cũng chẳng thấy.

Sự thiếu ăn nay lại càng thêm rõ nếu ta nhìn kỹ mặt họ. Thoạt trông dưới ánh hoàng-hôn chạng vạng họ không đến nỗi nào, nhưng nhìn gần ta thấy rõ là khuôn mặt của những người đói khát đang uể oải bước tới hy-vọng cuối cùng. Họ không còn thấy gì lạ lùng trong cái thành-phố tối-tàn này vì họ đói là chẳng còn hơi sức nào mà ngắm nữa. Chẳng còn cảnh lạ nào lôi cuốn được sự chú-ý của họ. Họ là những người đã cố bám lấy làng lấy nước cho mãi đến khi nạn đói đẩy họ đi. Họ cứ đi thẩn thờ, lặng lẽ và xa lạ như những con người ý-thức được cái chết thực xa lạ cách biệt với cuộc sống.

Cuối đám đông lầm lũi ấy là một ông cụ run lẩy bầy. Ông cụ cũng gánh hai cái thúng, một bên là chiếc chảo gang, còn bên kia hình như chỉ có một cái chân rách tả tơi vá chẳng chít nhưng rất sạch. Gánh tuy nhẹ nhưng đối với ông cụ thì có vẻ quá nặng, lúc bình thường chắc-chắn ông cụ đã quá tuổi phải làm lưng có lẽ cụ đã được dưỡng lão hưởng nhàn từ mấy năm nay rồi. Ông cụ thờ hồn hèn, bước loạng choạng, cố dương mắt dõi theo những người đi trước vì lo bị bỏ rơi. Khuôn mặt răn ren nhăn nhúm của ông cụ hiện rõ rệt một nỗi kiệt-lực.

Bỗng nhiên ông cụ không bước nổi nữa. Cụ nhè nhẹ đặt gánh rồi ngồi phịch xuống đất, mắt nhắm nghiền, đầu gục xuống gối thở dốc tuyệt-vọng. Đói khát như ông cụ mà gò má tái ngắt còn dấy lên sắc hồng của chút máu dư. Một gã bán mì rách rưới, đổ gánh ngay bên cạnh, rao hàng ới ới, ánh sáng từ gánh hàng hắt xuống thân hình cúi gục của ông lão. Một khách bộ hành dừng lại nhìn ông cụ lầm bầm :

« Quả thật hôm nay ta chẳng còn xu nào mà cho, nếu ta còn lo đến bữa ăn của ta, dù chỉ là một bát mì — nhưng còn ông cụ kia. Thôi ta cho ông cụ đồng bạc ta kiếm được hôm nay vậy, ta tạm tin-tưởng ở ngày mai. Nếu cha ta còn sống đồng tiền này thuộc phần người ».

Hắn lục chiếc hầu bao rách móc ra một đồng tiền bạc, ngần ngừ lầm bầm giây lát, hắn xia thêm 1 đồng bạc đồng.

Hắn bảo ông cụ với một giọng xót xa cảm-động :

« Đây, cụ cầm tạm lấy mà ăn mì ! »

Ông cụ chậm rãi ngược đầu lên. Thấy đồng tiền bạc, ông cụ không nhận. Cụ bảo con người hảo-tâm :

« Lão không dám xin tiền tiên-sinh đâu. Tiên sinh ới, lão vốn có ruộng nương màu mỡ, từ xưa chưa biết đói là gì. Nhưng năm nay ngập lụt làm cho cả những người có ruộng nương cũng phải đói dài. Đến hạt giống chúng tôi cũng chẳng có nữa tiên sinh ạ. Chúng tôi phải ăn đến cả hạt giống. Lão đã hết lời khuyên ngăn bọn trẻ là đừng có ăn hạt giống. Nhưng đói quá chúng ăn hết cả. »

« Cụ cầm lấy » gã đàn ông ném đồng tiền vào lòng ông cụ, thở dài bước đi.

Gã hàng mì sửa soạn làm, lớn tiếng hỏi ông cụ :

« Cụ ăn bao nhiêu ? »

Nghe vậy ông cụ cự mình. Cụ hồi hải lục lại trên tấm áo và khi thấy có hai đồng tiền bạc và đồng, cụ bảo gã hàng mì :

« Bác cho một tô nhỏ thôi ».

Gã bán mì kinh ngạc hỏi :

« Cụ mà chỉ ăn có một tô nhỏ thôi à ? »

Ông cụ đáp :

« Không phải lão ăn đầu bác à ».

Gã hàng mì trợn mắt ngạc nhiên, nhưng vốn là người không ưa lời thôi hắn lẳng lặng quay ra làm tô mì, làm xong hắn gọi lớn : « Mì đây cụ ! » và đề ý chờ xem ai ăn.

Cụ già lầy bầy nhồm dậy, đôi tay run rẩy bung tô mì tiến đến cái thúng đặt bên kia. Gã hàng mì dõi theo, ông cụ lật chiếc chần sang một bên để lộ ra khuôn mặt nhăn nhúm của một đứa trẻ thơ, mắt nhắm nghiền. Trông nó như đã chết rồi, ông cụ nâng đầu đứa bé lên, kề miệng bát vào mồm, đứa bé húp một cách khó khăn yếu ớt, mãi mới hết bát mì. Ông già luôn mồm nụng :

« Đây, cưng — đây, con ».

Gã hàng mì hỏi :

« Cháu cụ đấy à ? »

Ông lão đáp :

« Phải, đây là đứa cháu của thằng con một của lão đấy bác ạ. Cả hai vợ chồng nó chết đuối cả, chúng nó đang làm ruộng thì vỡ đê ».

Ông lão âu yếm đắp chăn cho đứa bé rồi ngồi chồm hồm lè lưỡi liếm quanh lòng bát cho đến khi không còn một sợi mì nào sót lại mới thôi. Rồi như người đã no nê, ông lão trả bát lại nhà hàng.

Thấy ông già không gọi thêm, gã hàng mì rách rưới lại càng thêm sùng sốt, la lớn :

« Cụ hãy còn đồng tiền bạc nữa cơ mà ».

Ông lão lắc đầu đáp :

« Đó là tiền mua hạt giống. Vừa thấy đồng bạc này lão đã tự nhủ là có thể mua được hạt giống rồi đây. Lũ trẻ đã ăn hết cả hạt giống rồi, đất đai còn có gì mà trồng trọt nữa hở bác ? »

Gã hàng mì bảo ông cụ :

« Nếu như cháu khá giả, cháu có thể biếu cụ một bát. Nhưng biếu không một người còn tiền trong túi ? » — Hắc lắc đầu, bần khoản.

Ông lão nói :

« Lão không dám cầu xin bác. Lão cũng biết là bác không thể hiểu được. Nhưng nếu bác có ruộng nương đất cát, bác sẽ hiểu rằng mình phải gieo hạt ngay, nếu không thì lại đói thêm năm nữa. Cách lo liệu cho đứa cháu nhỏ của lão chu đáo hơn cả là mua cho nó ít hạt giống để gieo — thật thế — dù cho chẳng may lão có mệnh hệ nào thì đã có người khác gieo giúp, đã có đất thì phải gieo giống, bác ạ. »

Ông lão lại nhắc gánh, đôi chân khẳng khiu run rẩy, gương mặt nhòa xuống con đường dài thẳng tắp, ông cụ chệnh choạng bước đi.

NGUYỄN

dịch theo « The refugees »

-
- ★ Lấy ác-cảm đáp lại ác-cảm, lấy « thủ-đoạn » đáp lại « thủ đoạn », chưa phải là khôn vì cách thế ấy chỉ làm tăng sự oán-thù.
Bạn hãy tin-tưởng mãnh-liệt bạn rất có độ-lượng đối với người dưới, bạn sẽ thấy họ thay đổi khác ngay.
Hành-động như vậy không chứng tỏ bạn nhu-nhược mà chứng tỏ bạn có ý-chí phi-thường, ý-chí dùng thiện để thắng ác.
 - ★ Một chữ « *thành* » đủ để tiêu muôn đối ; một chữ « *kính* » đủ để địch ngàn tà. (Tào-nguyệt-Xuyên).
 - ★ Ông chưa được nếm cái khoái-lạc cao-thượng và đầy đủ của kẻ có thể sử-dụng cái cân ngàn cân mà không thêm đặng tới. Kẻ mạnh thường bao giờ cũng hiền. (Lyautey).

VỀ QUÊ EM

Ta mỗi gót giang hồ đường bụi gió
Dừng quê em trưa nắng mới thu vàng,
Đường đi êm ngô mát thoảng hoa thơm
Giữa trưa vắng, điệu ru buồn lên tiếng.
Từng mái lá bâng khuâng như hồ hện
Đón ta về hoa lá khẽ rung rinh.
Hàng cau nghiêng ru mộng đẹp thanh bình
Lòng đất mát chứa chan niềm quyến luyến
Mây lơ lửng, khói buồn lên gió quyến
Làng thôn êm, thiêm thiếp giấc mơ trưa
Dòng sông xinh, cầu vắt vẻo đôi bờ
Gió hiu hắt, ngậy ngậy hương đất mới
Nghe trong gió lời quê hương réo gọi:
« Về quê em, cho bớt nỗi tang du
Về quê em nghe lắng mộng sông hồ »
Đất cũng biết đời ta buồn quá lắm!
Từng mé mãi nơi phồn hoa bụi bặm
Lòng nhân-gian, tình đếm được bao nhiêu!
Đường ngược xuôi, nắng sớm với mưa chiều
Tim lạnh giá nhưng đêm không lửa ấm
Thôi già biết bao ngã đường thăm thẳm.
Ta dừng chân, nương nấu chốn quê em
Này ngô, khoai, này lúa sẵn thơm hiền
Lấy dưa, muối, yên vui quên sự thế.
Và em nữa người thôn trang nhỏ bé!
Ta yêu em tình mát đất quê hương
Trời trong xanh, sông núi lắng u buồn
Vườn đất cũ ta vun trồng cỏ, lá
Quên danh lợi, quên thị thành xảo trá
Nhưng vàng son, nhung lụa nữ khinh nhau
Này quê hương! ới phép lạ nhiệm màu
Vang tiếng sáo một trời thu bát ngát
Lòng rộng mở nghe hồn quê giao-giát
Nguồn thương yêu chan chứa tự bao giờ
Hỡi người em thôn xóm bé ngậy thơ!

Ổ ONG RỪNG

✦ VŨ - HẠNH



Y-MO hơi ngả người về phía sau, dựa những ống lồ-ô cạnh một tảng đá bên suối rồi trệt cái dây choàng trên vai xuống. Chị làm những cử-động ấy một cách chăm-rãi, nhịp-nhàng, theo như thường lệ mỗi ngày ba chuyến lấy nước dưới suối. Những bạn bè của chị — Y-Kla, Y-Cun, Y-Nâng — và những đứa nhỏ kháu-khỉnh trên buôn — thằng Kên, thằng Pay — đã có mặt đấy rồi. Người ta không múc nước dưới suối nhưng đem ống lồ-ô hứng nơi miệng một cái máng tre nằm chênh-vênh bắt cầu trên những chân trụ dọc theo lòng suối dẫn nước về từ trong khe sâu thẳm-thẳm của rừng già. Lần lượt, theo đúng thứ tự trước sau,

mỗi người đem ống lồ-ô của mình lại máng và sau khi mỗi ống đã ăm-ấp nước lại dựng bên vách suối chờ cho đến khi cả lượt ống chứa đầy mới dõn lại, lấy cái dây choàng bằng mây đan giệp, tròng ngang, kéo hai múi về phía trước, rồi quay người lại choàng vào vai, mang lên buôn.

Y-Mo là một cô gái đẹp. Da chị ngăm ngăm đen, ưng ứng màu nâu đỏ như sắc da mang phôi khô còn mướt màu lông. Trên khuôn mặt đều đặn hai con mắt sáng, đen lay láy, ẩn sâu dưới đôi lông mày dài hơi rậm một vẻ gì lôi-cuốn hết sức man rợ. Nụ cười nhẹ nhàng làm hai khoé môi lúm vào những nét duyên-dáng

và tiếng hát *tu-lêu* trong trẻo, giòn giã của chị quuyến-rũ tất cả trai tráng trong buôn. Những tối lạnh-lẻo của núi rừng chị ngồi già thuốc bên bếp lửa rừng-rực, tấm vải đồ xanh đồ choàng trên bộ ngực kiêu-hãnh no đầy nhô lên cong vắt, đầu hơi nghiêng nghiêng theo nhịp chày tuôn dồn dập. Tiếng hát của chị càng về khuya càng bồi hồi khiến những trai tráng trong buôn ngơ-ngẩn chung quanh bếp lửa, chẳng nỡ ra về...

Những người lấy nước xong đã lần-lượt lên buôn, lom-khom, lạch men theo con đường dốc quanh co dẫn về buôn Nước-Rang nằm lồm nhồm ở lưng chừng một sườn núi cao. Chỉ còn Y-Cun là đến lượt Y-Mo. Y-Cun đứng khom người, hai bàn chân chụm lại trong dòng suối trong veo, đầu gối khép lại kẹp chặt lấy mảnh cà-tiu cho khỏi bị nước từ máng tỏa xuống miệng lõ-ô toé vớt. Hai tay cầm lấy chiếc ống xanh mượt, dài thượt, Y-Cun như chăm chú nghe dòng nước ồ-ộc lên dần từng lóng một nơi khúc lõ-ô đã khoét thủng mắt bên trong. Chị có vẻ thành-khản như một tín-đồ đang yên lặng đón lấy những dòng nước thánh từ nơi trời xa ban xuống, giữa cái rì rào bất tận của gió ngàn rung chuyển rừng cây, nước suối reo vang hốc đá. Bỗng, Y-Cun quay lại:

— Y-Mo có bằng lòng lấy Đíp không hé?

Y-Mo đang chăm-chăm nhìn dòng nước chảy, ngược đôi mắt sáng nhìn lên, không nói một lời. Y-Cun lại tiếp:

— Đíp có rầy nhiều, có trâu mập, Y-Mo không lấy Đíp thì lấy ai? Hé, lấy Đíp hé?

Y-Mo mỉm một nụ cười. Hình ảnh Đíp to lớn với những vòng bạc sáng-sánh trên tai, những vòng chạm sấp dày trên cổ tay mập mập hiện ra, nhưng đồng thời cũng hiện ra một anh chàng Đíp uống rượu say mềm trong những tiệc cúng trâu huê, cười đùa suồng sã với lớp đàn bà phơi bộ ngực trần ngồi sấp vòng tròn trên vật đất lể, giữa những tiếng chuông inh-ỏi.

Lấy nước xong, Y-Cun lên bờ đứng đợi Hoàng-hôn đã phủ xám núi rừng. Khói đá bốc lên từ cái thung-lũng tỏa mờ sườn núi. Gió chiều như tiết ra từ lòng đất thăm sâu đem những hơi lạnh rạt-rào lông lốc ngàn cây. Muôn ngàn thanh-âm hỗn-độn vang lên, chìm xuống rồi lại vang lên như những đợt sóng lớn chuyển găm trong một đại-dương thức tỉnh, báo hiệu những cảnh hãi-hùng của đêm về giữa chốn hoang-vu. Thốt nhiên Y-Cun bật lên một tiếng cười dài và Y-Mo đang cúi mình bên máng nước ngơ ngác nhìn lên. Theo tầm mắt của bạn Y-Mo trông thấy bên kia bờ suối bóng Yan đứng yên như một cây cọc rừng cần-cối chăm chú nhìn sang.

Yan là một thanh-niên ở buôn Vi-Duối, sống lẻ loi trong một căn nhà sàn rách nát. Anh không phải sinh trưởng ở đây. Một chiều rét mướt anh từ đâu đến thất-thêu vào buôn như một con thú rừng bị nạn khiếp hãi tìm nơi trú ẩn ở một cái hang xa lạ. Dân trong buôn nhìn cái dáng thiếu nảo và bộ mặt rỗ chằng rỗ chịt của anh với một vẻ ngờ-vực chứa đầy ác-ý. Nhưng mùa gặt đem về lúa, nếp dồi-dào và nhánh lá báo hiệu những ngày kiêng cử đã ném vào lòng suối nên không ai xua đuổi anh đi. Người ta chỉ cho anh một cái nhà sàn gần như sụp đổ, trên đấy đang nằm rên-rỉ một



Ông cụ-già cô-độc bị gãy xương vai vì cây rừng dẽ phải. Đã nhiều ngày rồi dân làng chăm nuôi ông cụ và hình như ông cụ chưa bao giờ được sống thông-thả như thế nên vết thương chẳng thấy chịu lành. Yan như một con người mà hốc núi thâm - u và lá rừng ủ - mục gợi đến đề sẵn sọc chuỗi ngày tàn của ông cụ, vun xới vạt nương nhỏ bé mà gai lùm, bụi dại đã chen lấn phủ đầy. Rồi đến một hôm ông cụ qua đời như một nhánh củi khô gãy rụng còn vương trên cành, đọng đũa rất lâu mới chịu sà vào lòng đất. Yan lại kéo lê một cuộc sống càng thêm cô-độc lạnh-lùng, lui thối từ ngôi nhà ra đến vạt nương và từ vạt nương về lại ngôi nhà. Một buổi trưa kia, ngồi ở ven rừng, Yan nghe một tiếng chim gì rất lạ đồ hồi ở sau mấy khóm lá dày. Yên lặng giây lâu, bỗng nhiên Yan thấy bàng-hoàng. Tiếng chim mỗi lúc càng thêm quen thuộc gọi lại chập-chờn những ngày xa khuất ở chốn luôn xưa lần trốn giữa miền heo-hút mà oán thù truyền kiếp còn đeo-dăng gây nên

những cảnh điêu-tàn .. Khi Yan lại gần thì tiếng chim đã chuyển sang bụi khác. Cứ thế, Yan chui rúc trong rừng sâu ngo-ngàn đuổi theo tiếng chim như một kẻ lạc loài cố bắt gặp những bóng dáng thân-yêu chạy lẫn giữa chốn đông người. Một lúc, anh dừng lại, bơ-vơ tưởng như hết cả đường về. Tiếng chim biến mất bao giờ. Anh cố lắng nghe... chỉ có tiếng rừng âm-thầm vây phủ nặng-nề và tiếng suối mơ-hồ dẫu đó vọng lại như nỗi thở than không dứt. Anh thẩn-thờ tìm về tiếng suối và đi mãi, đi mãi theo dòng cho đến chiều tà thì anh nghe rõ bên tai những tiếng rộn-rã cười nô của những cô gái nước Ràng lấy nước dưới suối. Yan quì nhòm xuống sau một lùm cây, giương cặp mắt thao láo nhìn qua kẽ lá, nghe hơi thở như uất lại trong lồng ngực nặng-nề. Những thân hình tươi trẻ chứa chan sức sống chuyển-động nhịp nhàng tự nhiên gọi ở lòng anh bao nỗi rộn-ràng, khơi dậy những niềm vui bất ngờ, khuấy lên những háo-hức từ lâu ấp ủ như lớp nhựa ứ-đọng trong một thân cây phải uốn cong quắn, anh cứ thấy mình như khác hẳn mọi ngày, như được đi về một miền xa lạ đã từng hiện lên trong những đêm ngủ bàng-hoàng.

Từ đấy, Yan cứ thỉnh-thoảng lại bỏ nhà, bỏ rẫy tìm về chỗ cũ, nín thở, lắng tai, nhấp-nhòm y như con thú rình mồi. Anh không bỏ sót một lời nói, một cử-động và những ngày phải vun xới nhọc nhằn đất núi, những đêm lạnh-lẻo nằm ngủ chập-chờn bên lửa anh lần hồi nhớ lại từng điệu-bộ nhịp-nhàng, từng tiếng nói trong trẻo của từng cô gái và cảm thấy sung sướng bồi-hồi. Dần dần qua kẽ lá anh biết tên từng người đàn bà, từng

đưa con nít và hình ảnh Y-Mo dịu hiền càng ngày càng ám-ảnh tâm-não của anh y như khói đá càng về những chiều mưa lạnh càng phủ giăng mờ mịt khắp cả sườn non.

Một hôm khi Y-Mo vô-tình đi ngang trước mặt, Yan dần lòng không được, rẽ lá, chồm ra khiến cô gái kêu lên và hốt hoảng lùi lại. Khi nhận biết không phải là loài thú dữ mà chỉ là con người — một con người xấu xí — Y-Mo ngạc-nhiên đứng nhìn không chớp trong khi những người bạn hồn-nhiên ngật-ngheo tiếng cười...

Lần này, cũng như mọi lần, Yan như không nghe thấy tiếng cười của Y-Cun, vẫn yên lặng một cách lạnh lùng, chăm chăm nhìn vào Y-Mo như muốn hớp lấy hình-ảnh của chị vào trong đôi mắt thâm sâu lóng lánh những mối lửa sáng. Và đã nhiều lần, khi lấy nước trở về, lên đến đầu dốc Y-Cun quay nhìn xuống suối vẫn thấy Yan yên lặng nhìn theo, rồi phút chốc bóng anh lẫn lộn trong những nét mờ xám của cây rừng. Mỗi lần quay lại, Y-Cun tinh-ngịch gõ một hòn đá trên vách núi và ném mạnh xuống chỗ Yan đứng. Nước suối bắn toé lên vẫn chẳng thấy Yan nhúc-nhích. Một mối xúc-cảm mãnh-liệt đã trồng anh bên suối, biến anh thành đá núi, cây rừng trong bóng hoàng-hôn.

Y Mo luôn luôn vẫn như thản nhiên, vô-tình. Chị là ngọn suối trôi đi, không hề lưu ý đến những cây bờ soi bóng xuống giữa dòng mình. Và lại những cái nhìn dăm-dắm của một con người lạc-lỡng đâu có thể thức dậy những rộn ràng xao-động trong một cuộc sống kín-dáo, hiền-

lành mà những xúc-cảm mới mẻ đều âm-thăm như mùi thơm của một thứ hoa rừng nép trong vách đá.

Khi chị vừa lấy nước xong thì Yan cũng băng suối đi qua. Đó là một điều khác với lệ thường. Yan đi lăm-lúi, chậm chạp như con bò mộng lừ lừ tiến đến để húc tan chướng ngại ngăn cản trên đường. Y Cun ngạc nhiên đứng nhìn và khi con người xấu xí kia đến gần bên chị, gương cặp mắt buồn rầu nhìn về phía Y Mo thì chị bỗng hỏi lớn, có vẻ sùng sộ như một câu dọa-nạt:

— Đi đâu hé ?

Yan chậm rãi trả lời như trong lòng anh chưa từng ngần-ngại mảy may:

— Về cái nhà Y Mo. Yan chưa bắt vợ.

Rồi anh nhìn thẳng vào Y Mo, vẻ mặt trở nên hết sức tiêu điều:

— Y Mo bằng lòng hé ?

Y Mo đứng sững, bàng-hoàng. Câu hỏi đến với chị như nước lũ đột ngột tuôn về một buổi sáng nắng trời. Chị nhìn Y Cun, ngạc nhiên. Y Cun một tay che miệng, nghiêng đầu lại cười sặc-sụa. Bất giác Y Mo cũng bắt chước cười theo.

Y Cun kêu lên the-thế:

— Muốn bắt Y Mo làm vợ hế ? Có mấy trâu ? mấy rầy ? mấy nôi ?

Yan ngừng lên nhìn lần lượt từng cô con gái, có vẻ như một kẻ lạc-loài. Như muốn chấm dứt một câu chuyện ngớ-ngẩn đề ra về, Y Cun nghiêm giọng:

— Không rầy, không trâu, không lấy được Y Mo. Về đi nà. Tối rồi.

Bộ mặt ngạc-ngác rỡ chẳng-chịt của Yan như gọi đến cho Y-Cun một hình-ảnh và cô gái tinh nghịch, nói tiếp :

— Ngậm được cái ồ ong ngựa trên rừng về đây thì bắt Y-Mo làm vợ, nghe ?

Chị lại cười ngặt-nghèo, xây qua Y-Mo :

— Bằng lòng hế, Y-Mo ?

Y-Mo mỉm cười và như kêu gọi bởi cái hình-ảnh lạ lùng trong câu nói của người bạn gái, chị sẽ gạt đầu.

Trong cặp mắt của Yan đã mờ vì bóng chiều thoáng hiện một tia sáng. Rồi tia sáng tắt đi như đêm tối chợt về. Yan không nói một lời, quay lại, lăm lúi lọi qua dòng suối.

Bóng dáng thất thểu, chập chùng của anh trên lối đi gập-ghenh y như một nỗi tuyệt vọng nao-nề.

Khi lên đến đầu dốc, Y-Cun cúi gờ hòn đá nhưng chị không còn thấy bóng Yan đâu nữa. Chị vung tay ném mạnh xuống bờ suối um-tùm mà lúc này tấm đồ xanh bạc màu của Yan còn thấp-thoáng ở bên mấy khóm *bàn-lồ*. Hòn đá sà-sạt tuôn xuống lá cành rồi như tan đi trong cái âm-u của rừng thâm đã bắt đầu mênh-mông vì đêm tối tràn dâng.



Chiều hôm sau, Y-Mo đang ngồi đánh ống bên cửa nhà sàn thì nghe thằng Pay kêu lên ở dưới chân nhà. Chị ngược lên, thấy một bóng người lão-đào tiến vào giữa buôn, bộ mặt che khuất bởi một ồ ong rừng to tướng dò hực những con ong ngựa chèn-chấu bu đây. Tay chân, mình mẩy đều như đầy một lớp

áo đỏ bằng ong. Chung quanh bay vùn-vù một số ong ngựa không còn chỗ bám, những cánh hừng hực, xè-xè, nhấp-nhóang như cố tìm chỗ để nhúi những nọc độc vào kẻ đã phá tán ồ chúng từ chốn bụi lùn u-uất tha về nơi buôn sáng sủa.

Trong phút bàng - hoàng, Y - Mo nhận biết là Yan. Yan lão đảo gằn như kiệt sức, hai tay run rẩy dò-hực ong rừng đang cố rút những con ong bám vào nơi mắt để nhận rõ lối đi. Những nọc độc thấm đầy da thịt, nung đốt cơ-thể trong một cơn khô-hình khốc-liệt khiến mình mẩy của anh sung húp dần lên, thêm chỗ cho bầy ong còn vùn vù bay quanh lần lượt bám vào.

Yan đi loạng - choạng, nhiều lần chực khụy xuống, hai chân rã rời, xiêu vẹo, ngập ngừng như không còn mắt soi đường. Y-Mo vụt đứng dậy, bám lấy thành cửa, kêu lên, một tiếng gọi thất thanh như tiếng rú hốt hoảng mà chị không còn biết là gì.

Tiếng gọi có mãnh - lực lạ lùng khiến Yan chao người, nhào tới. Như một hình ảnh yêu - quái, anh vùn vẫy, quờ - quạng cố chống lại với sự đau đớn cùng cực đang giày vò cơ-thể, cố trườn một cách tuyệt vọng đến chiếc thang gác cheo leo bắc lên ngôi nhà sàn, nơi đã xuất phát tiếng kêu. Nhưng đầu óc quay cuồng, thần xác như trải qua một cơn cầu xé khốc liệt, anh thoáng thấy một mảnh *cà - tiu* phát phơ trước mặt, gương quờ tay ôm lấy nhưng bỗng như mất đà, rơi xuống hố sâu.

Khi Y-Mo bước xuống bậc gỗ cuối cùng dẫn trong cây thang thì Yan đã ngã gục dưới chân chị, chân tay giãy giụa quết trên nền đất, xua đuổi từng loạt ong đỏ hực vùn vù bay lên, toàn thân rung chuyển

quẩy đập như một chiếc đuôi thần-lăn không lồ bị lia đoạn, và mồm vẫn cắn chặt lấy ở ong rừng.



Cô gái xinh đẹp ở buôn Nước Ràng đã về Vi-Duối, sống nơi chiếc nhà sàn rách nát để giữ trọn lời hứa trong cái gập đầu bên suối hôm nào.

Suốt trong bốn con trăng liền, Y-Mo vẫn một ngày hai buổi vào rừng hái lá đem về cứu chữa cho chồng. Nhờ sự săn sóc chu-đáo của Y-Mo, Yan đã

dần dần trở lại như xưa. Những nọc độc của bầy ong rừng dù nguy-hiểm bao nhiêu vẫn không sao giết nổi sức sống mãnh-liệt của một tấm tình yêu thuần-chất.

Và cặp vợ chồng lại ngày ngày làm rẫy, chăn nuôi, sống nhọc nhằn và bình-thản như những cây rừng khuất lấp vươn lên từ những lòng đất thẳm sâu ứ nhựa tràn trề.

VŨ-HẠNH

★ Mặc dù có nhiều thiện-chí và cố-gắng đến đâu, người chỉ-huy cũng không thể tin chắc là đã thu-phục được hết mọi thuộc hạ của mình; có người thì xa lánh, dửng dưng hay tín-nhiệm đến cùng; có người thì phải mất một thời gian khá lâu mới có thể lấy được tín-nhiệm. Tuy nhiên, nếu bạn không vội nản lòng và vẫn luôn luôn cố-gắng đối xử cho hết sức nhân-đạo với bất cứ ai, rồi cuộc thế nào rồi bạn cũng gây nên được một bầu không-khí thành-tín và thiện-cảm, nó ảnh-hưởng đến hết mọi người.

Miễn cho mình thỏa chí

Tây-phương có câu: « Après moi, le déluge ! » (Sau tôi là đại hồng-thủy !) Câu ấy có nghĩa là: « Sau tôi, sự thế thế nào thì mặc, miễn là bây giờ tôi được thỏa chí ! » Nhiều người cho câu ấy là của vua Louis XV, song theo nhà sử học Chuquet thì lại là câu của bà de Pompadour nói để an ủi vua Louis XV, sau cuộc thất trận tại Rossbach. Dù câu nói của ai, cũng vẫn là câu nói ích kỷ cùng nghĩa với câu: « Sống chết mặc bay liền thầy bỏ túi ».

BÀN TAY

*Gió ngập bàn tay ý viễn phương
Buồm căng gió lộng lúc lên đường
Em thơ mặc biếc buồn heo hút
Vẫy cánh tay ngà neo nhớ thương*



*Ta đến nơi đây ngọt cán bừa
Cỏ bãi em nhỏ hát say sưa
Đôi tay xinh rắc ngàn hoa đẹp
Mạch sống tràn lên đẹp nếp dừa*



*Dệt đẹp dùm ta manh áo len
Nhờ tay em nhỏ bắc cầu duyên
Bao giờ ta nối liền sông núi
Sẽ dệt lời thơ lên mắt Em*



*Anh bạn làm chi đã vội sầu
Dang bàn tay rộng sỏa thương đau
A ha ! Ta đón mùa hoan lạc
Năng dệt ngàn hoa đẹp mái đầu*



*Thương Mẹ miền quê hận tháng ngày
Chiều lên lòng Mẹ tím đôi tay
Xa quê đã mấy mùa hoang dại
Bến - Hải sầu dâng máu lệ đầy*



*Lửa đỏ bàn tay ời nhớ mong
Ngày mai ta tắm mát sông Hồng
Đôi tay em bắc cầu thông cảm
Gió rộn tình thương đẹp vạn lòng.*

HOÀNG-KHANH

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG XIX

(Mộc-Lan và Mạc-Sầu được lên Thiên-tân theo học một trường nữ sinh chánh phủ vừa thành lập).

Mộc-Lan và Mạc-Sầu chỉ được nghỉ hè một tuần, rồi lại phải lên Thiên-Tân theo học. Mỗi tới kỳ nghỉ về dịp tết nguyên đán hai cô mới lại sẽ được về thăm nhà, ước chừng vào tháng Hai Dương-lịch. Các việc xảy ra ở nhà, hai cô giữ kẽ, không dám đem thổ-lộ cho các cô bạn-học biết.

Khi về nghỉ tết, hai cô có mời một cô bạn cùng lớp về, đó là cô Tiểu-Tổ-Đan, một người mới xin vào học-hiệu. Cô này nhà ở mãi Thượng-Hải; mẹ cô vốn là một giáo-đồ đạo Cơ-Đốc. Dung-nhan cô lúc nào cũng xạm ngất; cô là người đa-sầu, đa-cảm; cô rất ưa quốc-văn, nên cô giỏi về khoa này. Mộc-Lan được biết rằng, trong gia đình của Tổ-Đan, Tổ-Đan là một kẻ phản-động. Khác hẳn người anh ruột, Tổ-Đan có tư-tưởng khuynh tả. Cô đã trái lời mẹ, nhất-quyết lên tông-học ở cái học-hiệu quốc-lập này. Chữ cô viết thật đẹp. Cô đã đọc hầu hết các bộ tiên-thuyết cổ. Cô có tính-tình mầu-tiếp và cơ-trí. Cô hay cùng Mộc-Lan, hát những khúc tuồng cổ. Thời thường, cô hay ngồi bắt chéo

chân, y như các cậu con trai. Ở học-hiệu, các học trò không có nhạc-khí, nên trong phòng-ngủ, khi họ tụ-hội để hát với nhau, thì Tổ-Đan lấy tay đập lên đầu gối để đánh nhịp rồi đánh đàn mồm và huýt sáo miệng, để họa theo các điệu hát.

Cũng do sự khích-lệ của Tổ-Đan mà Mộc-Lan mới đọc được rất nhiều sách, thứ nhất các tiên thuyết cổ; và lại, cũng vì đọc những sách chữ vừa nhỏ, vừa lèm-nhèm, không rõ đó, mà mắt cô thành bệnh; rồi mấy năm sau, cô bị cận-thị, nhưng cô kiên-trì, không chịu đeo kính. May được cái là, chứng cận-thị của cô cũng nhẹ thôi; nếu không nói ra, không ai biết, chỉ có một điều là, khi cô nhìn ra xa, cặp mắt cô có vẻ mơ-mộng, huyền-ảo.

Thường Tổ-Đan lại đem những tư-tưởng về giáo-lý của đạo Cơ-Đốc giảng cho Mộc-Lan nghe, nhân vì chính Tổ-Đan cũng bị ảnh-hưởng đó nên cô lôi-kéo Mộc-Lan, làm cho Mộc-Lan cũng túy-tâm, với thuyết «hồn-nhân tự-do», nghĩa là, đối với việc

hôn-nhân trưởng-bối phải để toàn-quyền cho nam, nữ thanh-niên tự-chủ lấy. Đối với những tư-tưởng cũ, Tố-Đan chỉ chịu nhận có cái quan-niệm về phụ-đức. Trong việc giá-thú cô khẳng-khăng đòi cho được quyền tự kén-chọn. Nói tóm lại, đối với cô, có rất nhiều điều mâu-thuẫn, nhưng cô chỉ chọn lấy những cái mà cô ưa-thích, hoặc cô cho là hợp với công-đạo.

Vì biết kỳ nghỉ này, Tố-Đan không thể về nhà được, nên Mộc-Lan mời cho bằng được Tố-Đan về nhà mình ăn tết.

Hồi này, tình-cảnh của Địch-Nhân đã khá hơn nhiều. Ông thân cậu đã dần-dần dẹp bớt nỗi bất-bình và không giận cậu nữa. Ngày, ngày, cậu đi theo ông cậu, lên cửa hiệu làm việc. Thấy vậy, hai cô em cậu rất đổi vui mừng.

Bởi có công-việc hẳn-hoi, nên cậu dễ có cơ để đến với Ngân-Bình. Cậu cũng nghe theo lời người yêu, mà không đả-động gì tới cái lá thư giả-tạo kia nữa.

Những buổi chiều, cậu ta sự đi thăm các bạn-hữu, Phùng-cửu-cửu cũng làm ngơ, để cho cậu đi, chứ không cấm-đoán. Cũng có khi cậu về muộn, hoặc cậu không ăn cơm tối ở nhà, cậu nói trở đi rằng, cậu bị các bạn-hữu mời, hay cậu đi coi hát. Như vậy, cậu cũng được đôi phần tự-do, chứ, không bị câu-thúc lắm.

Chính Phùng-cửu-cửu cũng không ngờ rằng, cậu vẫn đan-diu với Ngân-Bình. Thỉnh-thoảng cậu vẫn xin ông mười đồng, hay vài chục, ông vẫn đưa cho cậu và không nghi-ngờ gì cả.

Trong cái thời gian này, Địch-Nhân không dám làm một điều gì quá đáng. Còn Ngân-Bình, mỗi khi chị hỏi tiền cậu, chị đều viện ra những cớ rất chính đáng. Chỉ liêu những món đáng tiêu và rất tằn tiện, chị cũng biết dành dụm, vì chị nghĩ, nếu việc của chị bị tiết lộ, khi cha mẹ cậu biết, thì làm thế nào, bởi vậy, chị phải thủ thân mà cố đề ra lấy một cái vốn nho nhỏ. Tuy vậy, chị không dám thôi thúc tiền, chị biết ở trong chỗ phải thế. Còn Địch-Nhân, cậu cũng hiểu, kỳ cuối năm, sắp hợp sở, cậu hết sức dè dặt, đợi cho qua tết, mới lại sẽ xin tiền Phùng-cửu-cửu. Nhân đấy, ở Diêu-gia, sự an-ôn lại trở lại với cái bộ mặt vui tươi, đầm ấm trong những ngày đầu xuân, năm mới.

Địch-Nhân lấy làm vô cùng đắc ý. Quả thiệt tình, nếu không có Ngân-Bình, cậu cũng sẽ kiếm lấy một ả nào đó, ở xóm Tiều-Môn giả sử, Ngân-Bình vẫn ở Diêu-gia, cậu làm gì được tự-do đi ra ngoài như vậy. Với lại, trong cái hoàn cảnh mới này, Ngân-Bình của cậu đã thay đổi khác hẳn. Chị ăn bận trai lơ hơn, lộng lẫy hơn; chị ăn nói mềm mỏng hơn; chị biết ý chiều chuộng cậu hơn. Trong thâm tâm cậu, cậu vẫn hận rằng, không đúc được « nhà vàng », cho người yêu ở, nên có đồng nào, cậu đưa tất cho Ngân-Bình để sang sửa nơi đây, cho ngày thêm êm ấm. Món tiền mấy chục mà cậu đưa cho chị, khi cậu mới về, đã được dùng vào đúng chỗ. Nhờ ở sự chỉ bảo khôn khéo của Hoa-Tầu-Tử, Ngân-Bình đã đi mua sắm đủ thức, nào, chần, đem, chậu rửa mặt, ấm, chén, gương, tranh, ghế, bàn, cái gì cũng thanh nhã, để coi. Lần Địch-Nhân

đến sau, cái khung cảnh nghèo nàn, thâm đạm, đã biến đi, và nhường chỗ cho những vật dụng mới, đẹp trên đây. Cậu rất vừa lòng, thỏa ý. Hiện nay, Hoa-tàu-tử, một lão thủ trong làng chơi trở về, làm gì chẳng nhận ra cái con « cóc vàng » họ Diêu này, nên mụ ra công, đầu sức vào với Ngân-Bình để o bế cậu, để chiều đãi cậu. Thôi thì, cậu muốn gì, được nấy. Bao giờ hai người đàn bà đó cũng đi trước ý muốn của cậu. Bất cứ cái gì, cậu yêu, họ đều yêu, bất cứ cái gì cậu thích, họ đều thích. Không những thế, những món ăn gì cậu ưa dùng, đều đã được dự trữ và sắp đặt sẵn sàng. Ở nơi đây, cậu là một vị chúa tể, một đấng chí tôn. Không ai làm trái ý cậu bao giờ. Nhất cử, nhất động của cậu, đều được người ta đón, chiều.

Cậu thu xếp đề mỗi tuần, đến cái tổ uyên ương êm ấm đó, một lần ; mỗi lần, cậu đều tìm ra một cơ thực chính đáng, để nói dối nhà.



Cái lần về nghỉ vừa rồi, hai chị em Mộc-Lan không được gặp mặt cậu Lập-Phu ; hai cô lấy thế làm bất mãn. Đó là một việc không ai ngờ tới, vì, trong khi hai cô không có nhà, Lập-Phu cùng cô em của cậu vẫn thỉnh thoảng, lại đặng Diêu-gia, để tham ông bà Diêu-tư-an. Lúc hai cô đi vắng, Diêu-gia có đôi phần vắng vẻ, tịch mịch, nên, mỗi khi hai anh em Lập-Phu đến, ông bà thường chuyện văn rất lâu với hai anh em cậu, và, khi ra về, lần nào, ông bà cũng dặn hai anh em năng lại chơi luôn luôn. Bởi vậy, giữa một lão ông và một thanh niên, đã phát sinh ra một mối tình hiếu nghị thật là khăng khít. Xưa nay, cậu thường hầu

chuyện Phó-tiên-sinh về các vấn đề chính trị, văn học, cho nên, cậu đã am tường rất nhiều điều mà làm cho khi bàn luận với Diêu-tiên-sinh, tiên-sinh rất khoái trí. Tuy Diêu-tiên-sinh đã có tuổi, nhưng ta đã được rõ, Diêu-tiên-sinh là một người hiếu học, lại ưa những tư tưởng mới, lạ ; cũng gì thế, mà Lập-Phu kính phục tiên-sinh ở chỗ tiên-sinh có đầu óc tiên tiến, và, nếu gác tuổi tác ra, tiên-sinh có phần hăng hái hơn cả những thanh niên đứng ở tiền đội, trong hồi đó.

Mời rồi, Diêu-tiên-sinh, theo phép vệ-sinh của người Âu-Tây, đã đặt ở trong phòng tắm một cái thùng-hương-sen để xối nước tắm, sau khi tập thể-dục, hay sau những khi luyện « đan-điền » lúc đêm khuya. Cũng có hôm ông đến Bắc-kinh phạm-điểm để ăn cơm tây. Ông cũng là người cực-lực hô-hào dùng tự-mẫu của Anh-văn để phiên-âm tiếng Trung-Hoa, đó là một việc mà trong hồi đó ít người dám nghĩ tới. Ông không ngần-ngại, lớn tiếng chỉ-trích cái nền văn-học cũ. Lúc đó, cậu Lập-Phu đương mê-mải với thể-văn của Lục-Triều, tức là lối văn biên-ngẫu. Ông cho cái thể-văn đó, tuy hoa-mỹ, đọc lên nghe êm tai, nhưng rỗng-tuếch, không thiết-thực ; đó là một thứ tử-văn-tự, một thứ tiêu-xảo, quá cậu nệ về hình-thức, với sự dẻo gọt, mà sao-lãng hấn cái tính-chất cốt-yếu. Ông bảo cậu Lập-Phu rằng : « Trong phép làm văn, bao giờ cũng phải nhớ : « bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại ý », tất cả là ở cái ý, nếu chỉ cố nặn-nọt, mài-rũa, lấy cái hình, thì nhất-định bỏ mất cái chất, vậy. Cậu nên nghe tôi, đi tìm những tác-phẩm của

Phương-Bao, của Lưu-Đại-Khôi, cùng là phái Đồng-Thành và các trước-thuật của các đảng đại-tiên-triết, mà đọc, có phần bồ-ích hơn. » Nguyên-lai, ông Diêu-Tư-An là một tín-đồ của Đạo Lão-Trang nên ông cũng khuyên Lập-Phu đọc Trang-tử ; quả nhiên, tinh thần của cậu được hoán-phát, sau khi cậu nghiền-ngẫm đọc Trang-Tử. Cũng vì vậy, mà sau này cậu có tư-tưởng bài-xích cái quan-niệm mê-muội sùng-bái ngẫu-tượng của người Tàu, từ bấy nhần nay. Mới đầu, cậu không sao thâm-giải được hết cái triết-lý huyền-diệu của Lão-Trang, nhưng, dần-dần, cái văn-thể hùng-vĩ, sự tưởng-tượng kỳ-đột của Trang-Tử, đã làm cho cậu mê-luyến ; cái luận-diệu u-mặc của đạo Lão, cơ-hở như hoài-nghi hết thảy và muốn làm đảo-lộn tất cả vũ-trụ, đã dắt cậu từ chỗ mơ-hồ đen tối, ra một vùng trời bao-la, bát-ngát, vô-cùng-tận !

Quả Lập-Phu đã chịu nhiều ảnh-hưởng của Diêu-tiên-sinh. Tất cả những lý-tưởng mà ông đề-xướng lên, đều có tính-chất kiến-thiết. Ông rất ưa bàn tới văn - hóa tây - phương, cùng là sự phong-phú của học-thức của người Âu. Trong những lúc bàn-bạc như vậy, mắt ông sáng ngời lên, tinh-thần ông phấn-phát, hiện lên vẻ mặt.

Tuy ông Diêu-Tư-An không biết một chữ Anh nào, nhưng, ông đã đề tâm nghiền-cứu rất nhiều vấn-đề, thứ nhất những vấn-đề thuộc về khoa-học. Ông nhiệt-liệt tin-tưởng ở sự tiến-triển của khoa-học. Ông cố mày-mò để tìm hiểu về thanh-học, quang-học, điện-học, hóa-học. Về khoa lịch-sử, ông cảnh-cáo cậu Lập-Phu, bảo cậu phải đề-phòng cho

lầm và chớ có nên hấp-lấp quá tin vào sách ố, hễ họ nói sao thì chớ có tin ngay làm vậy ; phải hết sức thận-trọng ; nhất-nhất phải khảo-sát, cùng cứu, trước đã.

Theo Diêu-tiên-sinh, đạo-giáo và khoa-học có thể đi đôi với nhau được, vì, đạo-giáo cũng trọng « thiên-nhiên », như khoa-học vậy ; còn Khổng-giáo, Khổng-giáo chỉ sùng « nhân-đạo » nên chỉ xét về sự quan-hệ giữa « người » với « người », và sự tương qua của « người » đối với lịch-sử.

Vị đại-sư của đạo-giáo là Trang-Tử, Người hằng nói tới sự ảo-hoặc của « thiên-nhiên », sự suy-di vô-cùng-tận của tuệ-nguyệt, sự sinh-trưởng và sự tiêu-diệt của vạn-vật, sự phồn-phức không thể đếm được của tạo-vật, cùng là sự thần-bí của cái « to » vô-hạn-độ và cái « nhỏ » cực-tế-vi.

Đối với đạo-gia, vũ-trụ luôn-luôn biến-hóa, chỉ trong một cái chớp mắt, sự chuyển-biến đã không sao lường nổi ; muôn vật, cái nọ thúc đẩy cái kia, cái này dựa vào cái khác, mà, hoặc hỗ-tương nhau, hoặc xung-đột nhau, để gây thành những triều lưu hay những cục-diện luôn-luôn nối-tiếp nhau diễn-tiến, không bao giờ ngừng, không bao giờ ngớt. Tất cả cái vũ-trụ trên đây đều vâng theo mệnh-lệnh của một thứ « tính-luật » do một đảng « siêu-nhiên » chi-phối. Đảng siêu-nhiên này, không có « tiếng », không có « tên », mà bởi vô-thanh, vô-danh, cho nên đạo-gia đã phải dùng chữ « đạo », để mệnh-danh, vậy. Đó, khoa-học âu-tây cũng tìm-lời để mở tung cái màn bí-mật nó bao-phủ lấy thiên-nhiên, để khám-phá thiên-nhiên,

cho nên ông bảo Lập-Phu, trong khi cậu đương ở cái thời kỳ đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, đương ở cái thời kỳ cậu ham biết, ham học, cậu phải đem hết thời-giờ, đem hết trí-não mà học-hỏi, để khỏi bỏ lỡ mất cái cơ-hội độc-nhất hiện-tại và tương-lai nó đương dành riêng cho cậu và những người đồng thời của cậu, không biết bao nhiêu hứa hẹn.

Điều - tiên - sinh còn nói tiếp : « Cậu Lập-Phu ! Cậu cứ xem, đối với người mình, một cái thanh-âm, một cái quang-tuyến, chẳng qua chỉ là một tiếng-động, một lần ánh-sáng, ấy thế mà, đối với tụi « quỷ tây - dương » họ đã biết đem những cái đó làm thành những khoa-học, rồi nhân đó, họ đã chế-tạo ra nào kèn hát, nào máy-ảnh, nào giầy-nói... mà đầu, lại có cả máy chớp-ảnh nữa kia đấy, nhưng, tiếc thay, lão chưa từng được xem qua cái máy này lần nào... Cậu phải mau-mau mà học lấy tất cả những cái mới, cái lạ đó... Cố đi, chứ, khoa-cử với các thi, văn, phú-phiếm, là những thứ trần-hủ, những « đồ bỏ » ; phải tránh cho xa, những thứ đó, cậu nghe chưa ? »

Thiệt-tình, về các môn thuộc về khoa-học và trí-thức mới, Điều-tiên-sinh vượt hẳn ông bạn già của ông là Phó-tiên-sinh, đầu rằng Phó-tiên-sinh vẫn là một nhà lão-học-cửu. Bởi vậy, cậu Lập-Phu hết sức cảnh-nguỡng sự hăng-hái của Điều-tiên-sinh về phạm-vi học-vấn. Những lúc ông khích-lệ cậu, ý-nghĩ và tinh-thần ông tươi-trẻ và cường-liệt không khác gì một trang thanh-niên mới lưu-học ở Âu-Mỹ, trở về. Những lời khuyến-miêu đầy nhiệt-tình của ông, làm cho cậu vô-hối-cảm-động, những lời đó đã thâm-khắc

vào tâm-khảm cậu, và không bao giờ phai-lạt được nữa.

Nhưng, đã từ lâu, cậu Lập-Phu vẫn lưu - tâm đến văn - học. Điều-tiên-sinh cũng rõ như vậy, nên ông mới đưa cho cậu mượn mấy bộ sách của Lâm-Cầm-Nam, (1) để cậu đọc, mà thâu - thái lấy những cái mới, cái lạ, cái hay của văn-chương tây-dương. Mấy bộ sách này là những bản dịch những tác - phẩm của Kha-nam-đạo-nhĩ (Conan Doyle) và của Tư-các-thoát (Walter Scott). Cậu bắt đầu đọc, rồi đắm mê-luyến, không rời cuốn sách ở tay ra nữa. Từ đấy, cậu lại bị văn-học tây-dương thôi-miên và ảo-hoặc đến cực-độ

Lâm-Cầm-Nam, vốn là một vị lão-nho, người Mân-Việt (nay là tỉnh Phúc-Kiến) Tiên-sinh không biết Anh-văn, nhưng, tiên-sinh nhờ một người đã lưu-học ở Anh - quốc về, đem các tác - phẩm viết bằng Anh-văn ra, đọc lên đến đâu, dịch ra đến đấy, cho tiên-sinh nghe rồi tiên-sinh dựa theo lời dịch chuyển-khẩu đó, mà viết ra thành văn.

Sở dĩ Lâm - tiên - sinh đã thành - công một cách rực rỡ, là vì tiên-sinh đã khéo dùng văn-ngôn để dịch các bộ tiểu-thuyết trường-thiên của tây-phương ; đó là một công-việc mà chưa có một văn-gia nào đã làm được một cách chu-đáo. Tiên-sinh đã tung-hoành ngọn-bút mà phát-huy ra cả một áng-văn khôi-kỳ, hùng-vĩ, nó lôi-cuốn người đọc, và đưa họ tới những chân-trời xa-lạ và mới-mẽ !

(1) Ở cuốn Kinh Hoa yên vân, là Lâm-Cầm-Nam, nhưng dịch - giả đã thấy ở một cuốn sách khác viết là Sầm-Cầm-Nam ?

KHÓI LỬA KINH THÀNH

Sự thành-công đó đã làm cho cái thịnh-danh của tiên-sinh nổi dậy như sóng cồn !

Trong bản-dịch Ái-phàm-hòa (Ivanhoe) của Lâm-Cầm-Nam, Lập - Phu đã nhận thấy chữ ghi bằng bút-chi của Mộc-Lan. Những lời ký-chú đó liên-hệ tới các vai chủ-động của bộ chuyện, trong hai vai : Rebecca và Rowena, lẽ tự-nhiên, là Mộc-Lan biểu đồng-tình với Rebecca. Tới cái đoạn, trước sự thăm-yêu, trộm-nhớ của nàng Rebecca, chàng Ivanhoe, như một kẻ mê-muội chẳng hề lưu-ý đến nàng, Mộc-Lan đã ghi : « Hồ-đồ ! Mù-quáng ! Hồ-đồ ! »

Thế rồi, ở cái đoạn mà nàng Rebecca kể lại cuộc xung-đột ở chung-quanh cái lâu-dài cổ ; chàng Ivanhoe tuy đã bị-thương, nhưng vẫn đề hết tâm-não vào cuộc chiến-đấu, mà không hề nghĩ tới nàng, một tí nào, Mộc-Lan lại đã ghi : « Kẻ thông-mẫn nhất đời, mà cũng mù-quáng đến mức ấy, ư ? ! » Lập-Phu nhận thấy, mấy dòng chữ này mới viết cũng gần đây thôi, nhưng vào ngày hôm nào ? Lập-Phu muốn biết quá, mà không làm thế nào tìm ra được.

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG



EN JUILLET & AOUT 1959 SUR LES ECRANS SAIGONNAIS

INTERNATIONAL POLICE
(Police International)

ODONGO
Technicolor Cinémascope

THE TWO-HEADED SPY
(Chef de Réseau)

TANK FORCE
La Brigade des Bérêts noirs
Technicolor Cinémascope

MEN & WOLVES
(Hommes & Loups)
Technicolor Cinémascope

Victor Mature — Anita Ekberg — Trevor Howard — Bonar Colleano — Peter Illing

Rhonda Fleming — McDonald Carey Juma — Eleanor Summerfield

Jack Hawkins — Gia Scala — Alexander Know — Félix Aylmer — Kenneth Griffith.

Victor Mature — Leo Genn — Anthony Newly — Luciana Paluzzi — Kenneth Fortecue — Bonar Colleano — Anne Aubrey.

Silvana Mangano — Yves Montand — Pedro Armendariz — Irene Cefaro — Guido Celano.

COLUMBIA FILMS OF VIETNAM, LTD
N° 23, Rue GiaLong
Téléphone : 24.710
SAIGON

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

- « Bài Việt - văn kỳ thi tú-tài, phần I : Giảng-văn, » của Phạm-Thế-Ngũ do Quốc học tùng thư xuất-bản nhà in Nam Sơn phát-hành và gửi biếu. Sách dày 200 trang, giá 58\$00.
- « Bài Việt - văn kỳ thi tú-tài » của Phan-Thế-Ngũ, quyển 2, phần Nghị-luận. Sách dày 210 trang giá 65\$00.
- « Tập đọc Học thuộc lòng lớp nhất » của Ô. Bùi-Quang-Lý và một nhóm Giáo-viên, dày 154 trang, giá 28\$.
- « Thơ về Mẹ » thi phẩm của Khang-Lang gồm 27 bài thơ, dày 59 trang

- « Khảo-luận về cung oán ngâm khúc » của Thuần-Phong do nhà in Nam-Sơn xuất-bản và gửi biếu. Sách dày 170 trang, giá 24\$00.
- « Đường về nhân-vị » của ông Dương-Thành-Mậu, và do Trung-Tâm Huấn-Luyện Nhân-Vị xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 152 trang, giá 24\$00.

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác-giả, nhà xuất bản, nhà phát hành và xin ân cần giới-thiệu cùng các bạn đọc.

ĐÍNH CHÁNH

- ✱ B.K số 60, trang 71, phần giới-thiệu bà Tùng-Long, — « sanh năm 1913 », xin sửa lại : «... 1915 ».
- ✱ Tạp-chí Bách-Khoa số 61, trong bài trả lời cuộc phỏng-vấn văn-nghệ của ông Tam-Ích có câu : « Trong lúc ấy thì, biệt-phái nhất là Nga-xô-viết mà cũng dịch văn-thi-phẩm của Marcel Proust, của Dostoiewsky, của Hemingway để đọc... » Ông Tam-Ích viết thư cho tòa-soạn, nhờ đăng lời này, để xin lỗi độc-giả về chỗ ông sơ-suất : văn-hào Dostoiewsky đã là người Nga, viết tiếng Nga... thì còn phải dịch làm gì nữa ! Trong khi viết văn, thường có chuyện sơ-suất lạ vậy.
- Cũng B.K. số 61, trong bài « Trả lời cuộc phỏng-vấn văn-nghệ »,
- trang 81, đoạn giới-thiệu nhà văn Tam-Ích :
 - « thường viết văn về chính-trị, .. » xin bỏ chữ văn.
- trang 82, dòng 4, 5 :
 - đến vài truyện trong Thần-Tháp Rùa của Vũ-Khắc-Khoan », xin bỏ hai chữ vài và trong.
- cùng trang, cùng cột, chú-thích (6) ; « và chính bản dịch này mặc dầu kém hơn bản dịch của Pierre - Kèn Dariville được cho đăng trong quyển « 54 meilleurs contes du monde », chữ cho xin sửa lại : chọn.
- trang 87, cột 2 dòng 14 : « un pégard d'égoût », xin sửa : un regard... »
- Số thư tự trước tên : Tam-Ích, Nguyễn-Đức-Quỳnh, xin các bạn sửa lại :
 - VI.— Tam Ích (chớ không phải V)
 - VII.— Nguyễn-Đức-Quỳnh (chớ không phải VI)
- B.K. số 61 trong bài « Học chữ nước ngoài » của ông Đoàn-Thêm trang 31 dòng 5 cột 1, « ngõ hầu » xin đọc là « ngũ châu »
- trang 110 trong bài thơ « Bãi bờ Nha-trang » câu 6 xin đọc : « Màn trời mây điểm cảnh ly tan ».

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— Những bài đã nhận được : Trời của Không - Phụ - Tử (Đức - Thạc) Về (Nguyễn-Văn-Hầu), Đêm buồn, Mưa chiều, Chị văn (Dương-Thị-Lụa), Đêm mộng (Phan-Hiền-Đức), Chiều tình-ly (Huy-Trâm), Người trong mộng; Một bài thơ không gửi, Hội hoa đăng (Hoàng-Vũ), Duyên trăng (Thanh-An), Nắng hát vào mắt em (Hoài-Việt), Mâu hoa ly-biệt (Chi-Hoài-Vân), Yêu muôn đời; Mỗi tình con con (Nguyễn-Khoa), Tình Bắc-Nam (Trần-Hà-Trung) Tàn phượng (Bành-Khanh) Phù hoa, Hồn về (Nguyễn-Mạnh-Hùng) Tôi chỉ đi một mình, Tôi đi vào cuộc đời (Thanh-Thái-Linh), Trăng thu (Đông-Xuyên), Nhớ sương (Lê-Linh) Ta là gió; Khách thơ (Hoài-Chi) Canh thâu, Bền trời (Khương-Từ-Khang) Thư của bạn; (Kim-Liên) Em của anh (Mình-Minh) Học thi; Tình nông trí; Tôi đã làm gì ích cho ai? (Thanh-Ký) Quê cũ, Hãy yêu đi (Trần Đại) Tiễn biệt (Đỗ-Hồng-Vũ) Siemreap, Phiêu-diêu (Lâng-Lâng).

Người mẹ hiền; Hai con gà chọi (Hy-Vũ) Bên đời sim; Ánh đèn sau lưng; Những vì sao (Hữu-Hoàng) Hoa nước mắt (Chi-Hoài-Vân) Rừng bản trắng sao (Thanh-Việt-Thanh).

Trân trọng cảm ơn các bạn.

— Những bài không đăng : Tình nhân-loại (Đ. D.) Tại sao...; Hôm nay, ngày mai (S. H.)

Không bến (T. Đ.) Trăng nước quê em. Là (P.H.Đ.) Bờ trăng, Di chúc, Con chiến ghê (TNL), Mùa sim chín (H. V.) Em bé bán đậu phộng (N.T.Đ.) Hồn thơ (N.L.G.), Trăng cổ nhân), Áo trắng cuộc đời (T.G.) Tiếng hát xa xưa, Trăng nước quê Em, Đẹp xưa (P.H.Đ.)

Những bài trên đây, vì nhiều lý do, nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Trần-Đại: Đã nhận được « Đêm đại-lộ » sẽ đăng. Mong bạn gửi cho những sáng-tác sâu sắc hơn nữa và xin cho biết tên thực cùng địa-chỉ hiện-tại.

Ô. L.V.P: Chúng tôi đã nhận được truyện dịch của ông. Ông đã khéo lựa một truyện khá cảm-động. Tuy nhiên, cuốn sách ông dịch, nhiều người đã đọc rồi. Vậy mong ông gửi cho những truyện khác mới mẻ hơn.

Ô. X.S.: Đã nhận được ba truyện ngắn. Rất cảm ơn ông. « Chị V. » khá hơn cả. Hai truyện kia hơi-hợt tầm - thường quá. Ông vội vàng quá, giá ông đào sâu hơn nữa, chắc hẳn chúng tôi sẽ nhận được những sáng - tác có giá - trị hơn nhiều.

Ô. Trường-Dzi: Đã nhận được bài khảo-luận của ông. Sẽ xin có thư riêng.

Ái-Nhân : Trong những truyện ngắn bạn gửi. « Cây trứng cá » cảm-động hơn cả. Bạn viết khá hay, nhưng những loại truyện đó rất tiếc không hợp với Bách Khoa.

Ô. Viễn-Phương (Kiến-Phong) : Chúng tôi đã nhận được thư và hai bài biên-khảo của ông. Bài thứ nhất chúng tôi đang xem sẽ xin trả lời sau. Bài thứ hai chúng tôi mới nhận được 8 trang. Những ý-kiến ông gửi cho trong thư trước, chúng tôi sẽ xin cố gắng thực-hiện. Về việc ông hỏi ở thư sau, chúng tôi cũng chưa được rõ tin-tức gì. Nếu hỏi được, chúng tôi sẽ trả lời sau bằng thư riêng.

Ô. Minh Quang : Chúng tôi sẵn lòng gửi đến ông từ số 1 đến 60 với giá mua năm tất cả là 450\$ chưa kể cước-phí. Xin ông cho biết rõ địa-chỉ, chúng tôi mới căn cứ vào đó mà tính cước-phí bảo-đảm được.

Anh Cung-Giú-Nguyên : Đã nhận được sáng-tác của anh. Rất cảm ơn anh. Sẽ đăng trong các số tới.

Bạn Nguyễn-Văn-Đầy : Ý - kiến bạn : đăng lại những truyện ngắn Việt và dịch đăng những truyện ngắn

ngoại-quốc, mà các nhà văn, nhà giáo, nhà báo đã cho rằng hay nhất hoặc thích nhất, hiện giờ, nhà báo chưa thể thực-hiện được. Để khi đăng hết loạt bài « Trả lời cuộc phỏng - vấn... », chúng tôi sẽ lại nghiên-cứu.

Mối chân tình (N. K.) Mũ trắng (P.H.D.)

Kim-Tuấn : Đã nhận được thư. Thơ sẽ lựa đăng gửi Tuấn thư riêng.

Thanh-Thuyền : (Huế) Đã nhận được bài của ông và sẽ xin đăng trên số tới đây. Xin ông cứ tiếp tục gửi thêm cho.

Diên-Nghị : Đã nhận được thêm hai bài thơ của anh. Rất cảm ơn. Sẽ lựa đăng.

Anh-Lâm (Ba-xuyên) : « Đêm tàn phá » nhiều nhận xét rất đúng diễn tả thực linh-động, nhưng cũng không khác xa tâm-trạng trong « Thăng không ». Mong anh gửi cho sáng tác khác vậy.

Hương Quy : Đã nhận được thư và thơ của ông. Sẽ có thư riêng.

Thanh - Việt - Thanh : Đã nhận thư và sáng tác của ông. Rất cảm ơn ông.

ĐÓN ĐỌC :

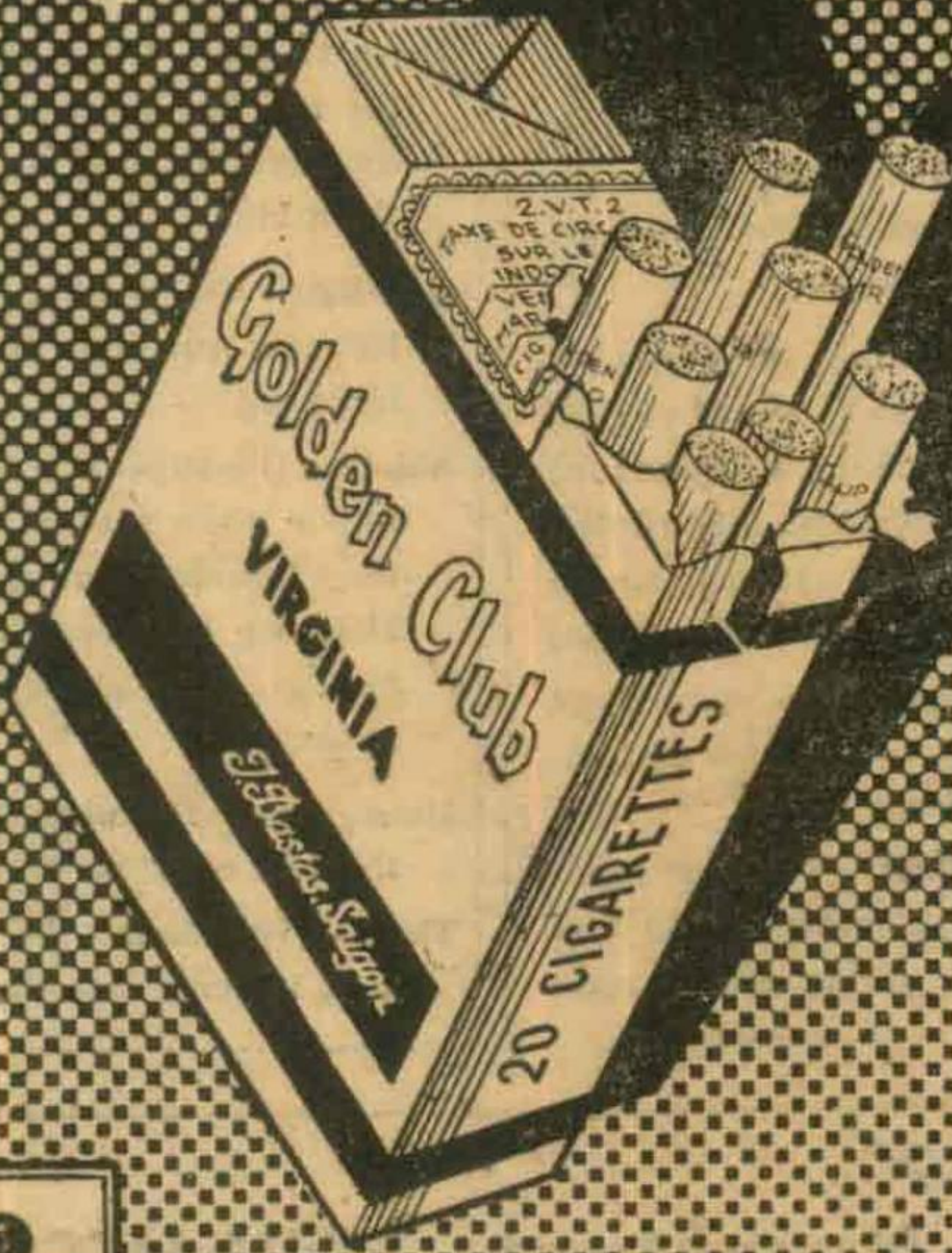
Nguyệt-san SINH-LỰC

Cơ-quan Văn-Học, và Nghệ-Thuật, Chính-trị,
Xã-hội xuất-bản ngày 25 mỗi tháng.

Dày 100 trang, giá 18 đồng.

Số 7 đã ra ngày 25 tháng 7 năm 1959.

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thường kích hàng

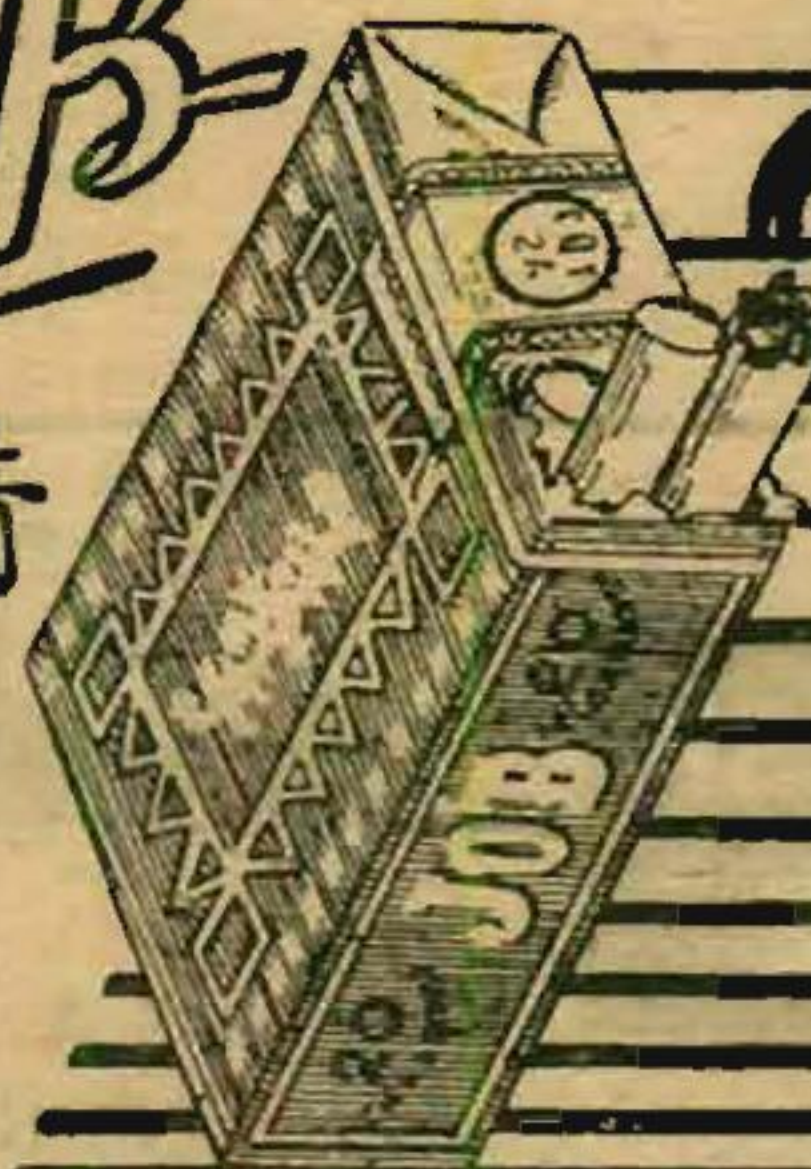
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
Mùi êm dịu
Khói thơm say
Hương - vị ngọt ngào
Khắp gần xa nức tiếng.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

Job

請吸
金字烟



BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng
của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller
8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient.

AGENTS AU VIETNAM
PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

Mùng 1 và 15 mỗi tháng Bạn tìm đọc

Giáo - Dục Phổ - Thông

- Một tập-san Văn-học có nhiều bài khảo-cứu công-phu.
- Một tập - san Văn - nghệ có nhiều sáng tác hấp dẫn và lành mạnh.

Do ông PHẠM-QUANG-LỘC chủ trương
với sự cộng tác của :

- | | |
|-------------------|---------------------------|
| — Bình-Nguyên-Lộc | — Nguyễn-Văn-Thanh |
| — Châu-Hải-Kỳ | — Phan-Minh-Hồng |
| — Duy-Liên | — Thạch-Trung-Giả |
| — Định-Giang | — Triều-Đầu |
| — Giang-Tân | — Tân-Loan-Kiều |
| — Hoài-Khanh | — Trúc-Liên |
| — Hồ-Nam | — Tường-Linh |
| — Kiên-Đạt | — Thanh-Thương-Hoàng |
| — Khổng-Xuân-Thu | — Uyên-Thảo |
| — Kim-Tuấn | — Võ-Liệu |
| — Lê-Thanh-Thái | — Võ-Phiến |
| — Lê-Thành-Nhân | — Vũ-Anh-Tuấn |
| — Nguyễn-Hiến-Lê | — Vũ-Đằng |
| — Nguyễn-Ngu-Í | — Yā-Hạc và Trinh-Nguyễn. |
| — Nguyễn-Minh | |

— Giá bán mỗi số : 8 \$

— Một năm (24 số) : 180 \$

— Bài vở xin gửi về :

Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kể — Saigon

— Tiền bạc và ngân phiếu, xin đề tên : Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.

8 Ngô-Đức-Kể — Saigon.



NUỐC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TĨNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

